

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRUNG HỌC GIAI ĐOẠN 2

---o0o---

TRẦN THỊ VẰNG

HOÀNG THỊ NHO - HÀ THANH VÂN

NGUYỄN THỊ HẰNG - TRỊNH THỊ THU THANH

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018
CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN
HỌC HÒA NHẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ
(Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp trung học cơ sở)

Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG TRONG GIÁO DỤC HÒA NHẬP HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ.....	3
1.1. Học sinh khuyết tật nhìn.....	3
1.1.1. Khái niệm khuyết tật nhìn.....	3
1.1.2. Phân loại mức độ khuyết tật nhìn.....	3
1.1.3. Một số biểu hiện chính nhận biết học sinh khuyết tật nhìn.....	4
1.1.4. Đặc điểm phát triển học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở	5
1.2. Quy trình giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở.....	10
1.2.1. Tìm hiểu khả năng và nhu cầu học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở.....	10
1.2.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở.....	14
1.2.3. Các điều kiện đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 dành cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập cấp trung học cơ sở.....	21
CHƯƠNG 2. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN.....	81
2.1. Định hướng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở cho học sinh khuyết tật nhìn.....	81
2.1.1. Phù hợp với đặc điểm phát triển và khả năng học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở.....	81
2.1.2. Tiếp cận linh hoạt Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tăng cường trực quan, học thông qua hoạt động và trải nghiệm.....	81
2.1.3. Đảm bảo đáp ứng sự đa dạng trong phát triển năng lực học sinh khuyết tật nhìn.....	83
2.1.4. Phù hợp với điều kiện thực tiễn và đáp ứng nguyện vọng của học sinh và gia đình học sinh khuyết tật nhìn.....	84

2.2. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở cho học sinh khuyết tật nhìn.....	85
2.2.1. Mục tiêu giáo dục cấp trung học cơ sở.....	85
2.2.2. Môn học.....	85
2.2.3. Kế hoạch thời lượng.....	87
2.2.4. Yêu cầu cần đạt.....	87
2.2.5. Xét tuyển, kiểm tra đánh giá, công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp.....	89
2.3. Một số ví dụ minh họa về điều chỉnh chương trình một số môn học, hoạt động trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở cho học sinh khuyết tật nhìn.....	97
2.3.1. Môn Toán.....	97
2.3.2. Môn Khoa học tự nhiên.....	112
2.3.3. Môn Lịch sử – Địa lí.....	134
2.3.4. Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.....	157
CHƯƠNG 3. THỰC HIỆN HỖ TRỢ HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN HỌC HÒA NHẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ.....	166
3.1. Học sinh khuyết tật nhìn sử dụng các thiết bị hỗ trợ, đồ dùng trong học hòa nhập cấp trung học cơ sở.....	166
3.1.1. Các thiết bị hỗ trợ, đồ dùng dành cho học sinh khuyết tật nhìn.....	166
3.1.2. Học sinh khuyết tật nhìn sử dụng thiết bị hỗ trợ, đồ dùng trong trường hòa nhập cấp trung học cơ sở.....	169
3.2. Hướng dẫn học sinh khuyết tật nhìn di chuyển độc lập, an toàn trong môi trường trường học hòa nhập cấp trung học cơ sở.....	178
3.3. Kỹ năng hỗ trợ ngoài giờ trên lớp dành cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở.....	182
3.3.1. Hình thức hỗ trợ ngoài giờ lên lớp cho học sinh khuyết tật nhìn.....	182
3.3.2. Hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn ngoài giờ lên lớp.....	183
3.3.3. Một số lưu ý khi hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn ngoài giờ lên lớp..	184
3.4. Kỹ năng hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn tìm kiếm và sử dụng các tài liệu tham khảo trong quá trình học hòa nhập.....	185
PHỤ LỤC.....	187
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	190

LỜI MỞ ĐẦU

Luật Người khuyết tật (số 51/2010/QH12) của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quy định “Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục chủ yếu đối với người khuyết tật”. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai giáo dục hòa nhập ở các cấp học và thực tiễn cho thấy tính hiệu quả và khả thi của phương thức giáo dục này bằng các chỉ số về số lượng học sinh khuyết tật đi học hòa nhập ngày càng tăng về số lượng và nâng cao về chất lượng.

Ngày 28/11/2014 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Thực hiện Nghị quyết này, ngày 26/12/2018 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (sau đây gọi là Chương trình giáo dục phổ thông 2018) với định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cùng với đó là tạo cơ hội bình đẳng về quyền được bảo vệ, chăm sóc, học tập và phát triển, quyền được lắng nghe, tôn trọng và được tham gia của học sinh; đặt nền tảng cho một xã hội nhân văn, phát triển bền vững và phồn vinh.

Tài liệu ***“Hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập cấp trung học cơ sở”***

Tài liệu gồm 3 chương:

Chương 1. Một số vấn đề chung trong giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở. Nội dung chương đề cập đến các thuật ngữ liên quan đến khuyết tật nhìn và quy trình giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật nhìn.

Chương 2. Phát triển Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở cho học sinh khuyết tật nhìn. Nội dung chương tập trung vào định hướng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, hướng dẫn phát triển chương trình dành cho học sinh khuyết tật nhìn và ví dụ minh họa cụ thể.

Chương 3. Thực hiện hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập cấp trung học cơ sở. Nội dung chương chỉ ra hướng dẫn những kỹ thuật đặc thù trong hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn như: hướng dẫn sử dụng thiết bị, định hướng di chuyển trong trường phổ thông, hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn ngoài giờ lên lớp.

Theo kế hoạch triển khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2021 – 2022 sẽ thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6, vì vậy trong khuôn khổ tài liệu sẽ chỉ hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập lớp 6, đồng thời lựa chọn các môn học phù hợp với học sinh khuyết tật nhìn là Toán, Khoa học Tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để minh họa.

Nội dung tài liệu có tham khảo một số công trình khoa học, các tài liệu nghiên cứu và kết quả triển khai về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật nhìn trong trường phổ thông của một số tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Tài liệu có thể được sử dụng làm hướng dẫn chính thức hoặc công cụ, nguồn tư liệu tham khảo cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh học sinh và những nhà chuyên môn quan tâm trong giáo dục học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập cấp trung học cơ sở.

Giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật trong trường trung học cơ sở rất đa dạng, phong phú, có thể được thể hiện ở nhiều tầng bậc và xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Nội dung đề cập trong bộ tài liệu này mới phản ánh được những vấn đề cơ bản, cốt lõi nhất.

Mặc dù nhóm tác giả đã có nhiều cố gắng để giới thiệu đến các thầy giáo, cô giáo những vấn đề cơ bản trong việc triển khai thực hiện các nội dung giáo dục học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập trong trường trung học cơ sở nhưng tài liệu không khỏi còn những hạn chế cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện.

Rất mong sự phản hồi, góp ý của các cấp quản lý, các cơ sở giáo dục và các nhà giáo.

Trân trọng cảm ơn!

NHÓM TÁC GIẢ

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG TRONG GIÁO DỤC HÒA NHẬP HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.1. HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN

1.1.1. Khái niệm khuyết tật nhìn

Có nhiều thuật ngữ khác nhau liên quan đến vấn đề về mắt: Khuyết tật nhìn, khuyết tật thị giác, khiếm thị. Trong tài liệu này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ: **Khuyết tật nhìn** – khái niệm được sử dụng trong “Luật Người khuyết tật” – số 51/2010/QH12 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



“Khuyết tật nhìn là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhìn và cảm nhận ánh sáng, màu sắc, hình ảnh, sự vật trong điều kiện ánh sáng và môi trường bình thường (khoản 4, điều 2, nghị định 28/2012/NĐ–CP ngày 10/4/2012)”

1.1.2. Phân loại mức độ khuyết tật nhìn

Theo Khoản 2, Điều 3, Nghị định số 28/2012/NĐ–CP ngày 10/4/2012: Khuyết tật được chia thành 3 mức: Đặc biệt nặng, nặng và nhẹ.

a) Người khuyết tật đặc biệt nặng là người do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày.

b) Người khuyết tật nặng là người do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện một số việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày.

c) Người khuyết tật nhẹ là người khuyết tật không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

Do đó, khuyết tật nhìn cũng được chia thành 3 mức độ: 1) Khuyết tật nhìn mức độ nhẹ; 2) Khuyết tật nhìn mức độ nặng và 3) Khuyết tật nhìn mức độ đặc biệt nặng. Theo Thông tư số 01/2018: Người bị mù cả 2 mắt được xếp vào mức độ đặc biệt nặng.

1.1.3. Một số biểu hiện chính nhận biết học sinh khuyết tật nhìn

1.1.3.1. Những dấu hiệu bất thường về cơ quan thị giác

– Không có mắt (hốc mắt, cầu mắt). – Hình dạng của mắt không bình thường. – Mắt quá nhiều tròng trắng. – Mi mắt bị sụp ít hoặc nhiều. – Hai mắt không to bằng nhau.. – Mắt không sáng và không tròng.	– Mắt có mầu trắng đục. – Cầu mắt lồi ra.. – Cầu mắt bị xẹp, mắt hõm sâu. – Không có lông mày, lông mi. – Khi nhìn hai mắt không cùng tập trung vào vật cần nhìn. – Mắt nhìn không linh hoạt, lơ đãng.
---	--

1.1.3.2. Những dấu hiệu bất thường về biểu hiện hành vi thị giác

– Không phản ứng với ánh sáng. Không chớp mắt khi chiếu đèn pin vào mắt. – Không dõi theo vật chuyển động trong khoảng mắt nhìn thấy. – Không với lấy đồ dùng, không thích thú dùng mắt khám phá các đồ dùng học tập mới khi cầm chúng. – Không giao tiếp mắt – mắt với người khác. – Nhắm hoặc lấy tay che mắt khi tập trung nhìn. – Thường xuyên dụi/ ấn tay lên mắt. – Cầm đồ vật hoặc bất cứ cái gì có trong tay đưa lên sát mắt. – Không thích vật có màu sắc sặc sỡ và không chú ý tới sự khác nhau về màu sắc. – Không nhìn thẳng vào vật cần nhìn mà nghiêng, cúi, ngửa đầu khi nhìn. – Luôn cúi sát vật để nhìn. – Hay va vấp vào các vật/ người trên đường đi. – Đưa tay cầm, với không đúng vật cần lấy. – Hay phàn nàn vì đau đầu, buồn nôn, hoa mắt, mắt bị nóng và ngứa. – Phàn nàn vì nhìn mọi thứ thấy bị mờ, không rõ. – Sự phối hợp giữa mắt nhìn và tay làm không tốt. – Không nhìn rõ người khác hoặc các vật khi trời chập choạng tối.

1.1.4. Đặc điểm phát triển học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở

1.1.4.1. Đặc điểm phát triển vận động của học sinh khuyết tật nhìn

Khuyết tật nhìn làm giảm đi đáng kể khả năng vận động, định hướng và di chuyển của trẻ. Học sinh khuyết tật nhìn có khó khăn trong kiểm soát không gian xung quanh và có thể có cảm giác sợ vận động. Do đó, khi đến trường học đặc biệt trong giai đoạn đầu cấp, học sinh thường ngồi yên một chỗ vì cảm thấy không được an toàn khi không chắc chắn về những gì diễn ra xung quanh; học sinh mù không thể giám sát và hiểu dễ dàng các cử động của bản thân.



Khi tiếp nhận học sinh khuyết tật nhìn đầu cấp (lớp 6) hoặc học sinh chuyển trường, giáo viên nên chú ý đến đặc điểm này ở học sinh để cho học sinh làm quen với môi trường mới, khuyến khích học sinh chủ động trong di chuyển và định hướng, xác định vị trí trong không gian lớp học, trường học.

1.1.4.2. Đặc điểm phát triển nhận thức của học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở

Kết quả nghiên cứu tâm lý học sinh khuyết tật nhìn đã chứng minh rằng: Khi cơ quan thị giác bị phá hủy, hiển nhiên, học sinh sẽ gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, sự phá hủy đó không thể làm mất được năng lực phản ánh hình dạng, kích thước, độ lớn và cự li xa gần... của sự vật. Những dấu hiệu của không gian được phân tích nhờ hoạt động của tư duy. Ở học sinh khuyết tật nhìn, những hình ảnh về không gian vẫn được hình thành mặc dù trong không gian xác định ấy có bị hạn chế ít hay nhiều chi tiết.

a. Cảm giác của học sinh khuyết tật nhìn

Nghiên cứu bộ máy thụ cảm ở học sinh khuyết tật nhìn nhận thấy về cơ bản không có sự biến đổi nhưng vẫn có những tính chất riêng. Quan sát hoạt động của bộ máy cảm giác thấy có sự thay đổi về mối quan hệ giữa các bộ máy cảm giác nhưng không thay đổi đáng kể về cấu trúc, bản chất và mục đích của bộ máy thụ cảm – đó là khả năng phản ánh đầy đủ và đúng đắn thế giới xung quanh.



Mặc dù sự suy giảm hoặc mất hẳn thị lực không làm thay đổi cấu trúc của phản ánh cảm giác, từng bộ phận và các yếu tố tạo thành – cảm giác tri giác và khái niệm – về chất lượng cũng như số lượng vẫn có sự khác biệt trong mỗi quá trình như nhau so với người bình thường.

Cảm giác thị giác của học sinh khuyết tật nhìn

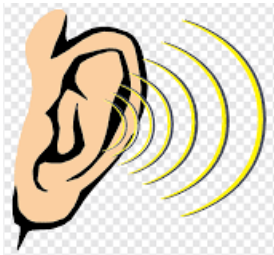
Cảm giác thị giác của người nhìn kém và người nhìn rất kém về bản chất có điểm khác với cảm giác cùng loại ở người bình thường. Sự khác nhau biểu hiện ở chỗ, thị lực suy giảm, cảm giác với ánh sáng, màu sắc đều yếu và trường thị giác bị thu hẹp. Đứng trước vấn đề này, đòi hỏi các nhà sư phạm dạy học sinh khuyết tật nhìn phải đặt ra các nhiệm vụ sao cho vừa bảo vệ đôi mắt, lại vừa phát huy được khả năng còn lại của đôi mắt. Tuy nhiên, muốn bảo vệ mắt không phải là cấm mắt hoạt động mà phải biết sử dụng nó.

Ý nghĩa to lớn cho đôi mắt làm việc hiệu quả chính là chất lượng vật quan sát: Kích thước, độ tương phản của hình ảnh và màu sắc của chúng. Khi lựa chọn các vật quan sát cần phải cân nhắc tới mọi chức năng thị giác.

Đặc điểm rất quan trọng để việc sử dụng thị giác còn lại có hiệu quả là độ lớn của vật, độ tương phản giữa vật với nền và khoảng cách từ mắt đến vật. Đối với học sinh nhìn kém, việc xác định kích thước của vật sẽ có ý nghĩa to lớn khi xem xét tương quan giữa thị lực với kích cỡ của chữ viết, đối với thị lực xa, trong khoảng cách dao động từ 1m – 5m (độ tương phản giữa chữ với nền, độ sắc nét của chữ là 100%).

- Thị lực 1/10: Cỡ chữ 75mm, nét chữ 15mm.
- Thị lực 2/10: Cỡ chữ 37,5mm, nét chữ 7,5mm.
- Thị lực 3/10: Cỡ chữ 25mm, nét chữ 5mm.

Cảm giác thính giác của học sinh khuyết tật nhìn



Đối với học sinh khuyết tật nhìn, thính giác càng có ý nghĩa quan trọng hơn. Chính nhờ có tai nghe, học sinh khuyết tật nhìn mới định hướng đi lại trên mặt đất, nhận biết được người đối thoại, các sự vật trong không gian. Sự thay đổi âm thanh giúp học sinh khuyết tật nhìn cảm nhận được sự thay đổi của

môi trường, sự thay đổi giọng nói của người khác giúp học sinh khuyết tật nhìn cảm nhận trạng thái tâm lý của đối tượng giao tiếp. Đây chính là cơ sở để đảm bảo học sinh khuyết tật nhìn thực hiện hoạt động giao tiếp bình thường với những người xung quanh và cũng là điều kiện cơ bản tất yếu để bù trừ chức năng khiếm khuyết và hậu quả của nó.

Độ nhạy cảm thính giác được thay đổi một cách tích cực khi thị giác bị tổn thương trầm trọng. Nhưng sự xuất hiện mặt tích cực của thính giác không phải do kết quả mất thị giác mà là do sau đó bộ máy thính giác đã tham gia tích cực vào hoạt động trong hoàn cảnh điều kiện sống thay đổi. Đặc điểm hoạt động của học sinh khuyết tật nhìn đã góp phần hạ thấp ngưỡng cảm giác tuyệt đối thính giác, nghĩa là nâng cao khả năng phân tích hóa chính xác âm thanh nhất là tiếng ồn ào trong môi trường định hướng.

Như vậy, tai học sinh khuyết tật nhìn được phát triển nhìn chung bình thường như tai học sinh không khuyết tật nhìn. Trong điều kiện tai được sử dụng tích cực vào hoạt động phối hợp cùng với các bộ máy thụ cảm khác, ngưỡng cảm giác sẽ được hạ xuống rõ rệt, tai học sinh khuyết tật nhìn trở nên nhạy cảm hơn và tinh tế hơn. Do vậy, cho phép học sinh khuyết tật nhìn dù nhìn kém hay mù hoàn toàn vẫn đạt được kết quả khả quan trong hoạt động trí tuệ và thực tế cuộc sống.

Cảm giác xúc giác của học sinh khuyết tật nhìn

Cảm giác xúc giác xuất hiện ở da khi bị kích thích trực tiếp là tổng hợp của nhiều cảm giác phức hợp – đó là cảm giác động chạm, áp lực, nhiệt độ (nóng, lạnh) và cảm giác đau. Kết quả của tiếp xúc này làm xuất hiện trong não bộ cảm giác phản ánh nhiều thuộc tính dấu hiệu của vật thể như: độ lớn, độ co giãn, độ đặc, độ phẳng trơn hay sần sùi, độ nóng, lạnh...

Cảm giác xúc giác phản ánh tính cơ học các dấu hiệu không gian và thời gian, các thuộc tính sự vật mà còn tham gia tạo thành một sơ đồ hệ thống toàn thân. Cảm giác xúc giác cũng là yếu tố cốt lõi nhất để tạo nên tín hiệu cơ bản của những cảm giác xúc giác tích cực chủ động – đó là một thể loại tri giác quyết định cốt lõi của người mù.

** Tri giác của học sinh khuyết tật nhìn*

Khi bị mù hoặc nhìn kém, một số đặc tính tri giác sẽ bị suy yếu. Ví dụ: Tính chọn lọc của tri giác bị hạn chế, vì phạm vi của những kích thích gây

hứng thú bị thu hẹp. Trong phản ánh, tính tích cực cũng bị suy giảm đáng kể. So với người bình thường những đối tượng của thế giới xung quanh dễ gây cảm xúc cũng khó tác động tới tình cảm của người mù. Vì người mù thiếu va chạm thực tế nên kinh nghiệm tri giác rất nghèo nàn. Khả năng nắm vững và khái quát hóa, những hình ảnh phức tạp do thiếu kinh nghiệm cảm giác nên kết quả phản ánh không đầy đủ và chính xác, vùng tri giác thị giác vốn bền vững nay bị co hẹp.

Tri giác thính giác

Với người mù thính giác có vai trò vô cùng quan trọng, quyết định sự nhận thức và định hướng trong các hoạt động như:

- Định hướng và di chuyển;
- Hiểu được sự vật và con người xung quanh;
- Điều kiện quan trọng để đi học như một học sinh bình thường vì nghe được;
- Nghe người khác nói để đoán được trạng thái tâm lý, tính tình người ấy;
- Là phương tiện điều kiện phục hồi chức năng khuyết tật nhìn theo quy luật bù trừ.

Mức độ thính và nhận biết tinh tế của người khuyết tật nhìn so với người sáng: Nhìn chung, nhờ có luật bù trừ và luyện tập nên độ nhạy cảm thính giác là tinh tế. Tuy nhiên, vẫn có nhiều hạn chế do thiếu sự kết hợp giữa tri giác nhìn và nghe. Nhiều loại ngôn ngữ không phát thành tiếng khiến học sinh khuyết tật nhìn không cảm nhận được.

** Đặc điểm biểu tượng của học sinh khuyết tật nhìn*

- Đặc điểm biểu tượng của học sinh khuyết tật nhìn là những hình ảnh:
 - + Đoạn khúc, chấp vá, dập khuôn, máy móc;
 - + Mức độ khái quát hóa rất thấp và hình thức chủ nghĩa, giáo điều.
- Đặc điểm biểu tượng còn phụ thuộc vào trạng thái của cơ quan thị giác, vào thị lực, vào trường thị giác và hàng loạt các yếu tố khác: Vốn tri thức, kinh nghiệm, đặc điểm hoạt động, điều kiện giáo dục và học tập...

** Tưởng tượng của học sinh khuyết tật nhìn*

Theo chức năng của mình, tưởng tượng khác nhưng gắn bó rất mật thiết với các biểu tượng. Vì vậy, tính hạn chế, đứt quãng, thiếu hụt của biểu tượng và những khiếm khuyết khác của hình ảnh trí nhớ đã ảnh hưởng trực tiếp tới mức độ phát triển của tưởng tượng.

Tuy nhiên, dù có những hạn chế tưởng tượng của học sinh khuyết tật nhìn vẫn được sử dụng rộng rãi trong quá trình hoạt động và trong hàng loạt các trường hợp nó bù đắp cho thiếu hụt của tri giác và sự nghèo nàn của trải nghiệm cảm tính. Như vậy nó thực hiện chức năng bù trừ.

Vai trò đặc biệt quan trọng trong bù trừ khuyết tật thị giác và hậu quả của nó trong sự thiếu hụt của nhận thức cảm tính phụ thuộc vào tưởng tượng tái tạo. Nhờ có tưởng tượng, học sinh khuyết tật nhìn trên cơ sở mô tả bằng lời nói và các hình ảnh thị giác, xúc giác, thính giác... đã có hình thành được hình ảnh của các sự vật không thể phản ánh trực tiếp được.

1.1.4.3. Đặc điểm giao tiếp học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở

Với học sinh khuyết tật nhìn nói chung và học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở nói riêng, quá trình giao tiếp cũng diễn ra tương tự như học sinh không khuyết tật nhìn. Tuy nhiên, học sinh khuyết tật nhìn thường phát triển chậm hơn so với học sinh không khuyết tật nhìn về ngôn ngữ và kỹ năng xã hội, cụ thể như sau:



- Biểu hiện nét mặt nhiều khi không trùng khớp với ngữ điệu của học sinh khuyết tật nhìn vì học sinh không thể sử dụng mắt để nhìn học và bắt chước các cử động của người giao tiếp với mình;

- Học sinh khuyết tật nhìn cần nhiều thời gian hơn so với học sinh sáng mắt để tìm hiểu mọi điều xung quanh mình. Những người xung quanh cần hiểu và biết chờ đợi, cho học sinh thêm thời gian để thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu những điều kỳ lạ thu hút học sinh;

- Học sinh sáng mắt học các cách thức, hành vi giao tiếp thông qua quan sát và có nhiều cơ hội học tập ngẫu nhiên nhưng đối với học sinh khuyết tật nhìn hạn chế hoặc không thể sử dụng mắt để nhìn, quan sát. Do đó, quá trình học, phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh khuyết tật nhìn hiển nhiên sẽ chậm hơn so với học sinh sáng mắt;

– Do nguồn thông tin về thế giới xung quanh ít, dẫn tới vốn từ của học sinh khuyết tật nhìn càng trở nên nghèo nàn. Với thính giác phát triển, nghe và bắt chước phát âm chuẩn, học sinh khuyết tật nhìn học thuộc lòng một cách máy móc các câu nói của những người xung quanh mà nhiều khi không hiểu nghĩa của câu đó. Nói cách khác là ngôn ngữ nói của học sinh khuyết tật nhìn nhiều khi không gắn với sự vật, hiện tượng thực (ngôn ngữ rỗng);

Quan trọng hơn với những học sinh khuyết tật nhìn bắt đầu vào học trung học, giáo viên cần giải thích hoặc cho học sinh hiểu về nội dung tình cảm của ngữ điệu, làm cho tương tác giữa học sinh với mọi người luôn thoải mái và vui vẻ. Ngược lại, không đủ thời gian để hiểu điều gì đang xảy ra sẽ gây cho học sinh mệt mỏi, bối rối và phá vỡ giao tiếp vừa được thiết lập.

– Cơ hội tiếp xúc với người xung quanh giảm làm cho sự phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh khuyết tật nhìn bị hạn chế nhiều. Như vậy, hậu quả tất yếu, cơ hội giao tiếp ít, kỹ năng giao tiếp kém phát triển sẽ dẫn tới hạn chế khả năng khám phá, nhận thức của học sinh khuyết tật nhìn;

– Học sinh khuyết tật nhìn không có nhiều chủ đề để nói chuyện và khó hiểu được người khác nói về điều gì vì không có đủ biểu tượng.

1.2. QUY TRÌNH GIÁO DỤC HÒA NHẬP HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.2.1. Tìm hiểu khả năng và nhu cầu học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở

a. Nhu cầu đặc thù của học sinh khuyết tật nhìn

Bảng 1.1. Nhu cầu đặc thù của học sinh khuyết tật nhìn dựa trên thang nhu cầu của Maslow

Nhu cầu chung	Nhu cầu của học sinh khuyết tật nhìn cần được đáp ứng
1. Nhu cầu về thể chất: Thức ăn, nơi ở, nước uống, đủ ấm.	– Như học sinh không khuyết tật nhìn.
2. Sự an toàn chắc chắn. Sự ổn định chắc chắn không hề sợ hãi.	– Nhu cầu được hỗ trợ, chỉ dẫn đặc thù đảm bảo an toàn về đi lại, sử dụng tiện

	ích trong gia đình, nhà trường và cộng đồng (sử dụng gậy di chuyển, gậy chữ nổi, biểu tượng nổi để nhận biết – độ nhám của gạch trên vỉa hè...).
3. Sự thương yêu và gắn bó: Bạn bè, gia đình, vợ chồng.	– Như học sinh không khuyết tật nhìn.
4. Lòng tự trọng: Những điều đạt được trong học tập, được tôn trọng.	– Như học sinh không khuyết tật nhìn.
5. Quá trình phát triển cá nhân, sự hoàn thiện, tính sáng tạo.	– Học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở cần được tham gia vào các hoạt động giáo dục hòa nhập nhằm phát huy hết năng lực bản thân.



Hình 1.1. Năng lực đặc thù của học sinh khuyết tật nhìn

Theo quan điểm của Gardner thì trong bản thân mỗi con người có rất nhiều khả năng trong đó có những khả năng mà chúng ta chưa bao giờ sử dụng hoặc ít sử dụng.

Bảng 1.2. Năng lực học sinh khuyết tật nhìn dựa trên năng lực của Maslow

1. Năng lực giao tiếp/ Ngôn ngữ	Học sinh khuyết tật nhìn thường có năng lực ngôn ngữ rất phát triển về số lượng từ vựng, đọc văn bản nhanh, làm văn, làm thơ. Tuy nhiên, với những hạn chế về trải nghiệm thực tế bằng mắt nên có thể dẫn đến những hạn chế về chất lượng từ vựng, nghĩa từ và sử dụng từ một cách linh hoạt trong các ngữ cảnh khác nhau.
2. Năng lực tư duy logic và toán học	Học sinh khuyết tật nhìn có thể có năng lực tư duy logic toán như học sinh không khuyết tật nhìn với các nội dung liên quan đến số học, đại lượng... Tuy nhiên, học sinh gặp khó khăn trong các năng lực toán liên quan đến hình khối, không gian, lập luận logic, linh hoạt. Đây là 1 trong những căn cứ cho những điều chỉnh về học tập môn toán của học sinh khuyết tật nhìn.
3. Năng lực tưởng tượng (hình ảnh/ hội hoạ...)	Đây là một trong những hạn chế của học sinh khuyết tật nhìn bởi học sinh thường khó khăn trong quan sát và cảm nhận không gian, hình ảnh.
4. Năng lực âm nhạc	Dựa trên quy luật bù trừ giác quan, học sinh khuyết tật nhìn thường có năng lực tốt về cảm thụ âm nhạc và hiểu về âm thanh diễn ra trong môi trường xung quanh.
5. Năng lực nội tâm	Học sinh khuyết tật nhìn thường có thiên hướng nội tâm với sự tập trung cao.
6. Năng lực quan hệ tương tác, quan hệ xã hội	Học sinh khuyết tật nhìn gặp khó khăn trong việc nhận biết cảm giác của người khác cũng như tính chủ động trong hợp tác nhóm, bởi khó khăn trong việc bao quát không gian và quan sát phản ứng nét mặt, biểu cảm của người xung quanh.
7. Năng lực thể thao/ vận động	Đây là một trong những hạn chế của học sinh khuyết tật nhìn bởi học sinh thường khó khăn trong quan sát môi trường xung quanh nên thiếu tự tin để di chuyển và tham gia vào các hoạt động.
8. Năng lực tìm hiểu thiên nhiên	Đây là một trong những hạn chế của học sinh khuyết tật nhìn bởi học sinh thường khó khăn trong quan sát môi trường xung quanh.

b. Nội dung tìm hiểu khả năng và nhu cầu

– *Sự phát triển về thể chất*: Sự phát triển cân đối của cơ thể: Hình dáng bề ngoài, khả năng vận động so với độ tuổi trung học cơ sở (đứng, đi, chạy...), khả năng lao động phù hợp với lứa tuổi và khả năng thị giác còn lại (tự phục vụ, lao động giúp đỡ gia đình...), phát triển các giác quan.

– *Khả năng ngôn ngữ – giao tiếp*: Khả năng nghe, đọc, hiểu ngôn ngữ, ngôn ngữ diễn đạt (khả năng diễn đạt bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, kỹ năng phát âm, vốn từ vựng, ngữ pháp), kỹ năng, viết, khả năng giao tiếp (không lời và bằng lời).

– *Khả năng nhận thức*: Khả năng tri giác (nghe, nhìn và các giác quan khác), khả năng ghi nhớ, khả năng tư duy, suy nghĩ, phán đoán, giải quyết vấn đề. Khả năng hiểu biết về: Con người, thế giới vật chất, phương tiện, công cụ... Khả năng học tập các môn học, xu hướng năng lực trong học tập môn học. Những khó khăn gặp phải ở các môn học.

– *Quan hệ xã hội*: Mối quan hệ của học sinh đối với mọi người, hành vi ứng xử, cảm xúc, tình cảm..., khả năng thích hợp, đáp ứng những quy định của gia đình, xã hội, khả năng hội nhập với cộng đồng.

– *Môi trường phát triển của học sinh*: Môi trường ăn ở, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, văn hoá – xã hội.

+ Mẫu phiếu tìm hiểu khả năng và nhu cầu học sinh khuyết tật nhìn. (*Chi tiết xem tại phụ lục*).

c. Phương pháp tìm hiểu khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật nhìn

Phương pháp quan sát

* Mục tiêu quan sát có thể là các thông tin về học sinh ở một số lĩnh vực như hành vi, nhận thức, giao tiếp, hoà nhập xã hội, Mục tiêu quan sát học sinh nhằm:

- Phát hiện mặt tích cực và khó khăn của từng học sinh
- Nhận biết hành vi.
- Phát hiện nhu cầu cần đáp ứng.
- Đánh giá khả năng học tập, nhận thức của học sinh;
- Lập kế hoạch giáo dục để phát triển năng lực.

* Hình thức quan sát: Quan sát trong môi trường tự nhiên: trong trường, trong lớp học, tại gia đình (nếu cần thiết) của học sinh hoặc trong môi trường có chủ đích: Tương tác trực tiếp với học sinh và quan sát những biểu hiện ở học sinh.

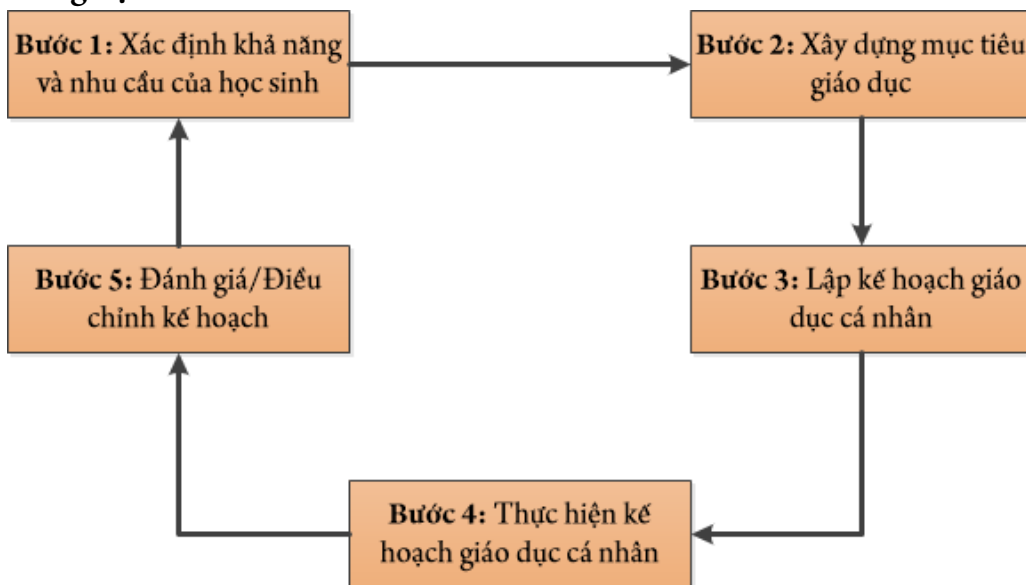
Phương pháp phỏng vấn

– Để tìm hiểu thông tin về khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật nhìn, có thể phỏng vấn:

+ Trực tiếp học sinh để tìm hiểu tâm lý, tình cảm và nhu cầu của học sinh. Điều này đặc biệt quan trọng bởi học sinh khuyết tật nhìn có thể sẽ cởi mở và chia sẻ hơn nếu người phỏng vấn tạo được sự tin tưởng với học sinh;

+ Phỏng vấn giáo viên, cha mẹ hoặc người chăm sóc để biết các thông tin về quá trình phát triển, sở thích, khả năng của học sinh cũng như các điều kiện thực tế khác để có giải pháp hỗ trợ phù hợp như: Học sinh khuyết tật nhìn đang sử dụng những thiết bị hỗ trợ nào (gậy, máy tính...) ...

1.2.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở



Sơ đồ 1.1. Quy trình xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân

*** Bước 1. Xác định khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật nhìn**

(Được thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1.2.1. Tìm hiểu khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật nhìn)

*** Bước 2. Xây dựng mục tiêu giáo dục**

– Khi xây dựng mục tiêu giáo dục cho học sinh khuyết tật nhìn, người giáo viên phải căn cứ vào:

+ Khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật nhìn: Kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm sống đã có của học sinh, những gì học sinh cần đáp ứng và tương lai phát triển của bản thân;

+ Mục tiêu, nội dung, chương trình của năm học, cấp trung học cơ sở;

+ Điều kiện, phương tiện của nhà trường, lớp học và gia đình học sinh khuyết tật nhìn.

+ Đặc điểm tình hình cụ thể tại địa phương: Đặc điểm đặc thù về địa lí, về kinh tế, văn hoá – xã hội, phong tục tập quán...

– Yêu cầu: Mục tiêu giáo dục phải được xây dựng dưới dạng mục tiêu hành vi và thời gian: mục tiêu dài hạn (năm học, học kì) và mục tiêu ngắn hạn (theo tháng).

– Mục tiêu phải đảm bảo 4 tiêu chí sau:

(i) *Đối tượng thực hiện hành vi*: Đối tượng thực hiện ở đây chính là học sinh khuyết tật nhìn;

(ii) *Điều kiện thực hiện*: Điều kiện ở đây được nói tới như là các yếu tố về vật chất, chuyên môn và con người. Yếu tố vật chất là các điều kiện cơ sở vật chất của gia đình, nhà trường, các phương tiện – thiết bị hỗ trợ; yếu tố chuyên môn là nghiệp vụ chuyên môn của giáo viên, người trực tiếp hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn (phục hồi chức năng, hỗ trợ tại nhà...); yếu tố con người là giáo viên, những người hỗ trợ, trình độ chuyên môn, điều kiện thời gian và lòng nhiệt tình, tâm huyết với nhiệm vụ.

(iii) *Hành vi có thể quan sát, lượng giá được*: Đây là những hành vi cụ thể của học sinh – kết quả giáo dục sau quá trình thực hiện. Những hành vi này phải được thể hiện bằng hành động hoặc kết quả nhận thức thực hiện bằng lời hay kết quả thực hiện các nhiệm vụ.

(iv) *Các tiêu chí đánh giá*: Tiêu chí đánh giá mức độ thành công của học sinh khuyết tật nhìn là chuẩn phát triển thể chất, những kiến thức và kỹ năng cụ thể của học sinh học được sau quá trình học tập và được hỗ trợ.

*** Bước 3. Xây dựng kế hoạch thực hiện**

– Đây là bước hết sức quan trọng, thể hiện trình độ, kỹ năng của những người tham gia lập kế hoạch. Những nội dung giáo dục phải được trình bày một cách có hệ thống, phù hợp với khả năng, nhu cầu phát triển của học sinh khuyết tật nhìn.

(i) Một số yêu cầu khi xây dựng kế hoạch

+ Hệ thống kiến thức, kỹ năng cần được xây dựng từ mức độ đơn giản đến mức độ khó/cao hơn;

+ Các nhiệm vụ càng được chia nhỏ thành các bước và thực hiện từng bước/từng phần nhỏ thì càng tốt;

+ Thiết kế các hoạt động được diễn ra trong nhiều môi trường khác nhau nhằm tăng số lượng kiến thức cũng như tăng mức độ thành thạo các kỹ năng cho học sinh khuyết tật nhìn;

+ Sử dụng đồ dùng, phương tiện cần tuân thủ chặt chẽ quy luật của quá trình nhận thức. Do đó, quá trình sử dụng này sẽ được diễn ra như sau: Vật thật ----- Mô hình ----- Hình ảnh ----- Ngôn ngữ ----- Khái niệm;

+ Xây dựng kế hoạch chuyển tiếp về thời gian, ví dụ như giữa hai học kỳ, hai cấp học.

(ii) Xác định thời gian, nội dung và biện pháp tổ chức các hoạt động

+ Thông thường, học sinh khuyết tật nhìn cần nhiều thời gian hơn để có thể lĩnh hội được một khối lượng kiến thức và do đó học sinh cũng cần được tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau. Điều này liên quan đến việc phân phối lượng thời gian để thực hiện một nội dung hoạt động nhằm đạt đến mục tiêu giáo dục đã xác định sao cho phù hợp, mang tính khả thi và kích thích hứng thú cho cả giáo viên và học sinh khuyết tật nhìn; cần tránh biểu hiện nôn nóng hay quá kỳ vọng vào sự tiến bộ vào học sinh;

(iii) Trình tự các bước tiến hành hoạt động

+ Chia nhỏ nhiệm vụ, nội dung thành các bước càng nhỏ là rất tốt với trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt. Tuy nhiên, một kỹ năng thực sự quan trọng khác là kỹ năng xây dựng các bước chuyển tiếp bao gồm việc củng cố kiến thức, kỹ năng đã đạt được, hình thành kiến thức, kỹ năng mới và chuẩn bị cho bước phát triển tiếp theo.

(iv) Nội dung, tổ chức hoạt động và mức độ tham gia của học sinh

+ Với một hoạt động cụ thể thì cần xác định rõ học sinh khuyết tật nhìn sẽ làm gì, ai là người hỗ trợ học sinh tham gia, giáo viên sẽ làm gì đối với hoạt động chung của lớp và hỗ trợ vào lúc nào, hỗ trợ như thế nào, trong thời gian bao lâu cần phải được thể hiện rõ trong khâu lập kế hoạch cũng như trong quá trình thực hiện kế hoạch.

*** Bước 4. Tổ chức thực hiện kế hoạch**

– Trước khi được thực hiện, bản Kế hoạch giáo dục cá nhân của học sinh khuyết tật nhìn cần phải được thông qua tổ chuyên môn của khối lớp, hội đồng chuyên môn của nhà trường, Ban giám hiệu nhà trường và đặc biệt là của chính cha mẹ học sinh khuyết tật. Trong quá trình thực hiện, các lực lượng tham gia cũng sẽ có những cuộc họp chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi chuyên môn, điều chỉnh kế hoạch thực hiện. Bằng cách này sẽ gắn kết được các thành viên lại thành một nhóm có trách nhiệm chung, quan trọng hơn điều này sẽ góp phần làm cho bản kế hoạch trở nên hiện thực và tính khả thi sẽ cao hơn.

– Trách nhiệm của các thành viên chính tham gia thực hiện bản kế hoạch giáo dục cá nhân.

(i) Nhà trường

Ban giám hiệu nhà trường:

+ Chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân là một trong những nhiệm vụ thường xuyên của nhà trường;

+ Hướng dẫn và hỗ trợ giáo viên xây dựng và thực hiện bản kế hoạch giáo dục cá nhân;

+ Tạo điều kiện, cung cấp cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học, phương tiện hỗ trợ cho lớp có học sinh khuyết tật nhìn;

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá và đưa ra những quyết định điều chỉnh kịp thời việc thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân của giáo viên. Bằng cách kiểm tra sổ ghi chép, kiểm tra hồ sơ của học sinh khuyết tật nhìn, kiểm tra trên chính đứa trẻ để đánh giá sự tiến bộ của học sinh khuyết tật nhìn;

+ Có biện pháp khuyến khích, động viên giáo viên, phụ huynh và học sinh khuyết tật nhìn thực hiện tốt bản kế hoạch giáo dục cá nhân;

+ Tổ chức chuyên đề tạo điều kiện cho các giáo viên dạy lớp hoà nhập có cơ hội được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kĩ năng hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn.

Giáo viên trực tiếp dạy lớp hoà nhập:

+ Điều chỉnh các hoạt động giáo dục vào từng môn học, từng bài học. Tạo cơ hội, động viên, khuyến khích học sinh khuyết tật nhìn tham gia hoạt động. Thông qua sự tác động phù hợp trên lớp giúp học sinh nâng cao kiến thức, kỹ năng và phát triển khả năng giao tiếp;

+ Xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa giáo viên với học sinh khuyết tật nhìn, học sinh khuyết tật nhìn và học sinh không khuyết tật nhìn, học sinh khuyết tật nhìn với cộng đồng bằng cách giáo dục ý thức và xây dựng vòng tay bạn bè;

+ Thiết lập và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với gia đình học sinh khuyết tật nhìn trong suốt cả năm học nhằm trao đổi thông tin, phối kết hợp thường xuyên với phụ huynh, thông qua trực tiếp hoặc gián tiếp (sổ liên lạc ...), hướng dẫn cho phụ huynh cách dạy, kỹ năng giao tiếp, cách phát triển ngôn ngữ cho học sinh khuyết tật nhìn ở nhà;

+ Giám sát và hỗ trợ phụ huynh thường xuyên, tạo điều kiện cho phụ huynh nâng cao kỹ năng hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn;

+ Trao đổi với phụ huynh học sinh hàng ngày (nếu có thể) hoặc duy trì 01 lần/tuần để tóm tắt về những điểm tích cực/cần điều chỉnh, hỗ trợ về học sinh;

+ Thường xuyên chú ý việc thực hiện mục tiêu và đề xuất điều chỉnh mục tiêu phù hợp với sự phát triển của học sinh khuyết tật nhìn;

+ Tích cực tham gia các chuyên đề, tham gia các khóa tập huấn, dự giờ đồng nghiệp để học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của mình về lĩnh vực giáo dục học sinh khuyết tật nhìn có nhu cầu giáo dục đặc biệt;

+ Kế hoạch giáo dục cá nhân chỉ hiệu quả khi được thực hiện bởi một giáo viên có trách nhiệm, hiểu rõ học sinh của mình, thường xuyên thu thập và lưu trữ được thông tin về học sinh, tôn trọng và thực thi những quyền và trách nhiệm của mình trong quy trình thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân.

(ii) Gia đình

+ Nuôi dưỡng (đảm bảo chế độ dinh dưỡng đủ về lượng và chất phù hợp với độ tuổi);

+ Chăm sóc sức khỏe; tạo điều kiện và cơ hội cho học sinh khuyết tật nhìn phát triển vận động và rèn luyện thể lực;

+ Hình thành và phát triển khả năng nhận thức;

+ Hình thành và phát triển khả năng giao tiếp;

+ Hình thành và phát triển kỹ năng xã hội, kỹ năng tự phục vụ;

+ Nhận thức được trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của học sinh khuyết tật nhìn;

+ Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên đối với giáo viên để nắm bắt thông tin về sự tiến bộ của học sinh, chia sẻ kinh nghiệm chăm sóc, giáo dục học sinh đồng thời cung cấp thông tin những biểu hiện sự tiến bộ của học sinh ở gia đình. Từ đó giáo viên và phụ huynh cùng tìm ra biện pháp giúp đỡ, hỗ trợ học sinh tốt hơn, hiệu quả hơn;

+ Thường xuyên giúp đỡ, hỗ trợ học sinh học bài ở nhà;

+ Tạo cơ hội, động viên, khuyến khích trẻ tham gia vào các công việc vừa sức học sinh ở gia đình;

+ Tạo cơ hội cho học sinh được giao lưu với bạn bè hàng xóm, khu phố;

+ Chú trọng phát triển nhận thức, giao tiếp cho học sinh ở mọi lúc mọi nơi trong mọi hoạt động diễn ra trong sinh hoạt hằng ngày.

+ Ghi nhật kí để thấy rõ sự tiến bộ của học sinh và làm cơ sở để trao đổi kinh nghiệm với giáo viên dạy học sinh.

*** Bước 5. Đánh giá xây dựng và thực hiện kế hoạch**

– Việc đánh giá kế hoạch cần phải dựa trên kế hoạch đã xây dựng mà cụ thể là mục tiêu và những kết quả dự kiến trong từng giai đoạn nhất định. Mục đích cuối cùng của việc đánh giá là nhằm vào mức độ phát triển tốt nhất của học sinh khuyết tật nhìn. Đánh giá phải được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình thực hiện từ bước đầu tiên tìm hiểu học sinh đến kết quả cuối cùng, đồng thời đưa ra những điều chỉnh đúng lúc ngay trong quá trình thực hiện kế hoạch.

(i) *Đánh giá tiến trình.* Bao gồm việc trả lời cho các câu hỏi sau:

+ Học sinh có những tiến bộ so với mục tiêu đã đề ra hay không? Những yếu tố tiến bộ có thể đo lường trước và sau khi thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân.

+ Những kết quả đạt được của trẻ có gần với kết quả của các bạn cùng trang lứa với học sinh không?

+ Học sinh có độc lập hơn để đạt đến các mục tiêu đã đề ra không?

+ Giáo viên sẽ tiếp tục hay dừng lại hướng tổ chức các hoạt động đã lập trong kế hoạch?

(ii) *Đánh giá theo mục tiêu*

+ Mỗi học sinh khuyết tật nhìn có khả năng và nhu cầu khác nhau. Mỗi học sinh khuyết tật nhìn có những đặc điểm riêng của mình và có những khó khăn thuận lợi trong quá trình phát triển. Dựa vào mục tiêu để đề ra nội dung,

phương pháp dạy học và lập kế hoạch giáo dục. Sau mỗi giai đoạn phải kiểm tra, đánh giá mặt được cũng như những tồn tại để đề xuất mục tiêu và lập kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo.

+ Cách đánh giá dựa vào mục tiêu giáo dục cá nhân giúp cho việc điều chỉnh hoạt động giáo dục và phương pháp giảng dạy của giáo viên.

(iii) *Nội dung đánh giá:*

+ Trong quá trình giáo dục học sinh khuyết tật nhìn, nội dung đánh giá theo 3 phương diện: Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức, đánh giá rèn luyện kỹ năng, đánh giá hành vi, thái độ.

Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức

+ Tùy theo dạng và mức độ khó khăn, cần vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo trong đánh giá để động viên, khích lệ học sinh khuyết tật nhìn đạt kết quả ngày càng tốt hơn.

+ Đánh giá bằng điểm số và đánh giá bằng nhận xét là 2 các đánh giá phổ biến cho mọi đối tượng học sinh. Việc đánh giá bằng nhận xét đặc biệt quan trọng với học sinh khuyết tật nhìn. Cách viết tích cực của giáo viên sẽ giúp học sinh tránh những áp lực và hiểu về những gì làm được và chưa làm được, một lời động viên khuyến khích của giáo viên cũng có thể giúp học sinh thoải mái và sẵn sàng hơn cho lần kiểm tra tiếp theo. Bên cạnh đó, việc đánh giá bằng nhận xét cũng giúp cho giáo viên và cha mẹ hiểu được điểm mạnh, hạn chế của học sinh là như thế nào.

Đánh giá rèn luyện kỹ năng

+ Trong quá trình giáo dục học sinh khuyết tật nhìn không chỉ dạy cho học sinh những kiến thức văn hóa, đạo đức, lối sống mà còn phải rèn luyện cho học sinh khuyết tật nhìn những kỹ năng trong cuộc sống để hội nhập xã hội. Đánh giá rèn luyện kỹ năng của học sinh khuyết tật nhìn theo các mặt:

- Kỹ năng giao tiếp: Giao tiếp là hoạt động rất cần cho học sinh khuyết tật nhìn. Khi giao tiếp học sinh khuyết tật nhìn cần có ngôn ngữ để diễn đạt ý nghĩ, tình cảm và thái độ với người khác. Vì vậy, trong quá trình giáo dục phải đánh giá vốn từ của học sinh nhiều hay ít, cách vận dụng như thế nào trong quá trình giao tiếp với mọi người và học sinh khuyết tật nhìn sử dụng vốn từ có thật sự hiểu và áp dụng một cách linh hoạt, có bị “ngôn ngữ rỗng” hay không.

- **Kỹ năng sống:** Đối với học sinh khuyết tật nhìn, việc hình thành kỹ năng trong sinh hoạt và tự phục vụ cũng là một trong những mục tiêu giáo dục quan trọng. Những kiến thức mà học sinh khuyết tật nhìn lĩnh hội được trong giáo dục cần được luyện tập thường xuyên để giúp học sinh khuyết tật nhìn hình thành các kỹ năng.

Đánh giá hành vi, thái độ

- + **Thái độ** là tổng thể những biểu hiện ra bên ngoài bằng nét mặt, cử chỉ, lời nói, hành động của ý nghĩ, tình cảm đối với người khác hoặc đối với sự việc nào đó. Đánh giá thái độ của học sinh khuyết tật nhìn thường đánh giá biểu hiện hành vi, cử chỉ đối với bản thân, đối với bè bạn và công việc trong ứng xử và hội nhập cộng đồng.

- **Thái độ ứng xử:** Đánh giá cách phản ứng của học sinh khuyết tật nhìn đối với đối tượng (các hành vi phù hợp hay chưa phù hợp), xem xét khả năng phản ứng (tích cực hay thờ ơ, nhanh hay chậm) của học sinh khuyết tật nhìn đối với sự việc, hiện tượng, với người đang giao tiếp.

- **Thái độ ứng xử xã hội:** Một trong những mục tiêu cơ bản của giáo dục học sinh khuyết tật nhìn là rèn luyện cho học sinh khả năng hội nhập vào cộng đồng. Khi đánh giá về khả năng này ta xem xét thái độ, hành vi của học sinh trong quan hệ bè bạn trong lúc chơi, trong tiếp nhận và hỗ trợ người khác... Xem xét thái độ của học sinh đối với mọi người trong gia đình, trong thôn xóm, trong lớp học, trong những hoạt động tập thể...

1.2.3. Các điều kiện đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 dành cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập cấp trung học cơ sở

1.2.3.1. Về đội ngũ cán bộ quản lý và công tác quản lý giáo dục hòa nhập cấp trung học cơ sở

a. Yêu cầu đối với cán bộ quản lý

Để triển khai được giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở theo Chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2018 thì cán bộ quản lý các trường cần phải có những nhóm năng lực cơ bản sau:

- Năng lực chuyên môn

- + Kiến thức về giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở;

+ Năng lực liên quan đến tổ chức các dịch vụ như: Phát triển cộng đồng; tâm lý học giáo dục học, công tác xã hội hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn;

+ Năng lực chuyên môn quản lý ở trường có học sinh khuyết tật nhìn học hoà nhập cấp trung học cơ sở:

- Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn;

- Tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên dạy học sinh khuyết tật nhìn;

- Xác định nhu cầu, phân bổ và cung cấp trang thiết bị dạy học học sinh khuyết tật nhìn;

- Xác định nguồn lực và phân bổ kinh phí bảo đảm cho giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật nhìn.

– Năng lực quan hệ con người:

+ Năng lực đối với cá nhân:

- Có thái độ tôn trọng, hành vi ứng xử phù hợp với học sinh khuyết tật nhìn và những người làm việc liên quan đến học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở;

- Xác định, đáp ứng kịp thời các nguyện vọng của học sinh khuyết tật nhìn và những đối tượng trực tiếp liên quan đến học sinh khuyết tật nhìn;

- Khuyến khích kịp thời những việc làm tích cực đối với việc giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn.

+ Năng lực khái quát:

- Thu thập, phân tích, lựa chọn và đánh giá được thông tin liên quan đến giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở;

- Xác định được những tác động, cơ hội và thách thức ảnh hưởng đến quá trình triển khai giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn;

- Cập nhật những xu thế, hướng đi mới ở trong nước và trên thế giới trong việc giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn.

b. Công tác quản lý giáo dục hòa nhập cấp trung học cơ sở

b.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập trong trường trung học cơ sở

*** Cơ sở xây dựng kế hoạch:**

– Căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật: Thông tư số 03/2018/BGDĐT *Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật của Bộ Giáo dục và Đào tạo*

– Căn cứ vào mục tiêu phát triển kinh tế, giáo dục của địa phương;

– Căn cứ vào thực trạng giáo dục và giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật của địa phương, nhà trường;

– Căn cứ vào điều kiện về nhân lực, vật lực, thời gian để đảm bảo mục tiêu.

*** Xây dựng kế hoạch:**

– Trường trung học cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện giáo dục hòa nhập theo năm học, học kì theo quy định, trong đó đảm bảo các yêu cầu quyền và trách nhiệm của cơ sở giáo dục được quy định tại Điều 5, Thông tư số 03/2018/BGDĐT.

Mục tiêu giáo dục hòa nhập: đảm bảo quy định tại điều 3, thông tư 03/2018/BGDĐT

- 1. Người khuyết tật được phát triển khả năng của bản thân, được hòa nhập và tăng cơ hội đóng góp cho cộng đồng.*
- 2. Đảm bảo quyền học tập bình đẳng, chất lượng và phù hợp với đặc điểm, khả năng của người khuyết tật.*

Điều 5, Thông tư số 03/2018/BGDĐT

- 1. Phát hiện, huy động và tiếp nhận người khuyết tật học tập tại cơ sở giáo dục.*
- 2. Sắp xếp, bố trí các lớp học phù hợp với người khuyết tật; đảm bảo mỗi lớp học hòa nhập có không quá 02 (hai) người khuyết tật. Trường hợp đặc biệt, thủ trưởng cơ sở giáo dục căn cứ vào điều kiện thực tế có thể sắp xếp, bố trí thêm người khuyết tật trong một lớp học để đảm bảo cho những người khuyết tật có nhu cầu học hòa nhập đều được đi học.*
- 3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động can thiệp sớm, giáo dục hòa nhập; tư vấn, định hướng nghề nghiệp phù hợp nhu cầu và khả năng của người khuyết tật.*
- 4. Xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập, thân thiện, đảm bảo người khuyết tật được tôn trọng, hỗ trợ, hợp tác và được tham gia bình đẳng trong mọi hoạt động giáo dục.*
- 5. Phối hợp với gia đình, cộng đồng, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, cơ sở giáo dục chuyên biệt thực hiện giáo dục hòa nhập.*

6. Hỗ trợ thực hiện các hoạt động can thiệp sớm và phát triển kỹ năng cơ bản cho người khuyết tật để hòa nhập cộng đồng.

7. Cung cấp thông tin về giáo dục của người khuyết tật đang học hòa nhập tại cơ sở giáo dục cho hội đồng xác định mức độ khuyết tật của xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

8. Phát triển năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, nhân viên đáp ứng nhiệm vụ giáo dục hòa nhập.

9. Huy động nhân lực hỗ trợ giáo dục hòa nhập và sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước dành cho việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục hòa nhập theo quy định của pháp luật.

– Trong kế hoạch nêu rõ cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà trường đáp ứng các nhiệm vụ và quyền trên bao gồm: 1) Ban Giám hiệu nhà trường phụ trách giáo dục hòa nhập; 2) Tổ chuyên môn về giáo dục hòa nhập trong đó có đội ngũ giáo viên cốt cán về giáo dục hòa nhập của nhà trường được hoạt động theo quy định về tổ chuyên môn trong nhà trường; 3) Giáo viên: Những người dạy, hỗ trợ trực tiếp học sinh khuyết tật nhìn, là thành viên của tổ chuyên môn (*yêu cầu, quyền và trách nhiệm của giáo viên được cụ thể hóa ở mục 1.2.3.2 của tài liệu này*).

1.2.3.2. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện giáo dục hòa nhập cấp trung học cơ sở

*** Quản lý hồ sơ:**

– Hồ sơ của học sinh khuyết tật nhìn được lập và quản lý hồ sơ theo các quy định chung như với học sinh không khuyết tật nhìn và một số loại hồ sơ đặc biệt, bao gồm: 1) Giấy xác định mức độ khuyết tật và hồ sơ y tế; 2) Kế hoạch giáo dục cá nhân; 3) Thiết kế bài học; 4) Kế hoạch chuyển tiếp.

– Hồ sơ học sinh khuyết tật nhìn được lưu tại nhà trường theo quy định chung, bên cạnh đó có kế hoạch giáo dục cá nhân được lưu trữ, bổ sung theo từng học kì, theo tháng từ giáo viên chủ nhiệm và được phê duyệt bởi Ban Giám hiệu phụ trách giáo dục hòa nhập của nhà trường.

– Kế hoạch chuyển tiếp được thực hiện trong trường hợp: 1) Học sinh khuyết tật nhìn đã hoàn thành cấp trung học cơ sở; 2) Học sinh chuyển trường (trường hòa nhập khác hoặc trường chuyên biệt).

(*Các quy định, hướng dẫn thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân và thiết kế bài học được cụ thể tại 1.2.2 và 1.2.3 của tài liệu này*).

*** Các hoạt động tổ chức và chỉ đạo giáo dục hòa nhập trong trường trung học cơ sở bao gồm:**

- Triển khai các hoạt động huy động học sinh khuyết tật nhìn đến trường;
- Thực hiện dạy học hòa nhập tại lớp hòa nhập theo kế hoạch giáo dục cá nhân và thiết kế bài học dành cho lớp hòa nhập;
- Hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn ngoài giờ lên lớp; hướng dẫn phụ huynh học sinh hỗ trợ tại gia đình;
- Phối hợp giữa các lực lượng trong cộng đồng nhằm thúc đẩy giáo dục hòa nhập hiệu quả;
- Nâng cao nhận thức phụ huynh học sinh, cộng đồng về giáo dục hòa nhập;
- Hợp tổ chuyên môn về thực hiện dạy – học;
- Thực hiện các cuộc thi sáng kiến về giáo dục và dạy học học sinh khuyết tật nhìn: thi làm đồ dùng dạy học học sinh khuyết tật nhìn, giáo viên dạy hòa nhập giỏi;
- Quản lý môi trường giáo dục hòa nhập thân thiện, xây dựng vòng bạn bè cho học sinh khuyết tật nhìn;
- Quản lý cơ sở vật chất, đồ dùng phương tiện dạy – học học sinh khuyết tật nhìn.

b.3. Kiểm tra đánh giá kế hoạch giáo dục hòa nhập

- Các hoạt động đánh giá bao gồm:
 - + Đánh giá tổng thể kế hoạch dài hạn (năm học, học kì);
 - + Đánh giá thường xuyên kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục cá nhân thông qua: dự giờ, đánh giá sự tiến bộ của học sinh khuyết tật nhìn, sản phẩm của học sinh khuyết tật nhìn;
 - + Điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với học sinh khuyết tật nhìn và điều kiện tại mỗi thời điểm;
 - + Đánh giá các yếu tố tác động vào quá trình thực hiện: Sự phối hợp giữa các lực lượng, điều kiện thực hiện của nhà trường để có những đề xuất mới.

1.2.3.2. Về giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

a. Quyền và nghĩa vụ của giáo viên trong cơ sở giáo dục

- Yêu cầu, quyền và trách nhiệm của giáo viên trong cơ sở giáo dục có liên quan đến giáo dục hòa nhập được quy định tại Điều 11 và 12, Thông tư số 03/2018/BGDĐT:

Điều 11: Nhiệm vụ của giáo viên

1. Tôn trọng và thực hiện các quyền của người khuyết tật.
2. Bảo mật thông tin về tình trạng khuyết tật của cá nhân người khuyết tật và gia đình người khuyết tật.
3. Phối hợp với nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật và gia đình người khuyết tật lập kế hoạch giáo dục cá nhân đối với người khuyết tật học hòa nhập; tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân của người khuyết tật.
4. Phát hiện và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện giáo dục hòa nhập.
5. Tư vấn cho người khuyết tật và gia đình người khuyết tật về dịch vụ hỗ trợ, can thiệp sớm, giáo dục hòa nhập, định hướng nghề nghiệp phù hợp với khả năng và nhu cầu của người khuyết tật.
6. Phối hợp với đồng nghiệp, gia đình và các tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập, thân thiện đối với người khuyết tật.
7. Thường xuyên tự bồi dưỡng, đổi mới phương pháp, học hỏi kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả giáo dục hòa nhập.

Điều 12: Quyền của giáo viên

1. Được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ về giáo dục hòa nhập.
2. Được tham quan, học tập kinh nghiệm về giáo dục hòa nhập.
3. Được khen thưởng khi có thành tích xuất sắc trong giáo dục hòa nhập.
4. Được hưởng các chính sách ưu đãi trong giáo dục hòa nhập theo quy định hiện hành.

(Trích Thông tư số 03/2018/BGDĐT – Quy định về giáo dục hòa nhập người khuyết tật)

– Điểm 4, Điều 12 được cụ thể hóa tại Điểm 2, Điều 7 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của người khuyết tật:

Phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật	Tiền lương = 01 giờ dạy của giáo viên	x 0,2 x	Tổng số giờ thực tế giảng dạy ở lớp có người khuyết tật
---	---	---------	---

b. Yêu cầu đối với giáo viên dạy học hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở

Điều 67 (Luật Giáo dục 2019). Tiêu chuẩn của nhà giáo

Nhà giáo phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt;
2. Đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm;
3. Có kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;
4. Bảo đảm sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.

– Để việc dạy học hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở đạt hiệu quả, chất lượng, giáo viên cần được trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản thông qua các hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng dài hạn hoặc ngắn hạn. Giáo viên dạy học hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn cần đạt được những yêu cầu cơ bản sau:

Về kiến thức:

+ Mô tả được chức năng của cơ quan thị giác, những biểu hiện của học sinh khuyết tật nhìn và những nguyên nhân gây nên khuyết tật nhìn;

+ Nêu và phân tích được những đặc điểm phát triển của học sinh khuyết tật nhìn ở lứa tuổi trung học cơ sở;

+ Nêu và phân tích, khái quát được được quá trình tìm hiểu khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật nhìn từ đó dựng kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp;

+ Lý giải về các điều chỉnh nội dung chương trình, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học và đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật nhìn;

+ Nêu được các yêu cầu cơ bản để xây dựng môi trường thân thiện cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập cấp trung học cơ sở.

Về kĩ năng:

+ Đánh giá được khả năng sử dụng thị giác, điểm mạnh, điểm hạn chế, sở thích, nhu cầu của học sinh khuyết tật nhìn trong các hoạt động học tập, sinh hoạt và vui chơi;

+ Phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân và thực hiện các hoạt động phát triển kĩ năng đặc thù cho học sinh khuyết tật nhìn;

+ Điều chỉnh chương trình, nội dung, phương pháp, phương tiện cách đánh giá kết quả giáo dục, dạy học phù hợp với đặc điểm cá nhân của học sinh khuyết tật nhìn;

+ Tổ chức, vận động thiết kế, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, thuận lợi cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập.

Về thái độ:

+ Việc dạy học hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn không chỉ phụ thuộc vào việc “Biết, hiểu” – kiến thức của giáo viên, “làm” – kĩ năng của giáo viên mà còn phụ thuộc rất nhiều vào thái độ, tình cảm của giáo viên. Khi giáo viên biết, hiểu rất rõ và có thể làm tốt nhưng không muốn làm hoặc không tận tâm với việc làm đó thì hiệu quả công việc sẽ khó đạt được.

Giáo viên dạy hòa nhập học sinh khuyết tật nhìn cần:

+ Tin tưởng vào khả năng và sự phát triển để có thể sống tự lập của học sinh khuyết tật nhìn;

+ Yêu thương, tôn trọng nhân cách của học sinh khuyết tật nhìn và đối xử bình đẳng giữa học sinh khuyết tật nhìn và học sinh sáng mắt;

+ Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng, gia đình, giáo viên khác, học sinh sáng mắt về khả năng, nhu cầu của học sinh khuyết tật nhìn.

1.2.3.3. Về xây dựng kế hoạch bài học và tổ chức triển khai thực hiện nội dung Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở

a. Về xây dựng kế hoạch bài học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

– Quy trình xây dựng kế hoạch bài học:

Bước 1: Xác định mục tiêu bài học

Bước 2. Chuẩn bị đồ dùng, thiết bị...

Bước 3. Thiết kế bài học (nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức...)

MẪU KẾ HOẠCH BÀI HỌC

(Dành cho lớp học hòa nhập có học sinh khuyết tật nhìn)

(Thiết kế theo hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài học tại Công văn số 5512/BGĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo):

Tên bài học:

Lớp:

Thời gian thực hiện: (số tiết)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức: Nêu cụ thể nội dung kiến thức học sinh cần học trong bài theo yêu cầu cần đạt của nội dung bài học trong chương trình môn học.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

2. Về năng lực: Nêu cụ thể yêu cầu học sinh **làm được gì** (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để **chiếm lĩnh** và **vận dụng** kiến thức theo yêu cầu cần đạt của môn học.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

3. Về phẩm chất: Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài học) của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong chủ đề để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của chủ đề (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp).

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp học sinh xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/Thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà học sinh phải thực hiện (xử lý tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành...) để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà học sinh phải hoàn thành: Kết quả xử lý tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

d) Tổ chức thực hiện: Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho học sinh từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của học sinh làm việc với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà học sinh cần viết ra, trình bày được.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

d) Tổ chức thực hiện: Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho học sinh.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho học sinh thực hiện.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

c) Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do học sinh thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

d) Tổ chức thực hiện: Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho học sinh; hướng dẫn hỗ trợ học sinh thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của học sinh thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

b) Nội dung: Mô tả rõ yêu cầu học sinh phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

c) Sản phẩm: Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

d) Tổ chức thực hiện: Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học của giáo viên.

Đối với học sinh khuyết tật nhìn A:

*** Mục tiêu bài học:**

+ Mục tiêu của bài học bao gồm: Mục tiêu kiến thức, mục tiêu kỹ năng và mục tiêu thái độ.

+ Mục tiêu của bài học được xây dựng dựa trên chương trình giáo dục và căn cứ vào khả năng, nhu cầu của học sinh (học sinh không khuyết tật nhìn và học sinh khuyết tật nhìn) cũng như các điều kiện hiện có về cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ của nhà trường. Mục tiêu của bài học phải được thiết kế dưới dạng mục tiêu hành vi, qua đó giáo viên có thể dễ dàng kiểm soát được hiệu quả của bài dạy, được thể hiện bằng các hành vi của học sinh sau mỗi bài học; đồng thời giáo viên cũng dễ dàng kiểm soát được quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, mức độ phù hợp của các phương pháp dạy học với nội dung bài học cũng như tính hiệu quả của chúng.

+ Mục tiêu riêng của từng bài học dành cho học sinh khuyết tật nhìn cũng được thiết kế sao cho phù hợp với khả năng nhận thức và con đường tiếp nhận thông tin riêng từng học sinh, đảm bảo học sinh không bị quá tải, nhưng cũng không hạ thấp mục tiêu.

+ Không phải bài học nào học sinh khuyết tật nhìn cũng phải có mục tiêu riêng. Ở mỗi bài học, nếu có mục tiêu riêng, giáo viên đánh dấu riêng cho mục tiêu dành cho học sinh khuyết tật nhìn trong lớp;

*** Yêu cầu, chuẩn bị**

+ Giáo viên phải ghi chi tiết những thiết bị, đồ dùng dạy học cần thiết cho bài học; những yêu cầu đối với học sinh chuẩn bị cho bài học; những thiết bị, đồ dùng đặc thù dành cho học sinh khuyết tật nhìn và của chính giáo viên.

*** Nội dung bài học**

+ Nội dung bài học được xây dựng một cách chi tiết với các hoạt động cụ thể của giáo viên, của toàn lớp và của học sinh khuyết tật nhìn. Phần hoạt động cũng được ghi cụ thể: Hoạt động của giáo viên và của toàn lớp trong đó có hoạt động của học sinh khuyết tật nhìn. Nếu hoạt động của học sinh khuyết tật nhìn khác với hoạt động của cả lớp, giáo viên cần đánh 1 dấu riêng cho học sinh.

*** Kết luận**

+ Giáo viên nên tạo cơ hội để mọi học sinh có cơ hội tham gia vào đánh giá giờ học và củng cố bài học;

b. Thực hiện bài học

Bài học nên được thực hiện theo tiến trình sau:

+ *Mở bài*: Thời gian dành cho hoạt động *Mở bài* không được quá 3 phút và phải đạt được 3 tiêu chí sau:

- Tạo được hứng thú cho học sinh;
- Hướng được vào trọng tâm của bài học;
- Nhiều học sinh tham gia, trong đó có học sinh khuyết tật nhìn.

+ *Tiến trình bài học*: Tiến trình thực hiện bài học bao gồm các nội dung cơ bản sau:

• Chuyển tải nội dung dạy học: Nội dung dạy học chung cho cả lớp dựa trên chương trình của môn học, giáo viên được khuyến khích sử dụng các ví dụ thực tế của địa phương. Riêng đối với học sinh khuyết tật nhìn, khuyến khích giáo viên lựa chọn những nội dung phù hợp với khả năng nhận thức và phải dựa trên các kinh nghiệm đã có học sinh đặc biệt là trải nghiệm tri giác thị giác và xúc giác.

• Vận dụng các phương pháp dạy học: Khuyến khích và hướng dẫn giáo viên tổ chức linh hoạt các hoạt động học tập và vận dụng các phương pháp dạy học khác nhau nhằm tăng cường tính tích cực, chủ động của học sinh trong học tập; giáo viên biết khuyến khích, động viên, tạo cơ hội cho học sinh tham gia vào tất cả các hoạt động học tập của lớp. Đặc biệt, khuyến khích

giáo viên vận dụng các phương pháp điều chỉnh, hướng dẫn cá biệt để đảm bảo sao cho học sinh khuyết tật nhìn không chỉ được tham gia các hoạt động học tập mà còn phải tham gia có hiệu quả. Ví dụ, giáo viên điều chỉnh câu hỏi sao cho phù hợp với con đường tiếp nhận thông tin và phù hợp với kinh nghiệm đã có của học sinh khuyết tật nhìn, để em có thể hiểu đúng và trả lời đúng nội dung của bài học, tạo cho học sinh cơ hội thể hiện sự thành công trong học tập, từ đó tạo niềm tin và hứng thú cho học sinh.

- Sử dụng phương tiện và đồ dùng học tập: Khuyến khích giáo viên, tăng cường sử dụng vật thật, mô hình trong học tập. Khuyến khích giáo viên làm và cải tiến các tranh, ảnh cho học sinh cả lớp và học sinh khuyết tật nhìn cùng sử dụng được. Ví dụ, hướng dẫn giáo viên cải tiến bản đồ bằng cách “viết” chữ Braille lên bản đồ hoặc tạo đường gân. Qua đó giáo viên và các bạn trong lớp dễ dàng kiểm soát được kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh khuyết tật nhìn để đưa ra các hỗ trợ hoặc điều chỉnh kịp thời.

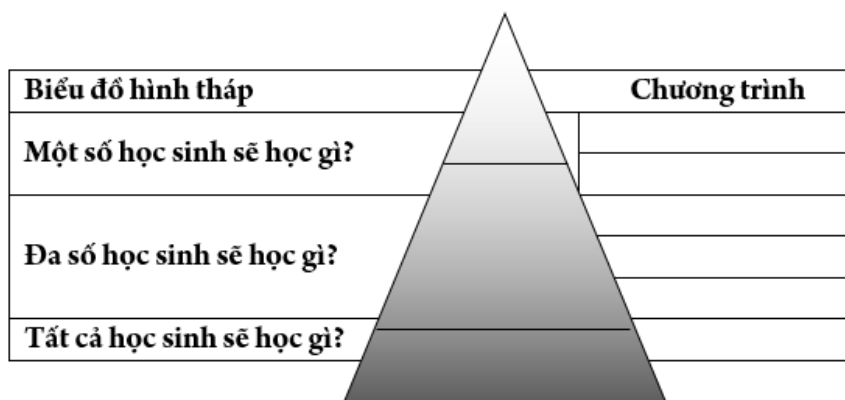
+ *Kết thúc bài học*: Kết thúc bài học phải đạt được 3 tiêu chí

- Học sinh tự đưa ra kết luận;
- Nhiều học sinh tham gia trong đó có học sinh khuyết tật nhìn;
- Liên hệ với đời sống thực tế (đặc biệt với học sinh khuyết tật nhìn có định hướng trong việc trải nghiệm thực tế).

c. Tổ chức triển khai nội dung Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập cấp trung học cơ sở

– Dựa trên Chương trình giáo dục phổ thông 2018, khi triển khai trong môi trường giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn thì mỗi nhà trường cần có những điều chỉnh dựa trên đặc điểm tình hình học sinh khuyết tật nhìn, điều kiện cơ sở vật chất và nguồn nhân lực của trường. Điều chỉnh trong dạy học ở lớp học hoà nhập không phải là những thay đổi tùy tiện của giáo viên. Đó là những thay đổi về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và điều kiện cũng như việc đánh giá một cách có dụng ý sư phạm của giáo viên nhằm đảm bảo mọi học sinh có thể tham gia bài học và học tập theo năng lực của mình. 3 yếu tố là cơ sở để ra các quyết định điều chỉnh của giáo viên gồm: 1) Khả năng và nhu cầu của học sinh; 2) Mục đích và mục tiêu bài học được yêu cầu trong chương trình và 3) Điều kiện thực tiễn của nhà trường.

– Việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong lớp hoà nhập có học sinh khuyết tật nhìn nhìn cần được vận dụng theo mô hình sau:



Hình 1.2. Mô hình của Schumm, J. S., Vaughn, S., & Harris, H. (1997).

– Chúng ta có thể nhận thấy tính chất tự nhiên của việc điều chỉnh trong dạy học hoà nhập như được mô tả ở mô hình ở trên. Theo đó, giả định rằng chương trình là diện tích hình tam giác lớn, thì việc chiếm lĩnh đến mức nào các phần của chương trình là tùy thuộc vào năng lực của các nhóm học sinh bao gồm cả học sinh khuyết tật nhìn. Phần hình thang ở đáy tam giác là yêu cầu chung, tối thiểu mà mọi học sinh đều học được, đa số học sinh sẽ học thêm phần hình diện tích hình thang ở giữa, một số ít sẽ chiếm lĩnh được hầu hết hoặc toàn bộ chương trình.

– Điều chỉnh sẽ giúp học sinh khuyết tật nhìn:

+ Có hứng thú học tập và học tập có hiệu quả trên cơ sở sử dụng tối đa các kiến thức, kĩ năng hiện có để lĩnh hội những tri thức và kĩ năng mới; tránh những bất cập giữa những kĩ năng hiện có của học sinh và những nội dung giáo dục phổ thông; nâng cao tính tương hợp giữa cách học của học sinh và phương pháp giảng dạy của giáo viên; Bù trừ sự phát triển lệch lạc hoặc sự suy giảm chức năng của các giác quan và hành vi xa lạ.

b.1. Các phương pháp điều chỉnh trong dạy học hoà nhập học sinh khuyết tật nhìn

– Trên cơ sở đặc điểm khác nhau về khả năng và nhu cầu, sở thích của học sinh, căn cứ vào nội dung môn học, bài học trong lớp học hoà nhập có thể áp dụng một trong các phương pháp điều chỉnh sau đây:

Phương pháp đồng loạt

+ Mục tiêu giống nhau

+ Nội dung học tập giống nhau

+ Hoạt động giống nhau.

+ Những học sinh khuyết tật nhìn có thể tham gia vào các hoạt động học tập chung của lớp như tất cả các thành viên khác. Điều chỉnh được tiến hành cho mọi học sinh căn cứ vào mục tiêu và nội dung của bài học. Thông thường, khi xây dựng mục tiêu cho một kế hoạch bài học, giáo viên thường căn cứ vào yêu cầu của bài học. Trên cơ sở những mục tiêu cụ thể này, giáo viên thiết kế các hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu đặt ra.

Phương pháp đa trình độ

+ Học sinh khuyết tật nhìn cùng học sinh sáng mắt tham gia vào một bài học nhưng với mục tiêu học tập khác nhau dựa trên năng lực, nhu cầu của học sinh và dựa trên các đặc điểm tri giác và tiếp nhận thông tin của học sinh. Cách điều chỉnh này dựa trên mức độ hình nhận thức của Bloom. Ví dụ, yêu cầu đối với học sinh sáng mắt ở mức độ viết một bài văn hoàn chỉnh (mức độ tổng hợp), học sinh khuyết tật nhìn chỉ yêu cầu trả lời các câu hỏi theo dàn ý đã định sẵn (mức độ hiểu).

+ Mục tiêu khác nhau (Mục tiêu được điều chỉnh nâng cao hoặc giảm nhẹ cho học sinh khuyết tật nhìn)

+ Nội dung học tập giống nhau

+ Hoạt động giống nhau.

Phương pháp trùng lặp giáo án

+ Mục tiêu khác nhau (Mục tiêu được điều chỉnh nâng cao hoặc giảm nhẹ cho học sinh khuyết tật nhìn)

+ Nội dung học tập giống nhau

+ Hoạt động khác nhau.

+ Điều chỉnh này dành cho những học sinh chưa theo được hoàn toàn các hoạt động theo mục tiêu chung của lớp học. Học sinh khuyết tật nhìn và học sinh sáng mắt cùng tham gia những hoạt động chung của bài học nhưng theo mục tiêu riêng trên cơ sở kế hoạch giáo dục cá nhân. Ví dụ, trong môn công nghệ lớp 7, bài thực hành: Vẽ thiết kế sơ đồ mạng điện, học sinh sáng mắt cần có một sản phẩm là vẽ được sơ đồ mạch điện nhưng học sinh khuyết tật nhìn chỉ cần phân loại được một số dụng cụ điện như: Dây điện, bút điện, bóng điện, cách sử dụng bảng điện một cách an toàn...

Phương pháp thay thế

+ Học sinh khuyết tật nhìn với học sinh sáng mắt cùng ngồi chung trong giờ học nhưng học theo hai chương trình khác nhau. Đây là phương pháp được sử dụng trong các giờ học mà học sinh khuyết tật nhìn không thể theo được chương trình chung. Đây là mức độ cao nhất trong điều chỉnh. Nhìn chung với học sinh khuyết tật nhìn học hoà nhập phương pháp này ít phải vận dụng.

+ Mục tiêu khác nhau (Mục tiêu được điều chỉnh nâng cao, giảm nhẹ hoặc có thể thay thế bằng một mục tiêu hoàn toàn khác cho học sinh khuyết tật nhìn).

+ Nội dung học tập khác nhau.

+ Hoạt động khác nhau.

b.2. Các hình thức điều chỉnh

Thay đổi hình thức hoạt động của học sinh:

+ Căn cứ vào khả năng và sở thích của học sinh, vào nội dung và thời điểm của bài học, giáo viên cần đưa ra các dạng hoạt động cho phù hợp với học sinh. Có thể tổ chức hoạt động theo hình thức sau:

- Hoạt động theo nhóm lớn hoặc vừa;
- Hoạt động theo nhóm nhỏ;
- Học qua sự giúp đỡ của bạn bè.

Thay đổi hình thức giảng dạy, hướng dẫn:

+ Nhiều khi việc ghi nhớ kiến thức của học sinh không phải chỉ thông qua việc giảng giải, hướng dẫn của giáo viên mà còn được thông qua các hoạt động khác như:

- Hoạt động vui chơi tập thể;
- Các giờ thực hành;
- Các giờ học ngoài trời.

Thay đổi phong cách làm việc của giáo viên:

+ Trong dạy học giáo viên cần phải thay đổi cách truyền đạt hay phong cách giảng bài. Làm mới phong cách giảng dạy là một cách để tạo nên hứng thú học tập cho học sinh.

Thay đổi nội dung và yêu cầu:

+ Mỗi học sinh là một cá thể riêng biệt, mỗi học sinh đều có nhu cầu và năng lực khác nhau. Do vậy, khi giảng dạy giáo viên cần phải thay đổi nội dung và yêu cầu sao cho phù hợp với mọi đối tượng. Cụ thể là:

- Điều chỉnh tốc độ;
- Điều chỉnh về mức độ yêu cầu của kiến thức (đơn giản hơn hoặc nâng cao);
- Điều chỉnh về mức độ vận dụng kiến thức;
- Thay đổi các yếu tố môi trường học (sắp xếp lớp học, vị trí ngồi học của học sinh khuyết tật nhìn để học sinh có thể dễ dàng di chuyển trong lớp học).

Thay đổi cách giao nhiệm vụ và bài tập:

+ Trong khi giao nhiệm vụ hay bài tập, giáo viên phải lưu ý rằng việc giao nhiệm vụ và các bài tập nhằm để đảm bảo cho học sinh có thể hoàn thành được. Cùng một nhiệm vụ, nhưng tùy thuộc vào mỗi học sinh mà giao những phần việc khác nhau. Cùng một nội dung nhưng khác nhau về thời gian, về số lượng và mức độ của kiến thức. Ví dụ, cùng một bài tập, đối với học sinh sáng mắt làm trong thời gian 5 phút nhưng học sinh khuyết tật nhìn có thể là 7 phút. Hoặc học sinh sáng mắt làm 5 bài trong một đề kiểm tra, nhưng học sinh khuyết tật nhìn có thể là 3 bài.

Thay đổi cách trợ giúp:

+ Đối với học sinh khuyết tật nhìn thường có “bạn” hỗ trợ. Việc phân công ai giúp cũng cần được quan tâm. Sau một thời gian xem xét cần điều chỉnh cho phù hợp, có thể là một người bạn hoặc thầy giáo hoặc một người nào đó mà học sinh yêu thích được giúp đỡ hoặc đáp ứng được nhu cầu cần được giúp đỡ của học sinh.

b.3. Những vấn đề cần điều chỉnh

*Bảng 1.3. Những vấn đề điều chỉnh trong lớp học hòa nhập
cho học sinh khuyết tật nhìn*

Thời gian	– Gia hạn thêm thời gian. – Thường xuyên thay đổi các hoạt động. – Cho phép nghỉ giải lao. – Giao các bài tập để học sinh chuẩn bị trước ...
Môi trường	– Có chỗ ngồi định sẵn, ưu tiên. – Sắp xếp điều chỉnh lại phòng học. – Làm giảm tối thiểu các tác động bên ngoài gây mất tập trung về: Nhìn– nghe, không gian– cử động. – Dạy các nội quy học tập...

Các vấn đề liên quan đến môn học	– Dạy học sinh phong cách học tập. – Dạy các môn học có sự điều chỉnh chương trình. – Điều chỉnh hình thức kiểm tra (đọc bài cho học sinh, trình bày bằng lời, sử dụng máy tính...).
Hỗ trợ hòa nhập xã hội	– Xây dựng vòng bạn bè. – Dạy cách kết bạn, tương tác với bạn bè. – Dạy cách ứng xử trong tình bạn.
Học liệu	– Cách sử dụng sách giáo khoa. – Cách tìm kiếm nguồn tài liệu (Internet...) – Các phương tiện hỗ trợ cho học sinh ghi chép. – In chữ to. – Các thiết bị đặc biệt: Máy chữ, máy tính cầm tay, máy vi tính, video, thiết bị điện tử, điện thoại.
Giao bài tập	– Chỉ dẫn từng bước rõ ràng. – Hỗ trợ dưới dạng viết cho các chỉ dẫn miệng. – Những bài tập vừa sức. – Những bài tập ngắn. – Học nhóm. – Sử dụng đa phương tiện.
Những kích thích và sự động viên	– Sự động viên cụ thể. – Thông báo về sự thay đổi (nếu có). – Cho phép lựa chọn. – Vận dụng điểm mạnh và sở thích.

c. Những lưu ý trong quá trình thiết kế bài học và tổ chức dạy học hòa nhập

Bảng 1.4. Những lưu ý trong quá trình thiết kế bài học và tổ chức dạy học hòa nhập

Thực hiện	Giải thích
Chuẩn bị	Trước khi thực hiện kế hoạch phải có thời gian chuẩn bị chữ nổi Braille, chữ in phóng to, đài, và những dụng cụ học tập sử dụng xúc giác, phải đảm bảo rằng học sinh khuyết tật nhìn có đầy đủ các dụng cụ học tập như các bạn cùng lớp.

Thực hiện	Giải thích
Sử dụng những trải nghiệm cụ thể/ những đồ vật thật	Những trải nghiệm cụ thể giúp học sinh có cơ hội phát triển những khái niệm về thế giới xung quanh. Những kinh nghiệm “thực hành” là rất cần thiết trong việc học tập. Sử dụng đồ vật thật và những kinh nghiệm trong môi trường tự nhiên giúp học sinh hình thành những khái niệm về thế giới xung quanh.
Các kỹ năng tổ chức	Việc tổ chức và phân bố các dụng cụ học tập một cách hiệu quả của một học sinh là rất cần thiết. Những thói quen cất giữ và sắp xếp đúng vị trí (ví dụ như tài liệu, sách, máy tính, gậy) phải được duy trì. Sử dụng và tổ chức các tài liệu và vở viết cho mỗi môn học có hiệu quả.
Khoảng không gian	Bàn, không gian nơi lưu giữ và nơi làm việc cần phải được cung cấp thêm dụng cụ (ví dụ máy tính, máy ghi âm), sách chữ to (ví dụ chữ phóng to hoặc chữ nổi) và nơi làm việc phải có khoảng không gian tương xứng.
Chỗ ngồi	Phù hợp với khả năng sử dụng thị giác còn lại. Nhìn chung học sinh nên ngồi ở khoảng giữa lớp và phía trên các bạn. Một vài trường hợp có thể phải bố trí khác (ví dụ học sinh có mắt trái nhìn tốt hơn nên ngồi ở phía bên phải lớp và ngược lại). Học sinh nhìn kém có thể sử dụng thị lực xa trong khoảng 1m nên ngồi bàn đầu.
Thời gian và khối lượng công việc thực tế	Sử dụng các giác quan khác thay thế cho thị giác sẽ mất nhiều thời gian và nỗ lực hơn trong việc thu tập và tổng hợp thông tin. Việc bổ sung thêm thời gian là rất cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ và để đạt được kết quả như các bạn cùng lớp. Một số công việc dễ với học sinh sáng nhưng lại khó với học sinh khuyết tật nhìn. Tùy thuộc vào khả năng của từng học sinh, khối lượng công việc có thể được điều chỉnh (ví dụ: Học sinh sáng làm 8 bài toán thì học sinh khuyết tật nhìn chỉ làm 4 bài).

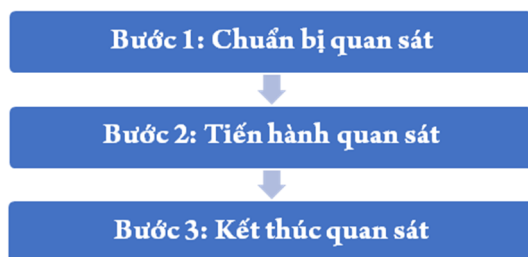
Thực hiện	Giải thích
Giới thiệu, mô tả và giải thích bằng lời	Ngôn ngữ sử dụng phải chính xác, rõ ràng (ví dụ tránh sử dụng từ “ở đây” và “ở kia”, phải sử dụng những từ chỉ vị trí đặc biệt). Dựa trên kiến thức của học sinh có thể dùng các từ phù hợp.
Ngôn ngữ thị giác	Không nên xấu hổ khi sử dụng những từ như “nhìn” “trông” và nói về màu sắc. Những khía cạnh này rất quan trọng trong ngôn ngữ hàng ngày và học sinh khuyết tật nhìn sẽ hiểu theo nghĩa biểu trưng của màu sắc.
Nhận biết	Khi nói với một học sinh khuyết tật nhìn, nên giới thiệu tên bạn. Không nên bắt học sinh đoán xem bạn là ai. Khi tiếp xúc với cá nhân học sinh nên bắt đầu tạo sự chú ý bằng tên của học sinh. học sinh nên giới thiệu trước tập thể lớp.
Những cản trở trong lớp	Giúp đỡ học sinh giảm thiểu những trở ngại không mong muốn. Các cánh cửa mở hoặc đóng hết, không khép hờ. Hãy thông báo cho học sinh khuyết tật nhìn những thay đổi trong lớp học.
Độc lập/ phụ thuộc/phụ thuộc lẫn nhau	Khuyến khích sự độc lập của học sinh và tạo mọi cơ hội cho học sinh khuyết tật nhìn chia sẻ trách nhiệm trong lớp học (ví dụ: trực nhật, lấy sổ đầu bài...). Học sinh cần nhận thức được khi nào cần sự giúp đỡ, lúc đó có thể yêu cầu giúp đỡ và làm việc như một thành viên trong nhóm.
Mở rộng	Các bài học hiện nay sử dụng tất cả các giác quan để mở rộng khả năng hiểu biết của học sinh.

1.2.3.4. Về phương pháp, hình thức giáo dục

a. Nhóm phương pháp dạy học trực quan

Phương pháp quan sát

– Đối với dạy học hoà nhập cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở thì giáo viên cần hình thành cho học sinh năng lực quan sát và hướng dẫn các em sử dụng tối đa các giác quan để quan sát, đặc biệt là sử dụng khả năng bù trừ của giác quan như thính giác, xúc giác, khứu giác... Các bước sử dụng phương pháp quan sát trong dạy học cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở gồm:



Sơ đồ 1.3. Các bước sử dụng phương pháp quan sát

Bước 1: Chuẩn bị quan sát

+ Trong bước này giáo viên sẽ định hướng các vấn đề cần quan sát trước cho học sinh bao gồm học sinh sáng và học sinh khuyết tật nhìn theo các câu hỏi sau:

- Đối tượng quan sát là gì?
- Thời gian quan sát bao lâu?
- Mục đích quan sát?
- Cách ghi chép kết quả và báo cáo như thế nào?
- Các đồ dùng, phương tiện cần thiết để hỗ trợ cho quan sát (nếu cần) là gì?

+ Giáo viên cũng chuẩn bị môi trường, đồ dùng, thiết bị (nếu có) để học sinh quan sát. Đối với học sinh khuyết tật nhìn thì giáo viên cần chú ý đến vấn đề môi trường, đảm bảo sự an toàn cho học sinh khi di chuyển trong quá trình quan sát đối tượng.

Bước 2: Tiến hành quan sát (sử dụng đa giác quan)

+ Hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn quan sát dựa trên các câu hỏi đã định sẵn. Kích thích suy nghĩ của học sinh, hỗ trợ cho học sinh khuyết tật nhìn kịp thời khi các em gặp khó khăn. Nếu học sinh khuyết tật nhìn gặp khó khăn trong việc ghi chép lại kết quả thì giáo viên có thể sử dụng kết hợp quan sát cá nhân với quan sát theo cặp hoặc theo nhóm để học sinh giúp đỡ học sinh khuyết tật nhìn.

Bước 3: Kết thúc quan sát:

+ Giáo viên khuyến khích học sinh khuyết tật nhìn báo cáo kết quả quan sát được và so sánh đối chiếu với kết quả của học sinh sáng.

+ Giáo viên tóm tắt các kết quả, đưa ra kết luận đánh giá quá trình quan sát của học sinh trên tinh thần chỉ ra được những điểm tích cực hoặc những gợi ý để học sinh khuyết tật nhìn và các học sinh khác sẽ rút kinh nghiệm cho những lần quan sát sau.

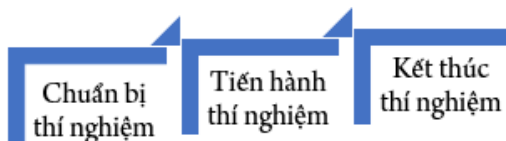
Phương pháp làm mẫu/minh hoạ

– Bên cạnh việc sử dụng các đồ dùng, phương tiện trực quan và môi trường tự nhiên hoặc môi trường nhân tạo mà giáo viên đã thiết kế để học sinh quan sát và hình thành các kiến thức, kĩ năng mới thì giáo viên còn sử dụng phương pháp làm mẫu, minh hoạ. Giáo viên có thể trực tiếp làm mẫu hoặc sử dụng các đồ dùng, băng hình đã quay trước để học sinh tri giác.

– Đối với học sinh khuyết tật nhìn sẽ gặp khó khăn khi giáo viên làm mẫu vì học sinh không thể quan sát được bằng mắt. Do đó, giáo viên cần sử dụng kết hợp với lời nói để giải thích rõ các hành động của giáo viên hoặc giáo viên cho học sinh khuyết tật nhìn là người thực hiện các bước làm mẫu dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Phương pháp biểu diễn thí nghiệm

– Trong dạy học các môn tự nhiên cho học sinh cấp trung học cơ sở, giáo viên thường xuyên phải biểu diễn các thí nghiệm cho học sinh, tư duy và rút ra các kết luận khoa học cần thiết. Việc thực hiện các thí nghiệm cần được tiến hành cẩn thận, đảm bảo sự an toàn cho học sinh và theo các bước:



+ Một số điểm cần lưu ý khi sử dụng phương pháp trực quan trong dạy học cho học sinh khuyết tật nhìn là:

- Lựa chọn thận trọng các đồ dùng, phương tiện trực quan, phương tiện kĩ thuật dạy học sao cho phù hợp với mục đích, yêu cầu của tiết học và năng lực của học sinh sáng mắt, học sinh khuyết tật nhìn;
- Giải thích rõ mục đích trình bày những phương tiện trực quan, phương tiện kĩ thuật dạy học theo một trình tự nhất định tùy theo nội dung bài giảng;
- Các phương tiện đó cần chuẩn bị tỉ mỉ, chu đáo, tìm mọi biện pháp giải thích rõ ràng nhất những hiện tượng, diễn biến quá trình và kết quả của chúng, những biện pháp hướng dẫn học sinh quan sát để phát hiện nhanh những dấu hiệu bản chất của sự vật, hiện tượng;

- Để học sinh quan sát có hiệu quả cần xác định mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ quan sát, hướng dẫn quan sát, ghi nhớ về những gì quan sát được;
- Bảo đảm cho tất cả học sinh quan sát sự vật, hiện tượng rõ ràng, đầy đủ, nếu có thể thì phân phát các vật thật cho họ.
- Để các đồ dùng trực quan dễ quan sát cần dùng các thiết bị có kích thước đủ lớn, bố trí thiết bị ở nơi cao, chú ý tới ánh sáng, tới những quy luật cảm giác, tri giác của học sinh khuyết tật nhìn;
- Đảm bảo phối hợp lời nói với việc trình bày các phương tiện trực quan và phương tiện kĩ thuật dạy học;
- Giáo viên phải kết hợp giữa đàm thoại, diễn giảng và các phương pháp dùng lời khác: Trừu tượng và cụ thể, quy nạp và suy diễn, phân tích và tổng hợp;
- Phải biết kết hợp tận dụng các điều kiện trực quan sẵn có, thu hút được tất cả các giác quan còn lại của học sinh và sử dụng đồng thời càng nhiều giác quan càng tốt;
- Đối với học sinh khuyết tật nhìn, giáo viên phải lựa chọn các vật quan sát phải đơn giản, khái quát;
- Sử dụng đồ dùng trực quan đúng lúc, đúng cách sẽ tạo cho học sinh hứng thú theo dõi giờ học. Khi cho học sinh xem xét đồ dùng trực quan, cần chú ý đến các yếu tố cơ bản thể hiện rõ bản chất của sự vật – hiện tượng.
- Chuẩn bị phương tiện và đồ dùng cho học sinh khuyết tật nhìn mất nhiều thời gian, giáo viên cần phóng to hình ảnh, làm tăng độ tương phản trong bức tranh cho học sinh nhìn kém, chuẩn bị các bài tập có thể phải chuyển dịch sang chữ nổi Braille cho học sinh khuyết tật nhìn (nếu học sinh không sử dụng máy tính).

b. Nhóm phương pháp dùng lời

Phương pháp thuyết trình

– Giáo viên sử dụng lời nói để trình bày, giải thích nội dung bài học một cách có hệ thống, logic để học sinh hiểu được các kiến thức, kĩ năng. Thuyết trình được sử dụng hiệu quả trong dạy học hoà nhập cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở cần thực hiện theo các bước cơ bản sau:

+ Đặt vấn đề: Nêu vấn đề bằng các câu hỏi nhận thức.

+ Giải quyết vấn đề: Giáo viên trình bày vấn đề theo hình thức quy nạp hoặc diễn dịch, đưa ra các ví dụ minh hoạ để làm sáng tỏ vấn đề lý luận, kích thích học sinh tư duy (phân tích, tổng hợp, so sánh) và đưa ra các kết luận khoa học.

+ Tổng kết vấn đề: Giáo viên yêu cầu học sinh khái quát lại vấn đề trước khi giáo viên tổng hợp, nhấn mạnh những kiến thức học sinh cần ghi nhớ.

Phương pháp vấn đáp

– Giáo viên tiến hành quá trình hỏi và đáp giữa giáo viên – học sinh hoặc giữa học sinh – học sinh để làm sáng tỏ những kiến thức, kỹ năng mới liên quan đến bài học. Việc đưa ra các câu hỏi trong dạy học hoà nhập cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở cần đảm bảo phát huy được những kiến thức, kỹ năng từ kinh nghiệm thực tiễn của học sinh hoặc từ tài liệu liên quan đến bài học mà giáo viên đã yêu cầu học sinh chuẩn bị trước. Giáo viên cần áp dụng các hình thức câu hỏi: Câu hỏi tái hiện, câu hỏi gợi mở, câu hỏi củng cố kiến thức và câu hỏi ôn tập, hệ thống hoá kiến thức. Các dạng câu hỏi này vừa đảm bảo mang tính tái tạo là những gì học sinh đã biết đồng thời cũng cần có câu hỏi mang tính sáng tạo để phát triển khả năng tư duy sáng tạo cho học sinh.

– Các bước để thực hiện phương pháp vấn đáp:

+ *Chuẩn bị câu hỏi*: Giáo viên chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến các nội dung của bài học theo hệ thống từ dễ đến khó; từ cụ thể đến khái quát phù hợp với đa dạng năng lực của học sinh trong lớp.

+ *Đưa câu hỏi cho học sinh*: có nhiều hình thức khác nhau để giáo viên đưa câu hỏi cho học sinh hoặc giáo viên gợi ý để học sinh tự đặt câu hỏi cho nhau.

+ *Học sinh suy nghĩ câu hỏi và đưa ra câu trả lời*: Giáo viên cho học sinh thời gian để suy nghĩ về câu hỏi. Lúc này giáo viên có thể dành thời gian hỗ trợ cho học sinh khuyết tật nhìn để khuyến khích học sinh tích cực trả lời. Khi học sinh phát biểu, giáo viên có thể mời các học sinh khác đưa ra các câu trả lời khác bạn hoặc đưa ra các lời nhận xét về câu trả lời của bạn. Điều này sẽ giúp học sinh tròn lớp hoà nhập chú ý lắng nghe và tăng cường tư duy phản biện, so sánh.

+ *Giáo viên tổng kết lại câu trả lời và khái quát nội dung*: Giáo viên nhận xét các câu trả lời của học sinh và khái quát lại nội dung chính xác.

– Để việc thuyết trình cũng như vấn đáp đạt hiệu quả giáo viên cũng có thể cho học sinh kết hợp với phương pháp nhóm, khuyến khích học sinh nghiên cứu, tìm hiểu các nội dung thông qua các tài liệu khác nhau trước khi bắt đầu bài học. Đối với học sinh khuyết tật nhìn, giáo viên có thể gửi cho học sinh các tài liệu bằng bản mềm trước để học sinh tìm hiểu thông qua sử dụng các phần mềm đọc màn hình, phần mềm âm thanh,...

+ Khi sử dụng nhóm phương pháp dùng lời cho học sinh khuyết tật nhìn cần chú ý các yếu tố sau:

- Cần xem môi trường lớp học có quá ồn ào, gây cản trở cho khả năng tiếp nhận âm thanh, hiểu lời nói của học sinh;
- Không nên đặt các câu hỏi quá dài, quá trừu tượng;
- Sắp xếp vị trí ngồi sao cho học sinh khuyết tật nhìn dễ nghe, dễ quan sát đồ dùng trực quan mà giáo viên đưa ra;
- Hình thành cho học sinh khuyết tật nhìn kĩ năng nghe có chọn lọc;
- Hình thành cho học sinh khuyết tật nhìn kĩ năng ghi chép;
- Nói rõ ràng, gần gũi và cuốn hút sự chú ý tiếp thu của học sinh khuyết tật nhìn;
- Sử dụng từ ngữ đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu;
- Sử dụng đa dạng các hình thức dùng lời khác nhau để phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh: Dưới dạng các câu đố, câu hỏi đúng sai...

c. Nhóm phương pháp dạy học thực hành

– Dạy học bằng phương pháp thực hành rất phù hợp cho học sinh khuyết tật nhìn trong việc sử dụng các tình huống chia nhóm, thông qua các bài tập giúp học sinh có cơ hội sử dụng linh hoạt mọi khả năng trong giao tiếp và hợp tác với các bạn của mình.

– Qua thực hành, hứng thú nhận thức của học sinh được kích thích, đức tính kiên trì, cẩn thận, tính chính xác được rèn luyện.

– Tạo điều kiện cho học sinh tiếp xúc với môi trường tự nhiên nhằm giúp học sinh mở rộng hiểu biết về các thuộc tính, đặc điểm của sự vật, hiện tượng

+ Lưu ý khi sử dụng phương pháp thực hành trong dạy học có học sinh khuyết tật nhìn:

- Để có thể thực hành, nhà trường cũng phải tạo điều kiện về trang bị cơ sở vật chất (phòng thiết bị, dụng cụ, máy nghe), có kế hoạch hoạt động ngoại khóa để tạo môi trường cho các em thực hành.

- Kết hợp các trò chơi, các hoạt động khám phá nhằm ôn tập, củng cố các tri thức đã tiếp thu được.

- Giáo viên cần chú ý chọn các trò chơi, bài tập luyện tập rõ ràng, dễ hiểu để học sinh có thể cùng tham gia.

- Tổ chức kết hợp giữa các hoạt động quan sát và thực hành.

- Tổ chức những trò chơi vui vẻ, chơi với các đồ vật, đồ dùng, các nguyên liệu tự nhiên, tạo cho học sinh thoải mái và thú vị.

- Chú ý đến môi trường tổ chức các hoạt động trò chơi, thực hành, luyện tập phải đảm bảo sự an toàn cho học sinh khuyết tật nhìn.

- Phân tích các nhiệm vụ học tập, thực hành luyện tập thành các bước nhỏ để học sinh khuyết tật nhìn dễ thực hiện.

d. Phương pháp hợp tác nhóm

Dạy học hợp tác là hình thức dạy học có sự kết hợp tính tập thể và tính cá nhân mà trong đó, học sinh dưới sự chỉ đạo của giáo viên, trao đổi những ý tưởng nguồn kiến thức, giúp đỡ hợp tác với nhau trong việc lĩnh hội tri thức, hình thành kĩ năng, kĩ xảo từng thành viên không chỉ có trách nhiệm với việc học của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của các bạn khác trong nhóm.



Sơ đồ 1.4. Các bước tiến hành dạy học hợp tác nhóm cho học sinh khuyết tật nhìn trong lớp hòa nhập

Bước 1: *Hình thành nhóm thảo luận*

+ Hình thành nhóm – tùy theo tổng số học sinh mà giáo viên quyết định mỗi nhóm chỉ từ 4 – 6 em. Nếu ra quyết định mỗi nhóm chỉ có 5 em thì yêu cầu học sinh đếm số từ 1 đến 5 theo chỗ ngồi (đến em thứ 5 thì em kế tiếp đếm số lại từ 1 – 5...) học sinh khuyết tật nhìn cũng bình đẳng vào số nào thì phải nhớ rõ số ấy. Sau đó tất cả những học sinh có cùng số giống nhau thì vào 1 nhóm:

- Nhóm 1: là các học sinh mang số 1.
- Nhóm 2: là các học sinh mang số 2.

+ Các kĩ năng di chuyển về nhóm:

- Theo tín hiệu của nhóm phát ra;
- Di chuyển nhanh, trật tự về đúng vị trí đã quy định;
- Ngồi quanh bàn, mặt đối mặt;
- Khi luyện tập: Học sinh khuyết tật nhìn cần có sự hỗ trợ di chuyển của bạn cùng nhóm;

- Làm quen nhanh giữa các thành viên với học sinh khuyết tật nhìn.

Bước 2: *Phân vai*

+ Phân vai không theo chỉ định mà ngẫu nhiên. Có thể cho học sinh khuyết tật nhìn chọn vai và có sự chuẩn bị trước các vai của mình để học sinh được tự tin hơn. Mặc khác nên có học sinh sáng mắt hỗ trợ cho học sinh khuyết tật nhìn trong một số vai khi tham gia vào nhóm.

+ *Ví dụ:* Giáo viên đưa ra tiêu chí bạn thấp nhất là nhóm trưởng thì theo kim đồng hồ quay các bạn kế tiếp sẽ là thư kí, báo cáo viên, theo dõi thời gian... Mục đích nhằm rèn luyện kĩ năng điều khiển, quản lí nhóm cho mỗi thành viên. Học sinh khuyết tật nhìn cũng có thể làm nhóm trưởng, thư kí nhưng có thể không nên là người theo dõi thời gian.

Bước 3: *Giao nhiệm vụ, thời gian học nhóm, chỉ tiêu hoàn thành*

Trong kế hoạch dạy học giáo viên cần chuẩn bị tốt các nhiệm vụ giao cho học sinh hợp tác nhóm dưới dạng: Phiếu học, phiếu trắc nghiệm:

+ Câu hỏi thảo luận.

+ Phiếu học nhóm, bao gồm:

- Phiếu bài tập dạng trắc nghiệm;
- Phiếu điền vào chỗ trống;
- Phiếu học, tìm kiếm phát hiện;

- Phiếu kiểm tra;
- Trả lời câu hỏi mở (nêu các giải pháp);
- Cung cấp tài liệu tóm tắt, tham khảo cho nhóm;
- Cung cấp phương tiện trực quan (nếu cần);
- Cung cấp phương tiện ghi chép: giấy, bút dạ...

+ *Chú ý:* Nhóm có học sinh khuyết tật nhìn có thể sử dụng chữ Braille, phương tiện trực quan có thể sờ được hoặc hỗ trợ mô tả bằng lời, bằng văn bản viết sẵn.

Bước 4: *Thực hiện hợp tác giữa các thành viên trong mỗi nhóm*

+ Quan tâm nhất là những kĩ năng hợp tác giữa học sinh khuyết tật nhìn với học sinh sáng mắt:

- Kĩ năng động viên học sinh khuyết tật nhìn cùng tham gia;
- Kĩ năng làm rõ câu hỏi, nhiệm vụ của mỗi học sinh cùng nhóm bạn;
- Kĩ năng hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn tri giác tài liệu, tri giác phương tiện để quan sát trả lời câu hỏi thảo luận. Học sinh sáng giải thích hình vẽ, ảnh phẳng nếu có;
- Kĩ năng gợi ý, nêu thắc mắc và hướng dẫn giải quyết thắc mắc cho học sinh khuyết tật nhìn;
- Kĩ năng tóm tắt kết luận;
- Kĩ năng trình bày lại kết quả học hợp tác;
- Kĩ năng bổ sung và nêu thắc mắc.

Bước 5: *Đại diện nhóm báo cáo kết quả*

+ Đại diện nhóm đứng lên trước lớp báo cáo kết quả thảo luận của cả nhóm mà không còn là ý kiến cá nhân, học sinh khuyết tật nhìn có thể là đại diện báo cáo;

+ Kĩ năng trình bày lại: Lời nói rõ ràng, diễn cảm, có sức thuyết phục. Có thể đưa ra câu hỏi chưa đồng thuận;

+ Các thành viên trong nhóm có thể nêu ý kiến bổ sung;

+ Các thành viên trong các nhóm khác chú ý kĩ năng nghe báo cáo của nhóm bạn để đưa ra câu hỏi hoặc phát hiện so sánh với kết luận của nhóm mình. Nhóm có học sinh khuyết tật nhìn, các thành viên cần động viên học sinh khuyết tật nhìn nêu câu hỏi, bổ sung ý kiến cá nhân.

Bước 6: Đánh giá tổng kết

+ Hướng dẫn học sinh các nhóm tự đánh giá nhóm mình và nhóm bạn;
+ Giáo viên cần theo dõi quan sát học sinh khuyết tật nhìn đã thể hiện hợp tác nhóm như thế nào? Các thành viên trong nhóm ấy đã hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn tham gia ra sao hoặc đóng góp tích cực của học sinh khuyết tật nhìn;

+ Kỹ năng động viên các thành viên, các nhóm tham gia và phần còn hạn chế, thiếu tích cực tham gia hợp tác của cá nhân, nhóm nếu có.

+ Các kỹ năng cần rèn luyện cho học sinh khuyết tật nhìn trong dạy học theo phương pháp hợp tác nhóm là:

- Kỹ năng di chuyển nhanh, an toàn về đúng vị trí nhóm;
- Kỹ năng nghe, tư thế ngồi đối diện, mặt đối mặt để tập trung chú ý nghe và thảo luận nhóm;
- Kỹ năng đọc tài liệu, phiếu học nhóm, phương tiện tri giác (vật thật, mô hình, hình nổi...) bằng mắt với học sinh nhìn kém và bằng tay sờ với học sinh mù.

+ Trong mỗi một nhóm bài học, giáo viên cần hình thành cho các em một đến hai kỹ năng, và nó phải được thể hiện trong mục tiêu bài học. Để giáo viên hình thành được những kỹ năng học hợp tác đó cho học sinh cần giúp họ hình dung quá trình hình thành mỗi kỹ năng là như thế nào? Quá trình này gồm các bước và tốt nhất là làm sao càng đơn giản, dễ vận dụng càng tốt.

e. Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề

– Dạy học nêu vấn đề (Problem Posing) được khởi đầu bởi các nhà khoa học người Nga, tiêu biểu là M.I. Maxmutov, hàm chứa việc xây dựng tình huống có vấn đề trong dạy học. Dạy học giải quyết vấn đề (Problem Solving) nhằm nhấn mạnh đến hoạt động giải quyết tình huống có vấn đề của người học. Bản chất của dạy học nêu và giải quyết vấn đề là tạo ra một chuỗi những tình huống có vấn đề và điều khiển học sinh giải quyết các vấn đề học tập đó. Trong dạy học hòa nhập có học sinh khuyết tật nhìn thì giáo viên cần vận dụng học dạy nêu và giải quyết vấn đề một cách linh hoạt.

- Bước 1:** Tạo ra tình huống có vấn đề;
- ➡ **Bước 2:** Xác định vấn đề;
- ➡ **Bước 3:** Thu thập các thông tin liên quan đến vấn đề cần giải quyết;
- ➡ **Bước 4:** Phân tích xử lý các thông tin;
- ➡ **Bước 5:** Lập kế hoạch giải quyết vấn đề;
- ➡ **Bước 6:** Lựa chọn kế hoạch tốt nhất phù hợp với các điều kiện thực tế và năng lực của bản thân;
- ➡ **Bước 7:** Thực hiện theo kế hoạch đã lựa chọn để giải quyết vấn đề;
- ➡ **Bước 8:** Kiểm soát và đánh giá.

*Sơ đồ 1.5. Các bước của dạy học nêu và giải quyết vấn đề
trong dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật nhìn*

– Các cách tiếp cận dạy học giải quyết vấn đề trong dạy học hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn:

+ *Cách tiếp cận 1:* Giáo viên nêu ra tình huống – giáo viên giải quyết vấn đề: Thường được sử dụng trong những vấn đề như hình thành khái niệm, nêu tính chất, phát biểu quy tắc, chứng minh công thức... Cách tiếp cận này chủ yếu để cung cấp cho học sinh các tri thức mới, không dựa vào tri thức cũ của học sinh.

+ *Cách tiếp cận 2:* Giáo viên xây dựng tình huống – giáo viên và học sinh cùng giải quyết vấn đề. Cách tiếp cận này chính là sự kết hợp giữa dạy học vấn đáp gợi mở và dạy học giải quyết vấn đề. Khi giáo viên nêu ra các tình huống có vấn đề, học sinh không thể độc lập giải quyết mà cần sự hỗ trợ của giáo viên.

+ *Cách tiếp cận 3:* Giáo viên xây dựng tình huống có vấn đề – học sinh độc lập giải quyết vấn đề đó. Qua quá trình tự giải quyết vấn đề học sinh sẽ tìm ra các tri thức, kĩ năng kĩ xảo mới.

+ *Cách tiếp cận 4:* Học sinh phát hiện ra các tình huống có vấn đề – học sinh giải quyết vấn đề đó. Đây là cách tiếp cận cao nhất của dạy học giải quyết vấn đề. Theo cách tiếp cận này đòi hỏi học sinh phải suy duy cao, có kĩ năng lập luận để đưa ra các nghịch lí, các vấn đề gặp phải trong quá trình tìm kiếm các tri thức mới.

+ Khi áp dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề, trong lớp hòa nhập có học sinh khuyết tật nhìn cần khuyến khích các em đưa ra các phương án giải quyết vấn đề. Giáo viên tạo động cơ để các em chủ động khám phá, chiếm lĩnh tri thức, kĩ năng, kĩ xảo. Sử dụng các đồ dùng trực quan để học sinh khuyết tật nhìn vận dụng các giác quan nhất là thính giác, xúc giác khám phá, gợi mở các vấn đề liên quan đến bài học.

f. Phân tích nhiệm vụ

– Để tích cực hóa hoạt động của học sinh khuyết tật nhìn thì giáo viên đưa ra các nhiệm vụ cần thực hiện và cùng học sinh phân tích nhiệm vụ đó thành các bước nhỏ. Giáo viên sẽ hỗ trợ để tất cả học sinh trong lớp đều hiểu rõ các bước thực hiện nhiệm vụ và có khả năng độc lập giải quyết. Lúc này, nếu học sinh khuyết tật nhìn gặp khó khăn thì giáo viên sẽ hỗ trợ thêm cho các em.

– Sau khi học sinh đã chia nhiệm vụ thành các bước nhỏ để dễ thực hiện thì giáo viên cần hướng dẫn các em thực hiện từng bước một. Nguyên tắc khi dạy học theo phương pháp phân tích nhiệm vụ là dạy học sinh từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó, làm sao để học sinh hứng thú và độc lập nhất có thể khi thực hiện. Với học sinh khuyết tật nhìn thì phương pháp dạy học theo chuỗi ngược thường có nhiều hiệu quả và khuyến khích sự tham gia của học sinh.

– *Ví dụ:* Trong môn Địa lí, khi khám phá bản đồ Việt Nam (bằng mô hình/ biểu đồ nổi) giáo viên chia nhỏ các nhiệm vụ cho học sinh khuyết tật nhìn nhìn như sau:

+ Học sinh khuyết tật nhìn hiểu và xác định rõ được mục đích khám phá bản đồ;

+ Sờ/ khám phá toàn bộ bản đồ và xác nhận rõ vị trí cần khám phá;

+ Quan sát vị trí cần khám phá theo mục đích đã đề ra;

+ Lần lượt ghi lại các thông tin đã quan sát được;

+ Khái quát lại các thông tin theo yêu cầu.

– Khi áp dụng phương pháp phân tích nhiệm vụ; với một số học sinh thì giáo viên có thể chỉ cần làm mẫu, hướng dẫn bằng lời để học sinh tự thực hiện. Với học sinh khuyết tật nhìn đặc biệt học sinh mù thì giáo viên cần phải giải thích rõ từng bước. Đối với học sinh nhìn kém, giáo viên nên khuyến khích

học sinh sử dụng phần thị giác còn lại bằng cách chọn vị trí làm mẫu để học sinh dễ quan sát, sử dụng thêm các tranh ảnh minh họa cho các bước theo quy trình. Để có thể tận dụng thời gian và giúp các học sinh cùng hiểu được các bước thực hiện nhiệm vụ thì giáo viên có thể để học sinh khuyết tật nhìn và học sinh sáng mắt cùng làm mẫu thực hiện nhiệm vụ.

g. Cá biệt hóa trong dạy học cho học sinh khuyết tật nhìn

– Trong lớp học hòa nhập, đa số các hoạt động giáo viên sẽ điều chỉnh và sử dụng các phương pháp dạy học khác nhau để khuyến khích học sinh khuyết tật nhìn tham gia và hoàn thành nhiệm vụ. Tuy nhiên, có một số hoạt động học sinh khuyết tật nhìn không thể thực hiện cùng học sinh sáng mắt nên các em cần có kế hoạch giáo dục cá nhân riêng cần được tích hợp thực hiện trong các hoạt động trên lớp, ở gia đình và ngoài xã hội; hoặc các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

– Trong các hoạt động ở lớp hòa nhập giáo viên có thể sử dụng phương pháp cá biệt hóa cho học sinh khuyết tật nhìn. Giáo viên cho học sinh khuyết tật nhìn tham gia hoạt động như học sinh sáng mắt nhưng có những điều chỉnh bằng các hình thức khác nhau để các em có thể tham gia.

– Giáo viên có thể hướng dẫn theo hình thức cá nhân ngay trong giờ học hoặc trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Giáo viên sẽ tận dụng thời gian mà các học sinh sáng mắt đang tự thực hiện nhiệm vụ độc lập thì vừa quan sát cả lớp vừa hỗ trợ thêm cho học sinh khuyết tật nhìn. Tuy nhiên, có nhiều nội dung bài học học sinh khuyết tật nhìn không theo kịp các học sinh sáng mắt thì giáo viên cũng cần sắp xếp có những giờ học riêng, hỗ trợ thêm cho học sinh khuyết tật nhìn. Việc dạy học cá biệt cho học sinh khuyết tật nhìn có thể thực hiện linh hoạt tùy vào điều kiện mỗi trường hòa nhập. Có thể giáo viên đứng lớp sẽ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ cho học sinh khuyết tật nhìn nhưng cũng có thể có thêm các giáo viên chuyên biệt, giáo viên hỗ trợ để phối hợp cùng giáo viên đứng lớp giúp cho học sinh khuyết tật nhìn. Nội dung giáo dục cá biệt cho học sinh khuyết tật nhìn cần phải được thống nhất trong bản kế hoạch giáo dục cá nhân và các giáo viên phải thực hiện theo, phối hợp cùng với gia đình.

1.2.3.5. Về phương tiện, đồ dùng dạy học cho học sinh khuyết tật nhìn

– Phương tiện, đồ dùng dạy học có vai trò quan trọng trong dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật nhìn. Phương tiện và đồ dùng dạy học cho học sinh khuyết tật nhìn bao gồm các đồ dùng trong dạy học phổ thông được điều chỉnh và đồ dùng đặc thù cho học sinh khuyết tật nhìn.

– Các loại phương tiện đặc thù dùng cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở bao gồm các nhóm cơ bản sau: Phương tiện quang học, phương tiện phi quang học và phương tiện điện tử.

a. Phương tiện trợ thị quang học

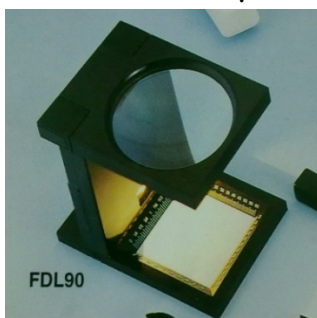
Phương tiện quang học thường được sử dụng để điều chỉnh các tật khúc xạ và học sinh nhìn kém. Các phương tiện quang học chính, bao gồm:

❖ Kính trợ thị

+ Việc chỉ định và cấp đơn sử dụng kính trợ thị phải do bác sĩ nhãn khoa thực hiện. Theo chức năng điều chỉnh khúc xạ hoặc giảm thiểu độ sáng có một số loại kính trợ thị như sau: Kính cận, kính viễn, kính 2 tròng, kính điều chỉnh đa chức năng, kính râm có màu sắc khác nhau trong nhà và ngoài trời (dùng cho mắt quá nhạy cảm với ánh sáng do bạch tạng). Theo cấu tạo: Có kính gọng và kính áp tròng.

❖ Kính lúp/ kính phóng đại

+ Thường dùng để phóng đại các con chữ hoặc vật nhỏ để mắt có thể nhìn được. Học sinh khuyết tật nhìn có thể sử dụng đồng thời kính trợ thị và kính lúp để nhìn rõ hơn khi cần. Kính lúp thường được học sinh nhìn kém gắn lên giá hoặc đeo dây trước ngực và học sinh đưa sách xuống dưới để phóng to chữ của cuốn sách in và khổ chữ nhỏ để đọc.



❖ Ống nhòm

+ Học sinh nhìn kém dùng ống nhòm để nhìn lên bảng hoặc quan sát các vật ở xa.



b. Phương tiện trợ thị phi quang học

Phương tiện trợ thị phi quang học trong dạy học học sinh khuyết tật nhìn là các phương tiện giúp tăng cường khả năng nhìn mà không dùng tới kính và không cần có chỉ định theo đơn bắt buộc của bác sỹ nhãn khoa. Các phương tiện phi quang học chính bao gồm:

❖ Phương tiện nâng cao khả năng nhìn của mắt

+ *Giá đọc sách*: Giá đọc sách được thiết kế với chiều cao và độ nghiêng có thể thay đổi để học sinh nhìn kém có thể đọc dễ hơn mà không phải thay đổi tư thế ngồi.

+ *Đèn*: Nhiều học sinh nhìn kém cần ánh sáng nhiều hơn để đọc, viết và sinh hoạt. Đèn sẽ tăng cường độ chiếu sáng nơi cần thiết để nâng cao khả năng nhìn của học sinh.



+ *Sách chữ to*: Một số học sinh nhìn kém có thể sử dụng kính trợ thị để sử dụng chữ phổ thông. Số khác thì cần học sách với chữ có kích thước to hơn bình thường.

+ *Bút có nét to/bút dạ*: Học sinh nhìn kém hay sử dụng bút có màu đậm và có đầu viết to hơn bình thường với kích cỡ khác nhau tương tự như bút dạ để viết trên giấy có màu tương phản với mực. Với kích thước của nét chữ và dòng kẻ to như vậy Học sinh sẽ nhìn đọc và viết tốt hơn. Nét to hay nhỏ phụ thuộc vào khả năng nhìn của học sinh.

+ *Giấy viết có dòng kẻ đậm*: Học sinh nhìn kém khó dõi theo dòng nên giấy có dòng kẻ đậm sẽ giúp học sinh viết và đọc hàng thẳng tốt hơn.

+ *Bút đánh dấu*: Bút đánh dấu chữ hoặc đoạn chữ thường có màu vàng. Học sinh nhìn kém dùng bút tô lên trên chữ hoặc đoạn chữ (thường là màu có tông đen hoặc tối) cho chữ nổi rõ hơn để đọc.

+ *Khe đọc*: Khe đọc làm bằng bìa cứng, màu đen và có đục rãnh thủng ở giữa với chiều dài bằng chiều rộng trang giấy, chiều cao to hơn chiều cao của chữ to khoảng 3 – 5mm. Học sinh sử dụng khe đọc đặt lên trang giấy sao cho dòng chữ cần đọc nằm vào đúng khe hở. Khe đọc được dùng cho học sinh nhìn kém để học sinh dễ tập trung vào dòng cần đọc hơn và độ tương phản giữa chữ với xung quanh cũng tăng hơn.

+ *Thước dẫn dòng đọc*: Thước dẫn dòng đọc được làm bằng nhựa rộng khoảng 4cm và được chia đôi theo chiều dọc thành hai nửa. Nửa dưới màu đen, nửa trên màu vàng. Khi đặt thước che đi hàng dưới thì hàng chữ bên trên sẽ trở thành màu vàng như được đánh dấu và độ tương phản giữa chữ với nền sẽ tăng hơn do đó dễ đọc hơn.



❖ Phương tiện dùng cho xúc giác

+ *Sách chữ nổi*: Học sinh mù hoàn toàn và học sinh không thể sử dụng mắt để học bằng chữ phổ thông phải sử dụng chữ nổi để học. Sách chữ nổi in

bằng chữ nổi Braille và các hình được chuyển đổi và điều chỉnh sang kênh hình nổi phù hợp với khả năng nhận biết qua sờ bằng tay.

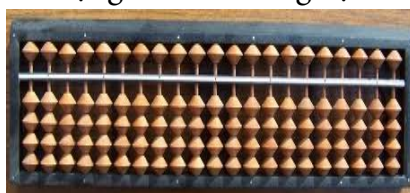
+ *Bảng và dùi viết chữ nổi Braille dùng để viết chữ nổi*: Có nhiều loại bảng và dùi viết chữ nổi Braille với số lượng dòng, cột và kích thước khác nhau. Hầu hết bảng viết chữ nổi được làm bằng nhựa.

+ *Máy đánh chữ nổi Braille*: Máy đánh chữ nổi có một số loại với kích thước khác nhau.

+ *Bộ đồ vẽ hình nổi*: Bộ đồ vẽ hình nổi có bảng vẽ có mặt được làm bằng cao su đặc biệt và các loại dụng cụ vẽ khác nhau. Đặt giấy lên mặt nilon loại dùng để vẽ hình nổi hoặc giấy viết chữ nổi rồi dùng dụng cụ vẽ (thường là bánh xe răng cưa, bút vẽ hình nổi) ấn lên mặt giấy và vẽ. Sau khi vẽ xong sẽ có hình nổi ngay trên mặt giấy nếu ta dùng giấy nilon chuyên dùng hoặc lật ngược lại để có hình nổi đối với giấy viết chữ nổi.

+ *Bộ đồ đo dùng kí hiệu nổi (thường sử dụng các chấm nổi)*: Thay vào các vạch bằng mực in ghi định lượng thì bộ đồ sử dụng các chấm nổi thay thế vào vị trí các vạch có đánh dấu các mức 5, 10, 15... Bằng số lượng chấm nhiều hơn nhờ đó học sinh mù có thể sờ để nhận biết số lượng của đơn vị đo.

+ *Bàn tính Taylo và bán tính Soroban* được thiết kế lại thích ứng với việc sử dụng của học sinh khuyết tật nhìn để sử dụng cá nhân trong học môn Toán.



❖ Phương tiện dùng để nghe và ngửi

+ *Sách nói*: Sách nói là sách được chuyển đổi từ sách in chữ phổ thông sang bằng cách đọc và ghi âm lại trên băng đĩa. Sau đó dùng các phương tiện như đài cassette, đài đĩa...để nghe. Tại Việt Nam nhiều sách giáo khoa và truyện được chuyển đổi theo hình thức này.

+ *Đồ dùng dạy học*, chơi có phát ra âm thanh (bóng đá chuông), nguồn âm sử dụng để định hướng (chuông hoặc trống trường)...

c. Phương tiện điện tử

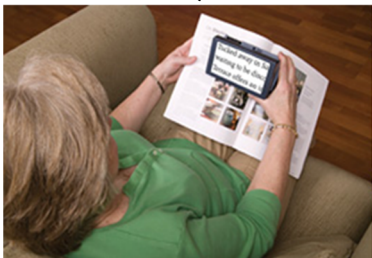
Phương tiện điện tử là các phương tiện hiện đại càng ngày càng được người khuyết tật nhìn nói chung và học sinh khuyết tật nhìn trong trường phổ thông sử dụng rộng rãi. Một số phương tiện điện tử được sử dụng nhiều là:

+ *Sách điện tử*: Sách được ghi bằng thiết bị kỹ thuật số và sử dụng các phương tiện kỹ thuật số để nghe;

+ *Đồng hồ điện tử nói*: Đồng hồ loại này báo giờ theo đều đặn bằng lời nói theo sự đặt trước của người sử dụng và khi người sử dụng có nhu cầu biết thời gian;

+ *Máy tính điện tử nói*: Máy tính sẽ đọc tất cả các dữ liệu được nhập vào và thông báo kết quả sau khi thực hiện xong phép tính. Để không ảnh hưởng tới người khác thì người sử dụng có thể dùng tai nghe;

+ *Máy phóng đại (CCTV)* dùng để phóng các con chữ hoặc hình to lên để phù hợp hơn với khả năng đọc của học sinh nhìn kém. Máy phóng đại có hai loại cầm tay và để bàn;

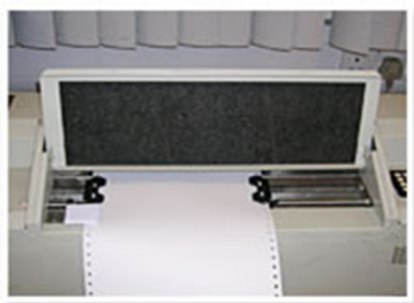


+ *Máy tính*: Ngày càng nhiều học sinh khuyết tật nhìn có khả năng sử dụng máy tính với phần mềm ứng dụng phù hợp với tri giác xúc giác, thính giác và thị giác còn lại để soạn thảo văn bản, trao đổi thông tin, truy cập Internet.

+ *Các phần mềm ứng dụng cho máy tính dành cho người khuyết tật nhìn nói chung và học sinh khuyết tật nhìn nói riêng* đã được xây dựng và rất hữu ích như: Phần mềm thay đổi màu, nét chữ và nền, phần mềm chuyển đổi chữ phổ thông sang chữ nổi Braille và ngược lại (DUXBURY); phần mềm vẽ hình nổi; phần mềm NDC: Năm 1998, tiến sĩ Trần Hà Nam đã phát triển một phần mềm mới dành cho người mù và được tài trợ bởi Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường và có sự hợp tác với trường phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu. Đây là một trình soạn thảo văn bản tương tự Microsoft Word nhưng có khả năng đọc màn hình (các chức năng, nút công cụ, nội dung văn bản).

Các thao tác của người sử dụng được chuyển thành tiếng nói theo nhiều chế độ: Đọc từng chữ, từng từ hay từng câu. Phần mềm còn có chức năng chuyển văn bản từ chữ thường sang chữ nổi để in qua máy in chữ nổi giúp người khuyết tật nhìn có thể đọc được.

+ *Máy in chữ nổi*: Máy in chữ nổi là loại máy đặc biệt được nối với máy tính và in chữ nổi Braille. Học sinh khuyết tật nhìn có thể dùng máy tính để đánh chữ nổi hoặc nghe đọc để chọn đoạn thông tin cần thiết sau đó dùng phần mềm chuyển đổi sang chữ nổi rồi in ra để đọc.



d. Nguyên tắc sử dụng phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật nhìn

– Để nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học ở trường phổ thông cần đảm bảo những nguyên tắc sau:

+ Sử dụng thiết bị dạy học đúng mục đích. Giáo viên phải đề ra mục tiêu dạy học nhất định. Mục tiêu này quy định hoạt động của giáo viên bằng các thiết bị dạy học cụ thể. Mỗi thiết bị có một chức năng riêng, trong mỗi một môi trường có sự khác nhau.

+ Sử dụng phương tiện và đồ dùng dạy học đúng lúc. Phải sử dụng vào đúng lúc cần thiết của giờ học, lúc học sinh cần, mong muốn được quan sát. Tuy nhiên, có những thiết bị cần trưng bày thường xuyên như bảng hệ thống tuần hoàn, bản đồ địa lí, lịch sử...

+ Sử dụng phương tiện và đồ dùng dạy học đúng chỗ. Tìm một vị trí cho đồ dùng dạy học hợp lí đảm bảo mọi học sinh trong lớp học đều có thể tiếp nhận được thông tin từ đồ dùng học tập bằng nhiều các giác quan khác nhau. Vị trí phải đảm bảo được về chiếu sáng, đặt ở vị trí an toàn, không ảnh hưởng đến quá trình học tập, không mất nhiều thời gian trong di chuyển vị trí trong giờ học. Có những đồ dùng chuyên dùng cho học sinh khuyết tật nhìn như:

Bàn đọc cho học sinh nhìn kém đọc sách nên đặt ở vị trí phù hợp để tránh che khuất tầm nhìn bảng của học sinh khác phía sau học sinh khuyết tật nhìn có thể ngồi ở phía bên trong của dãy bàn), mô hình của học sinh khuyết tật nhìn gọn nhẹ, không làm mất sự tập trung chú ý của các bạn sáng mắt.

+ Sử dụng phương tiện đúng mức độ và cường độ. Việc sử dụng thiết bị dạy học sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự tiếp thu kiến thức của học sinh. Không nên sử dụng một thiết bị trực quan trong một thời gian dài, học sinh sẽ nhàm chán và giảm hiệu quả tiếp thu. Nếu sử dụng thời gian quá dài còn làm ảnh hưởng lớn đến thị lực, làm cho học sinh mệt mỏi.

+ Sử dụng đồ dùng, phương tiện phải đảm bảo sự an toàn. Đây là một nguyên tắc mà một nhà thiết kế và sử dụng đồ dùng cho học sinh khuyết tật nhìn phải tính đến. Một thiết bị sử dụng tốt là một thiết bị học sinh cảm thấy an toàn khi tiếp cận. học sinh khuyết tật nhìn sẽ chủ động hơn khi sử dụng, khám phá tri thức thông qua phương tiện trực quan, điều này đặc biệt quan trọng với học sinh mù hoàn toàn.

+ Đảm bảo sự phù hợp với đặc điểm thị lực còn lại của học sinh khuyết tật nhìn. Một học sinh bị mù hoàn toàn sẽ không cần đến một bản hình phẳng, nhưng sẽ rất có lợi cho học sinh nếu học sinh có một bản đồ nổi được giản lược những chi tiết không cần thiết. Một học sinh nhìn kém cần nhiều đến những đồ dùng đảm bảo sự tương phản cao, nhưng cũng phải lưu ý rằng: Một học sinh nhìn kém không phải bao giờ cũng cần sử dụng chữ cỡ lớn.

– Như vậy, có thể thấy một nguyên tắc cuối cùng nhưng có một vị trí quan trọng đó là việc giáo viên khi sử dụng phương tiện cho học sinh khuyết tật nhìn cần hiểu rõ đặc điểm thị lực của học sinh trong lớp mình.

e. Hướng dẫn giáo viên tự làm thiết bị dạy học cho học sinh khuyết tật nhìn

– Thiết bị dạy học tự làm chủ yếu do giáo viên sáng chế ra, nhưng giáo viên cũng có thể hướng dẫn học sinh cùng tham gia, nhất là công việc sưu tầm tranh, ảnh từ sách báo, tạp chí, lịch thờ (tranh, ảnh phong cảnh, di tích lịch sử...), sưu tầm vật thật (vỏ sò, hoa, cây, con cá...). Như vậy có thể tự làm theo phương hướng sau:

Sưu tầm tranh ảnh:

+ Nguồn tranh ảnh có rất nhiều trên báo chí, báo ảnh, bưu ảnh... có thể tuyển chọn tùy theo mục tiêu và nội dung bài học mà giáo viên đặt ra. Hình

ảnh tuyển chọn cần đảm bảo sự tiêu biểu, điển hình, phản ánh trung thực, đúng đắn những sự vật cơ bản cần truyền thụ vào trong lớp học. Đảm bảo sự gần gũi, phù hợp với lứa tuổi, khả năng tri giác của học sinh.

+ Cần đảm bảo các hình ảnh có kích thước lớn, đảm bảo học sinh có thể quan sát được, đảm bảo sự nổi bật của chủ đề chính (ví dụ khi giới thiệu chiếc xe đạp bằng tranh nếu có người trong tranh thì chiếc xe đạp là phần cần được làm nổi bật), màu sắc phải trong sáng, hài hoà, có tác dụng kích thích thị lực, độ tương phản.

+ Mỗi hình ảnh, nội dung nên trình bày ở một tranh riêng biệt, học sinh quan sát, tiếp nhận kiến thức một cách tập trung. Không nên có nhiều hình ảnh trong một tranh sẽ làm học sinh nhìn kém khó có thể phân biệt được các thành phần chính, phụ trong tranh, học sinh phải quan sát lâu vừa mất thời gian, vừa mỏi mắt, làm giảm hiệu quả quan sát...

Sưu tầm vật thật: Có thể sưu tầm theo nhiều hướng khác nhau:

+ Sưu tầm vật còn tươi sống, trực tiếp giới thiệu trong giờ giảng: cua, cá, cây nhãn, cây vải nhỏ, các loại rau...

+ Sưu tầm các vật thật được làm khô có thể dùng được nhiều năm như: hoa khô, quả bồ kết, vỏ sò huyết, san hô...

+ Sưu tầm các đồ vật thật như: Các dụng cụ cắt may, các dụng cụ nấu ăn, đồ dùng sửa xe đạp...

Tự làm mô hình, đồ dùng:

+ Mô hình cũng có không gian 3 chiều giống như vật thật, do đó dễ quan sát, dễ sử dụng hơn tranh ảnh. Có thể tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có ở địa phương để tạo ra mô hình cần thiết. Như: Dùng đất sét, thạch cao tạo ra các loại quả, củ... hoặc dùng các loại giấy bìa cứng để làm mô hình tính chu vi, diện tích các hình khối.

f. Hướng dẫn sử dụng và làm một số thiết bị cho học sinh khuyết tật nhìn

– Học sinh mù cần một loạt kĩ năng, kĩ xảo để diễn dịch được các hình ảnh tượng trưng bằng xúc giác, bản đồ, các biểu đồ mang nét tiêu biểu trong các bài tập và trong các lĩnh vực khác nhau của chương trình học.

– Chương trình này đòi hỏi người giáo viên phải sử dụng các nguồn đồ dùng cơ bản như biểu đồ để minh họa cho các bài dạy và có rất nhiều trong số đó phải đáp ứng được về hình dáng để người học có thể sờ và đoán biết được.

Học sinh nhìn kém cũng cần các đồ dùng xúc giác cung cấp nguồn thông tin giúp học sinh thu nhận thông tin qua kênh xúc giác để có thể đoán biết đầy đủ được về chương trình.

- Tri giác xúc giác:

- + Kỹ năng xúc giác cần được dạy một cách có hệ thống ngay từ ban đầu.

- + Các thông tin xúc giác là một quá trình liên tục và là sự tưởng tượng trong đầu về một tổng thể được xây dựng, kết nối với các bộ phận riêng lẻ của sự vật.

- + Sự phát triển của các kỹ năng xúc giác bị ảnh hưởng bởi các yếu tố liên quan khác như trí nhớ ngắn hạn, khả năng không gian, kỹ năng vận động tinh, kỹ thuật tìm kiếm và lướt quét.

- + Phần lớn các biểu đồ xúc giác cần được giải thích và giới thiệu trước khi học sinh có thể sử dụng chúng một cách có ý nghĩa. Giáo viên cần dành thời gian để giúp học sinh tạo được cảm giác của một biểu đồ cảm giác, đặc biệt là giai đoạn bắt đầu của sự diễn dịch, và cũng có thể cần cung cấp cho học sinh chỉ dẫn bằng chữ nổi Braille hoặc băng ghi âm.

- + Các biểu tượng 3 chiều là rất khó chuyển dịch sang hình không gian xúc giác 2 chiều.

- + Các giải pháp để làm biểu đồ cần rõ ràng, chẳng hạn việc phóng to cũng có thể làm cho khả năng nhận biết khó hơn khi tạo nên các biểu đồ xúc giác.

- + Khả năng phân biệt của xúc giác về kết cấu, độ rắn, độ liên tục hay dày mỏng có liên quan trực tiếp đến việc phân loại trong yêu cầu phân loại hình.

- Học chương trình trung học, cần cung cấp cho học sinh những đồ dùng ngày càng có đặc trưng phức tạp hơn nhằm giúp học sinh phát triển khả năng diễn dịch bằng xúc giác. Học sinh cũng có thể cần được hướng dẫn những kỹ thuật, cho phép học sinh thành công trong kỹ thuật sờ các đồ dùng/ chất liệu khác nhau. Ví dụ học sinh cần học kỹ thuật lướt/ quét như sau:

- + Mở rộng đầu ngón tay ở hai tay từ phía trên chạy thẳng xuống dưới trang giấy để thấy cảm nhận tổng quát về kết cấu, định vị dòng kẻ, nhãn hiệu.



+ Từ các điểm chuyển đến ở ngoại biên, các ngón ở hai tay di chuyển theo chiều kim đồng hồ cho đến tận trung tâm của tờ giấy.

– *Các nguyên tắc của việc sờ biểu đồ tượng trưng:* Trước khi tạo nên đồ dùng xúc giác cho học sinh, điều quan trọng là phải xem xét các câu hỏi sau:

+ Những kinh nghiệm nào mà học sinh khuyết tật nhìn sử dụng dùng để sờ biểu đồ dùng tượng trưng?

+ Học sinh thu nhận được những thông tin nào từ biểu đồ?

+ Liệu những thông tin giống nhau có được cung cấp bằng các dạng đơn giản không? Chẳng hạn như mô hình về sự cảm nhận một đồ tự tạo hoặc một vật thật.

+ Liệu những thông tin mà học sinh cần đã có sẵn trong bài học chưa? Liệu biểu đồ này có bị thừa không?

+ Làm thế nào để hình mẫu biểu đồ được đơn giản hóa mà lại không bị mất đi các thông tin có liên quan và phù hợp với tri giác xúc giác của học sinh khuyết tật nhìn – liệu có tốt hơn khi miêu tả các thông tin trong một biểu đồ phức tạp thành hai hoặc ba biểu đồ xúc giác đơn giản hơn?

– Không có những cách thức chung nào đều được sử dụng ở mỗi đồ dùng xúc giác. Có thể người thực hiện sử dụng hai kĩ năng để tái tạo nên các hình biểu đồ hoàn toàn khác nhau về kết cấu, hoặc biểu tượng.

– *Một số cách chế tạo đồ dùng xúc giác trong dạy học cho học sinh khuyết tật nhìn:*

Bảng 1.5. Một số cách chế tạo đồ dùng xúc giác trong dạy học cho học sinh khuyết tật nhìn

Đồ vật	Cách chế tạo
Hồ dán và vật liệu	Bất kì dây, vật liệu hoặc những hình nào cũng có thể dán vào trang giấy để làm biểu đồ và tranh (Lưu ý: Nên dán hồ trước vào dây sẽ dễ sử dụng hơn).
Bánh xe răng cưa	Được sử dụng làm nổi những đường thẳng trên giấy hoặc nhựa. Bức tranh được vẽ mặt sau giấy và đặt trên miếng xốp hoặc cao su. Bằng cách dùng bánh xe răng cưa đưa đi đưa lại trên hình ảnh, một hình ảnh nổi sẽ được hình thành phía bên kia trang giấy.
Băng dính	Có thể sử dụng cuộn băng dính rất nhỏ để tạo nên một hình ảnh một cách nhanh chóng. Những dải băng dính đã nổi lên được cắt

Đồ vật	Cách chế tạo
	bằng dao. Không cần phải chờ khô, có thể dùng tay để khám phá một hình ảnh có độ tương phản cao ngay lập tức.
Máy vi tính	Có thể dùng một số chương trình có sẵn để tạo ra một hình ảnh trên màn hình. Hình ảnh này có thể được làm nổi khi thiết kế một đồ thị có những chấm nổi, hoặc dùng máy in để in bằng giấy xốp. Không phải máy đập nổi nào cũng có đồ thị và chất lượng của tranh ảnh phụ thuộc vào loại máy đập nổi được sử dụng.
Lá nhựa	Có thể cắt những cuộn lá nhôm mỏng và làm nổi bằng bút, bánh xe răng cửa hoặc những dụng cụ chạm nổi.
Mảnh lụa	Những thoi màu xốp được sử dụng để làm nổi một hình ảnh đã được vẽ trên mảnh lụa. Đây là một phương pháp kinh tế để sao chép bản đồ. Tuy nhiên không thiết thực khi sao chép một bản.
Khung vẽ	Đặt giấy lên trên mặt lưới bằng đã được gắn lên bảng. Dùng bút sếp vẽ lên giấy sẽ thu được một hình ảnh bằng sếp.

1.2.3.6. Về điều kiện môi trường trường học

a. Môi trường vật chất và môi trường tâm lý đảm bảo an toàn học đường

– Bố trí môi trường lớp học phù hợp sẽ giúp học sinh độc lập và ham muốn được tự khám phá về thế giới xung quanh, ở đây môi trường không chỉ là ở trong lớp học mà còn là cả môi trường chung của nhà trường. Học sinh không chỉ tìm kiếm các thông tin trong tiết học mà có thể qua trải nghiệm, tiếp xúc và vui chơi ở vườn trường, sân chơi.



– Môi trường giáo dục thân thiện là môi trường trong đó có các điều kiện cơ bản về cơ sở vật chất, phương tiện, đồ dùng, đồ chơi đặc biệt là môi trường xã hội đảm bảo cho sự tham gia cùng nhau của học sinh khuyết tật nhìn với các bạn sáng mắt và những người xung quanh.

❖ **Môi trường vật chất**

– Đa số học sinh khuyết tật nhìn không bị chi phối nhiều bởi vấn đề cấu trúc của trường học. Nhưng việc chú ý lựa chọn chất liệu, cách bố trí hợp lý trong cấu trúc trường lớp mà không cần thêm về kinh phí vẫn nâng cao chất lượng môi trường giáo dục cho tất cả học sinh cùng tham gia. Một trong những yêu cầu cần xem xét khi xây dựng môi trường vật chất cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập là đảm bảo sự an toàn, tiện lợi cho sự tham gia của tất cả các học sinh trong đó có học sinh khuyết tật nhìn. Một số điều chỉnh về môi trường vật chất giáo viên cần chú ý là:

+ **Hệ thống cửa:** Cửa cần được gắn bản lề và linh kiện phụ để học sinh có thể mở, đóng sát tường mà không ở vị trí nửa đóng nửa mở gây nguy hại cho học sinh khuyết tật nhìn khi di chuyển. Màu của cửa phải tương phản với màu của tường và nền nhà. Tay nắm cửa không nhọn gây mất an toàn cho học sinh. Màu của tay nắm cần nổi bật, có độ tương phản cao với các màu xung quanh để học sinh dễ nhận biết. giáo viên có thể làm dấu hiệu cửa lớp, tay nắm để học sinh nhận dạng và phân biệt. Nếu cửa bằng kính thì cần dán, trang trí các họa tiết, dấu hiệu chống lóa mà học sinh dễ nhận biết. Các dấu hiệu này cần được thống nhất cho tất cả các cửa ở trường hoặc có một số dấu hiệu đặc trưng để học sinh dễ phân biệt các địa điểm khác nhau trong trường. Có thể làm dấu hiệu bằng cách làm nổi, dán chữ nổi cho học sinh mù và chữ có độ tương phản cao cho học sinh nhìn kém. Cửa vào các khu vực nguy hiểm trong trường cần luôn luôn được đóng.

+ **Lối đi:** Lối đi bao gồm lối đi từ cổng trường và các lớp và từ các lớp đến các phòng, các công trình trong trường, từ cửa lớp và các bàn học, các góc trong lớp. Giáo viên cần chú ý tránh để các vật cản, vật sắc nhọn trên các lối đi của học sinh. Nếu trong trường vẫn có những vật cản mà giáo viên không thể đưa đi nơi khác được thì giáo viên cần cho học sinh làm quen, thông báo cho học sinh và hướng dẫn học sinh khuyết tật nhìn cách vượt qua vật cản đó an toàn. Khi học sinh khuyết tật nhìn mới vào lớp học hòa nhập, giáo viên cần cho học sinh làm quen với từng lối đi của lớp, cách di chuyển đến cách góc lớp, nhận biết vị trí các bàn, các góc và chức năng của các góc đó. Có thể nhờ học sinh sáng mắt hướng dẫn cho học sinh làm quen với không gian lớp học. Khi có sự sắp xếp lại đồ dùng, phương tiện, các góc trong lớp học thì giáo viên

cần thông báo ngay cho học sinh khuyết tật nhìn và cho học sinh thời gian để khám phá, làm quen.

+ *Cầu thang*: Các bậc của cầu thang cần có cùng chiều cao và bề rộng. Đối với học sinh sáng điều này không quá quan trọng nhưng đối với học sinh khuyết tật nhìn thì điều này gây rất nhiều khó khăn và nguy hiểm cho sự di chuyển. Giáo viên cần hướng dẫn học sinh làm quen với việc lên xuống cầu thang. Nếu trong trường, lớp có sự thay đổi cầu thang cần báo cho học sinh và hướng dẫn học sinh cách di chuyển an toàn. Tại đầu tay vịn của cầu thang, nơi bắt đầu lên, xuống cần có dấu hiệu đánh số của tầng để khi di chuyển, học sinh khuyết tật nhìn sờ vào sẽ nhận biết được đang ở đâu và định hướng, di chuyển chính xác hơn.

+ *Sân chơi*: Sân chơi là nơi học sinh thường xuyên tham gia các hoạt động vận động cùng các bạn học sinh sáng. Để học sinh khuyết tật nhìn hòa nhập cùng các bạn thì mặt sân cần thoáng, ít vật cản và không thường xuyên thay đổi. Giáo viên có thể tạo khoảng không gian chơi riêng cho lớp bằng các bề mặt nền khác nhau. Loại bỏ các yếu tố góc cạnh, lối lồi, gồ ghề, trơn bóng dễ gây nguy hiểm cho học sinh khuyết tật nhìn. Giữa các khu vực chơi trên sân cần có các dấu hiệu nhận biết (bằng xúc giác, khứu giác, thính giác). Giáo viên có thể sử dụng sơ đồ tự thiết kế để giúp học sinh khuyết tật nhìn khám phá các khu vực chơi hoặc nhờ học sinh sáng hướng dẫn cho học sinh khuyết tật nhìn.

+ *Ánh sáng*: Đa số học sinh khuyết tật nhìn vẫn còn khả năng cảm nhận sáng tối. Vì thế, giáo viên cần chú ý đến việc thiết kế ánh sáng phù hợp đảm bảo học sinh khuyết tật nhìn cảm thấy dễ chịu, thoải mái khi tham gia các hoạt động. Một số tật thị giác có phản ứng mạnh mẽ với ánh sáng làm học sinh cảm thấy khó chịu như: bệnh đục thủy tinh thể, tăng nhãn áp, thoái hóa hoàng điểm, bệnh giác mạc, võng mạc do đẻ non... Nếu cường độ ánh sáng, loại ánh sáng, hướng ánh sáng không phù hợp với học sinh sẽ khiến học sinh nhức mắt, ít tham gia các hoạt động. Giáo viên cần đánh giá chính xác khả năng thị giác của học sinh, trao đổi với cha mẹ hoặc bác sĩ nhãn khoa để có sự hỗ trợ phù hợp. Sắp xếp chỗ ngồi phù hợp để có thể cho học sinh sử dụng thêm đèn bàn, tránh cho học sinh ngồi ở hướng có ánh sáng chiếu trực tiếp vào mắt học sinh. Tốt nhất ánh sáng nên chiếu qua vai học sinh khuyết tật nhìn. Khi cho học sinh khuyết tật nhìn tham gia các hoạt động ngoại khóa cùng các bạn sáng thì

có thể cho học sinh sử dụng mũ, các phương tiện trợ thị. Việc thiết kế môi trường ánh sáng phải tính đến khả năng sử dụng cho tất cả học sinh, thiết kế môi trường mang tính đồng bộ nhưng vẫn phù hợp với khuyết tật thị giác của học sinh khuyết tật nhìn.

❖ **Môi trường tâm lí**

– Học sinh khuyết tật nhìn chỉ có thể học tập sinh hoạt với các bạn sáng mắt trong trường lớp nếu học sinh học được cách hoạt động cùng nhau và ngược lại học sinh sáng mắt cũng cần học cách để chơi, giao tiếp, hoạt động cùng các bạn khuyết tật nhìn. Giáo viên chính là cầu nối quan trọng tạo nên mối quan hệ gắn bó này.

– Giáo viên cần hướng dẫn học sinh sáng mắt và những người xung quanh cách tham gia hoạt động cùng học sinh khuyết tật nhìn. Đa số học sinh sáng mắt chưa biết và hiểu về khả năng, nhu cầu của học sinh khuyết tật nhìn. Một số học sinh sáng thường sợ, có thái độ miệt thị với học sinh khuyết tật nhìn. Giáo viên cần dạy cho học sinh biết tôn trọng, hướng dẫn học sinh sáng cách giúp đỡ học sinh khuyết tật nhìn trong các hoạt động.

– *Ví dụ:* Một học sinh khuyết tật nhìn đang dùng gậy để định hướng di chuyển, học sinh sáng mắt (đặc biệt là học sinh đầu cấp trung học cơ sở) tò mò quá, không hiểu học sinh khuyết tật nhìn đã dùng gậy để làm gì có thể lấy mất gậy, trêu chọc, dắt học sinh ra giữa sân... Điều này làm học sinh khuyết tật nhìn cảm thấy xấu hổ, sợ và không muốn đi học hay tham gia hoạt động cùng các bạn sáng mắt.

– Trong lớp học hòa nhập, khi có học sinh sáng mắt học cùng học sinh khuyết tật nhìn, giáo viên cho học sinh sáng mắt tìm hiểu về các phương tiện, dụng cụ hỗ trợ, những khó khăn, nhu cầu của học sinh khuyết tật nhìn. Cho học sinh trong lớp làm quen với nhau thông qua các trò chơi để học sinh sáng mắt hiểu hơn về khuyết tật thị giác. Đặc biệt, giáo viên hướng dẫn học sinh sáng mắt cách đi cùng, giao tiếp, chơi với các bạn khuyết tật nhìn. Học sinh khuyết tật nhìn có thể tham gia hầu hết các hoạt động học tập, vui chơi trong lớp nếu được phân công đúng nhiệm vụ, vị trí phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh và có sự hỗ trợ của các bạn sáng mắt.

– Vận dụng thế mạnh của học sinh khuyết tật nhìn giáo viên giúp học sinh trong lớp hoạt động cùng nhau. Khi có học sinh khuyết tật nhìn tham gia, các

bạn sáng mắt cần nói nhiều hơn, gọi tên bạn khi muốn giao tiếp với bạn, diễn giải các hoạt động đang xảy ra bằng lời nói thay cho những cử chỉ, điệu bộ, dấu hiệu bằng tay. Nếu thấy bạn khuyết tật nhìn chưa hiểu thì nên hỏi lại bạn và cung cấp thêm các thông tin cần thiết để học sinh khuyết tật nhìn cảm thấy được tham gia, không bị cô lập.

– Trong môi trường giáo dục hòa nhập, giáo viên thường xây dựng “nhóm bạn” của học sinh khuyết tật nhìn. Những người tham gia vào nhóm đều với tinh thần tự nguyện. Thành phần của nhóm có thể gồm: Giáo viên đứng lớp, 3 – 6 bạn sáng mắt cùng lớp và ở gần nhà học sinh khuyết tật nhìn, một số anh chị sáng mắt lớp trên hoặc sinh viên tình nguyện, cán bộ (nhân viên) xã hội ở trường hoặc địa phương... Nhóm bạn của học sinh khuyết tật nhìn cần phải hiểu rõ về khả năng, nhu cầu, sở thích, năng khiếu và những khó khăn mà học sinh gặp phải do khuyết tật thị giác. Nhóm bạn cũng cần tôn trọng và tin rằng học sinh khuyết tật nhìn có thể học tập và đạt được kết quả tốt như các bạn sáng mắt. Đặc biệt học sinh khuyết tật nhìn trong một số lĩnh vực còn có khả năng hoạt động tốt hơn các bạn sáng mắt. Trong thời gian đầu học sinh khuyết tật nhìn đi học hòa nhập ở cấp trung học cơ sở, học sinh cần được các bạn sáng mắt cạnh nhà, phụ huynh hoặc những người tình nguyện đưa đến trường và trở về nhà. Khi đã quen với việc định hướng, di chuyển học sinh khuyết tật nhìn có thể đi cùng các bạn sáng mắt hoặc tự đi học.

– Giáo viên cũng cần phải hướng dẫn học sinh trong lớp cách giao tiếp khi có mặt học sinh khuyết tật nhìn như: Xưng tên, nói rõ những việc đang diễn ra, bày tỏ mong muốn giúp đỡ... Ngoài ra, học sinh sáng mắt cũng cần học cách dẫn bạn trên các địa hình khác nhau, phân vai hợp lý để cùng hoạt động nhóm với học sinh khuyết tật nhìn. Các bạn sáng mắt có thể đọc truyện hoặc đọc các tài liệu khó cho các bạn khuyết tật nhìn nghe và cùng trao đổi, thảo luận về các nội dung. Giáo viên tạo ra các hoạt động đòi hỏi học sinh trong lớp phải hoạt động theo cặp, theo nhóm để khuyến khích học sinh sáng mắt làm việc cùng học sinh khuyết tật nhìn. Trong điều phối, phân công nhiệm vụ, giáo viên cần mềm dẻo tạo cơ hội cho chính học sinh khuyết tật nhìn được thể hiện, nâng cao vai trò của học sinh trong việc hỗ trợ các bạn trong nhóm. Điều này sẽ giúp học sinh khuyết tật nhìn chứng tỏ khả năng và củng cố sự tự tin đồng thời các bạn sáng mắt sẽ có cách nhìn đúng hơn về học

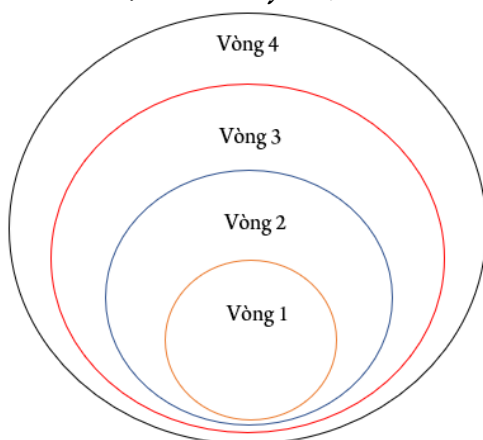
sinh khuyết tật nhìn. Với các phương pháp dạy học phù hợp trong lớp hòa nhập, giáo viên sẽ kích thích được tất cả học sinh trong lớp phát huy được thế mạnh của mình, chủ động tham gia hoạt động cùng nhau một cách tích cực và bình đẳng hơn.

– Sống và học tập trong môi trường mà mọi người hiểu về khả năng và sẵn sàng hỗ trợ để đáp ứng nhu cầu cần thiết cho việc tham gia hoạt động chung sẽ giúp học sinh khuyết tật nhìn phát triển toàn diện và hòa nhập tốt hơn. Giáo viên chính là người đóng vai trò quan trọng, nòng cốt trong việc xây dựng môi trường thân thiện để học sinh khuyết tật nhìn có được cơ hội học hòa nhập tốt nhất.

b. Xây dựng vòng bạn bè dành cho học sinh khuyết tật nhìn

– Học sinh khuyết tật nhìn gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống và học tập nên các em cũng gặp nhiều khó khăn trong tình bạn. Xây dựng vòng bạn bè trên cơ sở từ hai phía không chỉ giúp học sinh khuyết tật nhìn có được đời sống tình cảm đầy đủ mà còn giúp đỡ các em rất nhiều trong học tập. Vì vậy giáo viên cần phải xây dựng vòng bạn bè để tình bạn thực sự có ý nghĩa với tất cả mọi học sinh.

Tổ chức vòng bạn bè cho học sinh khuyết tật nhìn như sau:



Sơ đồ 1.6. Vòng tay bạn bè hỗ trợ trẻ em khuyết tật nhìn học hoà nhập

+ **Vòng 1:** Những người thân thiết gần gũi nhất với học sinh đó có thể là ông bà, cha mẹ. Vai trò của nhóm này đó là quan tâm, chăm sóc, giáo dục vô điều kiện

+ *Vòng 2*: Những người gần gũi có thể là anh chị em ruột thịt. Vai trò của nhóm này đó là quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ thường xuyên cho học sinh khuyết tật nhìn.

+ *Vòng 3*: Những người cùng tham gia có thể là bạn thân trong lớp, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn. Vai trò của nhóm này là sẵn sàng tham gia mọi hoạt động nếu học sinh khuyết tật nhìn cần được giúp đỡ. Nhóm này có thể thực hiện các công việc như: Đọc bài cho học sinh khuyết tật nhìn chép (nội dung giáo viên viết trên bảng), giải thích những nội dung liên quan đến hình ảnh, hỗ trợ ngoài giờ lên lớp cho học sinh.

+ *Vòng 4*: Những người có thể chia sẻ bao gồm bạn bè trong lớp, các tổ chức: Đội, Đoàn, Sao đỏ ... trong lớp, cán bộ, nhân viên trong trường. Vai trò của nhóm này chủ yếu là giúp đỡ khi có điều kiện, tạo môi trường thuận lợi nhất để học sinh khuyết tật nhìn hòa nhập trong trường.

1.2.3.7. Về kỹ năng đặc thù học sinh khuyết tật nhìn cần có khi tham gia học hòa nhập cấp trung học cơ sở

a. Kỹ năng tri giác xúc giác nhằm gia tăng tốc độ đọc

– Học sinh mù đã được rèn luyện kỹ năng sử dụng chữ Braille thành thạo trong thời gian học ở bậc tiểu học. Khi học sinh mù vào học trung học cơ sở và trung học phổ thông thì khả năng đọc chữ nổi đã đạt tới mức thành thạo. Tuy nhiên trong lớp hòa nhập so với tốc độ đọc, khả năng quan sát hình ảnh của học sinh sáng mắt thì học sinh khuyết tật nhìn có thể vẫn chậm hơn và gặp nhiều khó khăn.

– Giáo viên cần phân biệt cấu trúc đặc điểm ký hiệu chữ nổi để trợ giúp học sinh có khả năng đạt được tốc độ đọc gần học sinh sáng (học sinh mù cấp trung học có thể đạt tốc độ đọc: 120 – 150 tiếng/phút, học sinh sáng mắt : 180 – 200 tiếng/phút).

– Giáo viên cần quan sát tư thế ngồi đọc, các vận động của hai bàn tay, các ngón tay của học sinh mù để có thể uốn nắn, tăng cường tốc độ đọc.

– Các kỹ năng đọc bằng tay:

+ Kỹ năng ngồi đọc: Tư thế ngay ngắn, người hơi cúi xuống phía trước, vai thẳng...

+ Đặt sách phía trước không quá lệch sang trái hoặc phải, trong tầm kiểm soát dễ dàng thoải mái của hai bàn tay.

– Mỗi học sinh đã có thể có thói quen đọc như sau:

+ Kỹ năng đọc bằng hai tay đến hết dòng:

• *Kỹ năng đọc bằng hai tay: Cụ thể là đọc bằng 2 đầu ngón tay trỏ. Đầu ngón tay phải rung lướt nhẹ vào mỗi ô Braille. Trong mỗi ô, đầu ngón tay rà soát từ trên xuống dưới, từ phải sang trái để phát hiện con chữ hoặc dấu. Khi đọc đi ẩn đầu ngón tay để làm bẹp chấm ô. Ngón tay trái đi liền kề ngón tay phải để xác định lại và đẩy nhẹ ngón tay phải chuyển sang ô kế tiếp.*

• *Hai tay cùng đọc cho đến hết dòng. Ở cuối dòng ngón tay phải dừng lại định vị, ngay lúc đó tay trái chuyển động ngược lại để tìm đầu dòng kế tiếp. Sau đó 2 tay lại phối hợp đọc như lúc đầu.*

+ Kỹ năng đọc phối hợp 2 tay chỉ đến nửa dòng: Hai đầu ngón tay chỉ phối hợp đọc đến $\frac{1}{2}$ dòng. Sau đó ngón tay trái rút về tìm đầu dòng thứ 2. Ngón tay phải đọc hết $\frac{1}{2}$ dòng còn lại. Đọc hết ô cuối dòng thì ngón tay phải rút về đầu dòng thứ 2, nơi ngón tay trái đã định vị.

+ Đọc chỉ bằng 1 tay: ngón tay phải chuyên thực hiện để đọc hết trang sách. Ngón tay trái luôn luôn đặt ở đầu dòng đọc; khi tay phải đã đọc hết dòng trên thì rút về đầu dòng kế tiếp nơi ngón tay trái đã định vị.

+ *Chú ý rằng:* Nếu đồng thời nhắc hai tay tách khỏi dòng đọc thì người mù rất khó tìm lại dòng kế tiếp, làm cho tốc độ đọc chậm lại. Khi dạy hòa nhập cần theo dõi học sinh theo dõi bài đọc bằng tay. Khi học sinh sáng mắt đang đọc 1 bài nào đó, thì học sinh mù cũng phải sờ đọc thầm theo. Khi yêu cầu học sinh mù đọc nối đoạn thì học sinh ấy có thể đọc nối tiếp được. Không nên yêu cầu học sinh mù đọc trọn bài hoặc đọc đoạn dài.

– Giáo viên có thể không biết sử dụng chữ Braille nhưng bằng quan sát tay học sinh đọc và theo dõi sách phổ thông cộng với nghe đọc cũng đủ biết kỹ năng đọc bằng tay của học sinh.

b. Kỹ năng tri giác xúc giác sự vật thật

– Tùy theo nhiệm vụ dạy học mà yêu cầu học sinh tự sờ khám phá và tự lĩnh hội kiến thức. Ví dụ: Đưa vào tay học sinh một sự vật như trái cây, con cá... và yêu cầu học sinh sờ, trả lời câu hỏi: Cái gì đây? Con gì đây?

– Nhiều trường hợp cần có sự hướng dẫn kỹ năng tri giác sờ. Ví dụ sờ để nhận biết cấu tạo ngoài một con vật, một chiếc máy bơm nước thì cần giới thiệu trước sờ cái gì? Mục đích sờ để biết điều gì?

– Đặt vật đúng chiều, trong tầm tay dễ sờ

– Sờ khái quát bằng 2 tay: Hai bàn tay cùng xuất phát từ một vị trí của vật, đi theo hai hướng ngược nhau để đến khi gặp nhau. Bước này giúp học sinh có được biểu tượng cụ thể tương đối trọn vẹn về hình dạng và độ lớn sự vật. Hoặc có thể đặt tay cố định vào vật thể, tay kia sờ khắp lượt bề ngoài sự vật.

– Sờ nhận biết từng bộ phận sự vật: Sau khi sờ xong có thể trả lời hoặc mô tả cấu tạo sự vật ấy.

– Sờ để nhận biết dấu hiệu đặc trưng và mối tương quan giữa các bộ phận của đối tượng.

– Sau khi sờ xong, học sinh có thể mô tả lại bằng lời và bằng cử chỉ hai tay vẽ hình dạng độ lớn đặc điểm cấu tạo, hình thành trong đầu học sinh một thể thống nhất thành biểu tượng tránh kiểu người mù sờ con voi.

– Chú ý trong quá trình sờ, giáo viên cần có sự trợ giúp, hướng bàn tay học sinh vào những dấu hiệu đặc trưng, ghi nhớ tên gọi hoặc giải thích, mô tả những chi tiết khó phát hiện bằng tay.

– Cần bảo đảm an toàn cho học sinh khi sờ, tạo tâm lý an tâm, ví dụ như sờ con vật (ếch, cá) trước khi thực hành giải phẫu.

c. Kỹ năng tri giác xúc giác mô hình, mẫu vật

– Giáo viên cần giúp học sinh hiểu mô hình nổi là một vật giả, thu nhỏ kích thước hoặc phóng to kích thước so với vật thật.

– Mô hình cho biết:

- Hình dạng sự vật

+ Cấu tạo ngoài hoặc một phần bên trong sự vật (ví dụ mô hình cơ thể người và nội tạng)

+ Tỷ lệ tương quan về kích thước khoảng cách của các bộ phận của mô hình không phản ánh đúng chính xác cảm giác nhận biết bề mặt ngoài, độ mềm cứng... không phản ánh đúng các dấu hiệu có thể vận động của sự vật, các đặc điểm về nhiệt độ, trọng lượng, mùi đặc trưng, sự sống động, trạng thái.

Hướng dẫn kỹ năng sờ mô hình:

- Đặt đúng chiều
- Trong tâm tay kiểm soát dễ dàng
- Sờ khái quát khắp bề mặt ngoài bằng hai tay để nhận biết hình dạng, độ lớn (kết hợp giữa cảm giác xúc giác và cơ khớp vận động)
- Sờ nhận biết và gọi tên đúng các bộ phận của sự vật
- Sờ nhận biết tỷ lệ tương quan, vị trí, đặc điểm giữa các bộ phận chi tiết
- Mô tả lại bằng lời và cử chỉ điều bộ vật vừa quan sát

– Giáo viên cần chú ý mô tả bổ sung vật đang tri giác với vật thật, điểm nào giống, điểm nào khác. Ví dụ vật thật to gấp 2, 3.... lần mô hình. Tác dụng, chức năng của sự vật, con vật, của các bộ phận của chúng.

d. Kỹ năng tri giác xúc giác hình nổi

– Hình nổi trên mặt phẳng phản ánh những dấu hiệu đặc điểm gì và có tác dụng như thế nào trong dạy học?

+ Hình nổi phản ánh đường viền của sự vật;

+ Phản ánh hình dạng dưới một góc nhìn, một bề mặt vật thể;

+ Phản ánh một phần hoặc toàn phần cấu tạo ngoài thể hiện các bộ phận và tỷ lệ tương quan của các bộ phận ấy;

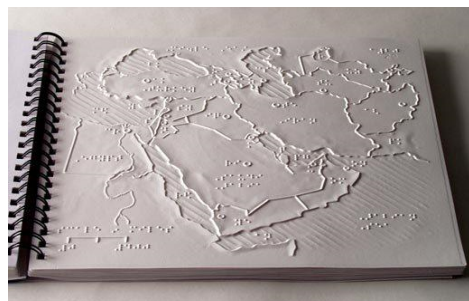
+ Hình nổi thường phản ánh khái quát, thu nhỏ hoặc phóng to một sự vật, một không gian dưới dạng sơ đồ, lược đồ, bản đồ;

+ Hình nổi diễn tả được sự vật, hiện tượng của một quá trình biến đổi (mở đầu, kết thúc);

+ Hình nổi còn là phương tiện giải các bài tập về toán nhất là môn hình học, đại số và vật lý.

Những khó khăn trong tri giác xúc giác hình nổi với học sinh khuyết tật nhìn:

+ Với học sinh nhìn kém thì tùy theo mức độ thị lực và chất lượng hình nổi (rõ, mờ, kích thước đường nét, tính tương phản) mà có thể tri giác được tới mức độ nào.



+ Với học sinh mù tri giác xúc giác hình nổi vô cùng khó khăn, nếu không có sự hướng dẫn và rèn luyện thì hầu như học sinh mù không hiểu được khi sờ hình nổi.

– Các kỹ năng sờ hình nổi:

+ Kỹ năng đặt hình đúng chiều;

+ Đặt bức hình hoặc trên bảng thuận lợi trong tầm kiểm soát hai bàn tay cánh tay;

+ Giáo viên thông báo nhiệm vụ sờ: Sờ cái gì, mục đích sờ, cách sờ, điểm xuất phát sờ, kết thúc sờ.

+ Phối hợp 2 tay sờ khái quát để nhận biết đường viền xung quanh sự vật, giúp học sinh hình dung được hình dạng đối tượng.

+ Hướng dẫn học sinh có kỹ năng định hướng trong phạm vi bức vẽ: Phía trên, dưới, phía tay phải, tay trái và diện tích bên trong của đối tượng. Cụ thể cần hướng dẫn:

- Dùng hai đầu ngón trỏ của hai tay đặt vào một điểm, thường là phía trên đi ngược chiều nhau theo đường viền. Khi 2 tay đầu ngón tay gặp nhau thì học sinh mới có thể hình dung được đường viền khép kín;

- Hoặc một ngón tay định vị, ngón tay kia đi theo đường viền quanh;

- Hoặc có thể xoa lướt nhẹ lòng bàn tay lên khắp bề mặt hình nổi;

- Sờ phát hiện các bộ phận có trong hình nổi liên quan tới kiến thức bài học. Sờ phối hợp hai tay từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, từ ngoài vào trong, sờ đến bộ phận nào cần giúp học sinh ghi nhớ, nhận dạng gọi tên bộ phận ấy;

- Học sinh nhắc bàn tay khỏi hình và mô tả lại những gì đã tri giác được;

- Học sinh có thể thực hiện sờ lại vài lần sau đó mới trả lời câu hỏi của giáo viên;

- Em chỉ và cho biết hình nổi này vẽ những gì? Phía trên, dưới, phải, trái và chính giữa bức hình phản ánh cái gì. Tức là tùy theo nhiệm vụ đặt ra cần tri giác mà đưa ra câu hỏi phù hợp;

- Học sinh có thể mô tả lại hoặc vẽ mô phỏng vào không khí hay trên mặt bàn về hình dạng khái quát hình nổi vừa tri giác.

** Một số lưu ý trong rèn luyện tri giác xúc giác cho học sinh khuyết tật nhìn*

– Các hình nổi phải thật tinh giản, lược bỏ những gì không cần thiết.

- Kích thước phù hợp với phạm vi kiểm soát của các ngón tay, bàn tay.
- Khi học sinh sờ, giáo viên đứng cạnh cầm tay chỉ dẫn, giải thích mô tả để làm hơn.
- Có thể thực hiện phương pháp như cầm tay chỉ việc nhưng không làm thay.
- Không cầu toàn bắt học sinh phải tri giác trọn vẹn như mức đạt được của học sinh sáng nhìn bằng mắt.
- Khi kiểm tra mức độ hiểu hình nổi chỉ cần học sinh mô tả hoặc chỉ đúng vào những vị trí then chốt. Ví dụ: Sau khi sờ bản đồ Việt Nam, học sinh khuyết tật nhìn có thể mô tả lại bằng cách dùng ngón tay trở về vào không khí một nét cong hình chữ S – Tức là học sinh đã có hình ảnh về bản đồ Việt Nam – chữ S là kiểu chữ phẳng còn chữ nổi chữ S là 3 chấm nổi (2,3,4).

1.2.3.8. Phối hợp giữa gia đình, nhà trường cộng đồng trong giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở

Theo lý thuyết về sự tác động lẫn nhau của Smeroff & Chandler (1975) thì trong giáo dục hoà nhập cho học sinh khuyết tật nhìn cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng. Mỗi lực lượng tham gia vào quá trình Giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn đều có những nhiệm vụ và vai trò khác nhau và sự tác động lẫn nhau giữa các lực lượng tham gia sẽ quyết định hiệu quả giáo dục cho học sinh khuyết tật nhìn.



** Vai trò của gia đình:*

– Gia đình là những người gần gũi nhất với học sinh khuyết tật nhìn, biết rõ về những khó khăn, khả năng và nhu cầu của các em. Gia đình có các vai trò sau:

+ Đồng hành cùng học sinh khuyết tật nhìn để phát hiện ra những khó khăn, khả năng và nhu cầu của các em;

+ Chuẩn bị sẵn sàng tâm thế cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở tham gia học hoà nhập cùng các bạn, tích cực giúp đỡ các em khi đến trường;

+ Động viên, tạo động cơ tốt để giúp học sinh khuyết tật nhìn xoá bỏ những mặc cảm, tự ti, mạnh dạn tham gia các hoạt động hoà nhập cùng các bạn;

+ Hỗ trợ cho học sinh khuyết tật nhìn học tại gia đình dựa theo kế hoạch giáo dục cá nhân;

+ Chủ động phối hợp với nhà trường và các lực lượng trong cộng đồng để thực hiện các nhiệm vụ giáo dục cho con của mình.

** Vai trò của nhóm cộng đồng*

– Nhóm hỗ trợ cộng đồng là những thành viên tự nguyện trong cộng đồng, có vai trò quan trọng trong sự phát triển của trẻ. Nhóm cộng đồng có vai trò:

+ Nâng cao nhận thức và sự tham gia của cha mẹ học sinh sáng mắt và học sinh khuyết tật nhìn: Xác định rõ mỗi gia đình có những nhu cầu nguyện vọng và đặc điểm hoàn cảnh khác nhau. Mỗi cán bộ cộng đồng cần nâng cao nhận thức cho cha mẹ học sinh về vấn đề giáo dục hòa nhập và khuyến khích họ tích cực tham gia vào quá trình giáo dục, hỗ trợ cho học sinh khuyết tật nhìn;

+ Nhóm cộng đồng cần tư vấn cho gia đình học sinh khuyết tật nhìn (hướng dẫn gia đình) tại nhà. Nhóm cộng đồng có thể tổ chức các hoạt động hỗ trợ cho gia đình học sinh khuyết tật nhìn tại nhà để giúp thành viên gia đình biết cách đồng hành cùng con;

+ Tìm nguồn hỗ trợ: Nhóm cộng đồng là lực lượng quan trọng trong việc đề xuất, vận động, tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội, khai thác các tiềm lực hỗ trợ cho quá trình giáo dục hoà nhập cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở.

– Để thực hiện được các vai trò trên, nhóm cộng đồng cần phải có kỹ năng lắng nghe, biết cách tổ chức các hoạt động, đặt câu hỏi và ghi chép thông tin.

Ngoài ra, nhóm cộng đồng cũng cần phải linh hoạt, năng động và có sự hiểu biết về vấn đề Giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở để tiến hành các hoạt động nâng cao nhận thức cho xã hội và huy động nguồn lực hỗ trợ cho các em và gia đình.

** Nội dung phối hợp với gia đình và cộng đồng:*

- + Thực hiện các mục tiêu giáo dục cho học sinh khuyết tật nhìn;
- + Thực hiện các nội dung giáo dục cho học sinh khuyết tật nhìn;
- + Đưa ra các yêu cầu, hỗ trợ cho học sinh khuyết tật nhìn;
- + Triển khai các hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp cho học sinh khuyết tật nhìn;

- + Phối hợp về chi phí, tạo điều kiện môi trường thuận lợi nhất cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở học tập tại nhà trường cũng như ở nhà và ở cộng đồng.

** Hình thức phối hợp với gia đình và cộng đồng:*

- + Tăng cường giao tiếp trao đổi thông tin;
- + Thu hút, phân công các nhiệm vụ rõ ràng cho gia đình và nhóm cộng đồng trong quá trình triển khai giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn;
- + Tăng cường sự tham gia của gia đình, nhóm cộng đồng trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật nhìn;
- + Đa dạng các hình thức họp, trao đổi thông tin giữa nhà trường, gia đình và nhóm cộng đồng.

1.2.3.9. Một số lưu ý/tình huống đặc trưng thường xảy ra trong trường học khi có học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập

a. Tình huống 1: Trong giờ hoạt động ngoại khoá – đại hội lớp đầu năm học, học sinh khuyết tật nhìn A học lớp 8 tại trường hoà nhập. Em A cảm thấy mình có đủ năng lực để tham gia vào ban cán sự lớp. Tuy nhiên khi giáo viên và một số học sinh sáng để cử em A vào danh sách ứng cử viên thì rất nhiều học sinh trong lớp đã phản đối vì các em cho rằng học sinh khuyết tật nhìn không thể điều hành được lớp.

– Cách giải quyết:

- + Nhiều khi học sinh khuyết tật nhìn cũng mong muốn được đảm nhận những vai trò trong lớp như tổ trưởng, quản ca, bí thư, lớp phó học tập... giáo viên cần khuyến khích học sinh khuyết tật nhìn thể hiện các khả năng nổi trội

của mình trước lớp và tổ chức hoạt động để các học sinh khám phá và tìm hiểu về bạn của mình. Đồng thời, giáo viên có thể thiết lập 1 cuộc họp riêng với cả lớp (không bao gồm học sinh khuyết tật nhìn) để chia sẻ với các em về vai trò của mỗi thành viên trong lớp, tinh thần tập thể của lớp học đặc biệt là khả năng và nhu cầu học bạn học sinh khuyết tật nhìn để các em có thể thấu hiểu.

b. Tình huống 2: Trong giờ sinh học, cả lớp cùng xem video về quá trình sinh trưởng, tập tính và sinh hoạt của loài chim, hiểu về “tổ chim”. Học sinh khuyết tật nhìn không đọc được phụ đề trong đoạn video nên không hiểu hết được nội dung của băng và không hoàn thành được yêu cầu của giáo viên đưa ra. Học sinh khuyết tật nhìn cảm thấy ngại và sợ giáo viên sẽ gọi lên trình bày nên đã xin giáo viên ra khỏi lớp. Khi giáo viên hỏi lý do thì giáo viên mới biết là hoạt động xem video đã chưa thực sự phù hợp với học sinh khuyết tật nhìn.

– *Cách giải quyết:*

+ Giáo viên vẫn tổ chức hoạt động xem video nhưng có thể cho học sinh khuyết tật nhìn xem trước ở nhà (chuẩn bị trước) để có thể yêu cầu gia đình hoặc bạn bè (học sinh sáng) đọc phụ đề cho học sinh khuyết tật nhìn hiểu nội dung của đoạn băng. Giáo viên cũng nên sử dụng mô hình tổ chim hoặc đồ vật thật/con vật thật để học sinh khuyết tật nhìn khám phá tìm hiểu. Đối với học sinh khuyết tật nhìn, việc giảng dạy ngoài sử dụng các thiết bị hỗ trợ, công nghệ hiện đại trong dạy học thì giáo viên cần phải có những giải thích, minh họa bằng vật thật, mô hình, biểu đồ nổi để học sinh khuyết tật nhìn có cơ hội được trải nghiệm, khám phá tri giác bằng xúc giác và các giác quan khác. Nếu không chuẩn bị tốt đồ dùng và các thiết bị hỗ trợ trong dạy học thì sẽ khiến học sinh khuyết tật nhìn nói riêng, học sinh trong lớp nói chung khó tiếp thu bài học và cảm thấy thiếu tự tin tham gia vào các hoạt động.

c. Tình huống 3: Trong tất cả các giờ sinh hoạt cuối tuần của lớp, khi các bạn học sinh sáng tham gia tích cực vào hoạt động vui chơi, văn nghệ thì N là học sinh khuyết tật nhìn thường ngồi một mình, né tránh sự tham gia. Nhiều lần giáo viên đã nhắc nhở và yêu cầu N tham gia nhưng em vẫn e ngại, không chủ động thực hiện.

– *Cách giải quyết:*

+ Để tổ chức cho các em học sinh khuyết tật nhìn tham gia vào các hoạt động vui chơi, học tập giúp các em phát triển khả năng tư duy sáng tạo là một

yêu cầu hết sức quan trọng. Để thực hiện được vấn đề này đòi hỏi người giáo viên phải có kiến thức sâu sắc về các cơ sở khoa học và phương pháp giảng dạy, giáo dục học sinh, phải có kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp thu hút học sinh khuyết tật nhìn tham gia hoạt động. Giáo viên phải linh hoạt, nhạy cảm, chu đáo và tỷ mỉ để phát hiện những khả năng tiềm ẩn và đáp ứng kịp thời những nhu cầu của học sinh khuyết tật nhìn. Tạo cho học sinh khuyết tật nhìn tự tin, mạnh dạn hòa nhập tham gia hoạt động với các bạn. Đối với em N, giáo viên cần tìm hiểu lý do vì sao N ngại tham gia hoạt động, tìm những điểm mạnh của em N (hát, chơi nhạc cụ) hoặc những khó khăn mà N gặp phải khi học hoà nhập. Khi đã hiểu rõ về N, giáo viên sẽ cùng với các Học sinh trong lớp tổ chức các hoạt động phù hợp để cho N có thể phát huy được điểm mạnh của bản thân. Như vậy N sẽ cảm thấy thoải mái, tự tin và chủ động tham gia hoạt động cùng các bạn.

1.2.3.10. Hướng dẫn học sinh không khuyết tật hiểu và hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn

Bất kì học sinh nào đều có những điểm khác biệt so với người khác và học sinh khuyết tật nhìn cũng vậy, học sinh có những điểm khác biệt và cần được tôn trọng sự khác biệt đó. Giáo dục hòa nhập khuyết tật nhìn không chỉ nhằm mục tiêu cung cấp kiến thức và kỹ năng cho học sinh mà còn phải hướng đến xây dựng một môi trường tâm lý ổn định, trong đó tất cả học sinh trong lớp cần hiểu và tôn trọng sự khác biệt của bạn khuyết tật nhìn. Để thực hiện được nội dung này, bạn không khuyết tật đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ bạn khuyết tật nhìn.

a. Những nội dung học sinh không khuyết tật có thể hỗ trợ bạn học sinh khuyết tật nhìn có thể bao gồm:

– Hỗ trợ các bạn trong lớp cùng hiểu về những điểm mạnh và khó khăn của bạn học sinh khuyết tật nhìn để tôn trọng sự khác biệt và xây dựng cách hỗ trợ phù hợp.

– Hỗ trợ bạn khuyết tật nhìn trong giờ học: 1) Đọc thông tin giáo viên ghi trên bảng để học sinh khuyết tật nhìn ghi và theo dõi nội dung bài giảng; 2) Nói trang sách chữ in hoặc nội dung để học sinh khuyết tật nhìn có thể mở sách hoặc theo dõi nội dung bài học; 3) Tìm dùi viết trong trường trường hợp bạn khuyết tật nhìn đánh rơi dùi; 4) Hướng dẫn nội dung bài học (khi bạn

khuyết tật nhìn chưa hiểu và khi học sinh không khuyết tật đã hoàn thành xong bài); 4) Hướng dẫn tham gia hoạt động trong nhóm; 5) Hỗ trợ di chuyển trong trường hợp cần di chuyển sang các khu vực khác.

– Hỗ trợ bạn khuyết tật nhìn ngoài giờ học: 1) Hướng dẫn nội dung bài học trong trường hợp học sinh khuyết tật nhìn chưa hiểu; 2) Hướng dẫn bạn tham gia chơi cùng trong nhóm; 3) Hướng dẫn di chuyển các khu vực trong trường (đặc biệt là học sinh đầu cấp trung học cơ sở chưa quen với trường/lớp).

b. Ví dụ minh họa về hướng dẫn học sinh không khuyết tật hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn

Ví dụ sau đây được thực hiện cho các nội dung yêu cầu phức tạp, các nội dung như đọc thông tin, nói trang sách, nhật dùi viết, học sinh không khuyết tật có thể tự thực hiện khi được học sinh khuyết tật nhìn đề nghị mà không cần hướng dẫn. Tuy nhiên, giáo viên cần trao đổi những công việc có thể cần hỗ trợ với nhóm học sinh không khuyết tật hỗ trợ bạn khuyết tật nhìn.

– *Hoạt động*: Tham gia chơi tương tác.

– *Mục tiêu*: Hình thành kỹ năng chơi và giao tiếp cho học sinh khuyết tật nhìn.

– *Cách thức*:

+ Bước 1: Bạn không khuyết tật giới thiệu các thành viên tham gia chơi (nêu tên và số lượng) để học sinh khuyết tật nhìn có thể bao quát và giới thiệu trò chơi tương tác để học sinh khuyết tật nhìn có thể chủ động;

+ Bước 2: Bạn không khuyết tật nêu các bước của trò chơi và vai trò của từng người khi tham gia chơi, đặc biệt hỏi bạn khuyết tật nhìn về việc nắm rõ vai trò của mình hoặc có thể đề nghị bạn khuyết tật nhìn nói lại vai trò của bản thân;

+ Bước 3: Khi chơi nêu rõ khoảng cách mọi người đang ngồi, đứng phù hợp, âm lượng sử dụng và luôn nói tên khi mình nói hoặc giới thiệu người khác nói để bạn khuyết tật nhìn nắm thông tin;

+ Bước 4: Đánh giá về trò chơi và cho từng người nhận xét và nói những khó khăn của mình khi tham gia chơi để có thể điều chỉnh trong buổi chơi tiếp theo;

+ Bước 5: (Có thể), nếu trong trường hợp nhận thấy kỹ năng giao tiếp tương tác của học sinh khuyết tật nhìn chưa được thành thục, bạn không khuyết tật có thể có trao đổi riêng những điểm cần điều chỉnh: Tư thế ngồi, đứng; hướng mặt về phía âm thanh, âm lượng, điều chỉnh phong cách, ngôn ngữ cho phù hợp.

CHƯƠNG 2. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN

2.1. ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN

2.1.1. Phù hợp với đặc điểm phát triển và khả năng học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cần phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở, những khó khăn trong học tập của học sinh và thực hiện chương trình dạy học phải chú trọng nhu cầu và hứng thú của học sinh cấp trung học cơ sở và ở từng học sinh khuyết tật nhìn.

Việc thực hiện Chương trình phải xuất phát từ việc đảm bảo, tôn trọng nhân cách, nhu cầu, hứng thú và kinh nghiệm sống của mỗi em. Mỗi học sinh là một cá thể riêng biệt.

Cần tôn trọng đặc điểm riêng của mỗi học sinh, đảm bảo những nhu cầu và đặc điểm riêng với học sinh khuyết tật nhìn với đặc điểm khác nhau về mức độ, tốc độ phát triển (mức độ khuyết tật nhìn, thời điểm, độ tuổi..), hoàn cảnh sống, về nhu cầu, mong muốn, tính cách, sở thích và trải nghiệm.

2.1.2. Tiếp cận linh hoạt Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tăng cường trực quan, học thông qua hoạt động và trải nghiệm

Khi thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cần thực hiện linh hoạt cho học sinh khuyết tật nhìn thông qua thiết lập mục tiêu dạy học các môn học theo các mục tiêu của kế hoạch giáo dục cá nhân. Các bài học tập trung vào: Phát triển nội dung, các chủ đề liên kết, đặt câu hỏi, kết nối thông tin, kinh nghiệm thực tiễn trước, độc lập.

Cần chú trọng xác định mục tiêu dạy học chung cho cả lớp và mục tiêu riêng cho học sinh khuyết tật nhìn. Trong đó, chú ý đến mục tiêu kiến thức

mà học sinh khuyết tật nhìn cần được hỗ trợ, thay thế hoặc làm rõ, cũng như mục tiêu về kỹ năng mà học sinh khuyết tật nhìn cần được củng cố, luyện tập và cần được hỗ trợ do hạn chế khả năng tri giác thị giác và giới hạn trải nghiệm từ cuộc sống.

Xây dựng mục tiêu riêng/mục tiêu điều chỉnh của môn học, bài học cho học sinh khiếm thị. Căn cứ vào đặc điểm nhận thức, ngôn ngữ, giao tiếp, hứng thú của các em, xác định mục tiêu hành vi về nhận thức, thái độ.

Cần đảm bảo các điều kiện về phương tiện thiết bị dạy học đáp ứng được nhu cầu về đặc điểm của thị giác còn lại, xúc giác, thính giác của học sinh khuyết tật nhìn và giúp học sinh khuyết tật nhìn tận dụng và phát huy tối đa các giác quan còn lại, học qua trải nghiệm và hành động. Với học sinh nhìn kém, nếu được khuyến khích, các em có thể sử dụng chức năng của thị giác để thực hiện nhiều nhiệm vụ với sự trợ giúp của dụng cụ trợ thị.

Điều chỉnh, thích ứng đồ dùng, hỗ trợ các em sử dụng thiết bị đồ dùng chuyên biệt cá nhân giúp các em tiếp nhận cùng nội dung như học sinh khác. Ví dụ: Nội dung bài học như nhau nhưng học sinh khuyết tật nhìn học bằng sách chữ nổi Braille hoặc phiếu bài tập được chuyển đổi sang chữ nổi, chữ phóng to. Một học sinh khuyết tật nhìn có thể học tốt hơn nếu ý tưởng thị giác được biểu thị dưới dạng kết hợp với trải nghiệm phi thị giác dựa vào: Mô tả bằng lời rõ ràng, sử dụng tài liệu, đồ dùng bằng chữ nổi, thiết bị hỗ trợ: Bàn tính, máy tính, điều chỉnh phương pháp truyền tải nội dung, tận dụng tình huống có ý nghĩa.

Cần có những giải pháp phát triển chương trình học để có thể vận dụng linh hoạt chương trình giáo dục phổ thông trong dạy học cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học: (1) Xem xét về nhiệm vụ học tập theo những mức độ khác nhau, chú ý sắp xếp nội dung căn cứ các khả năng học toán khác nhau của từng em. Từ đó, linh hoạt điều chỉnh để mỗi học sinh tiếp thu một lượng và mức độ kiến thức nhất định phù hợp với khả năng của mình qua giảm hoặc lược bớt yêu cầu, nhiệm vụ. (2) Xem xét hình thức tham gia: Giáo viên lựa chọn những hình thức tham gia giúp phát huy thế mạnh của học sinh khuyết tật nhìn.

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, cần chú ý đến việc đảm bảo thiết bị, tạo nhiều cơ hội để khám phá, hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn học

qua các kênh giác quan, đồng thời tăng cường rèn luyện các kĩ năng và giúp học sinh kết hợp việc tận dụng khả năng để trải nghiệm trong thực tiễn.

Giáo viên cần chú ý điều chỉnh phương tiện, thiết bị... phù hợp để đảm bảo các hoạt động cùng nhau giữa học sinh khuyết tật nhìn và học sinh sáng mắt. Môi trường trong lớp học cần sắp xếp đảm bảo cho học sinh có hoạt động học tập theo hình thức khác nhau như nhóm, cá nhân.... nhằm tạo cơ hội cho học sinh hoạt động hiệu quả và tích cực.

Cần bố trí cho từng học sinh đều cảm thấy thoải mái khi học tập ở nhóm chung cả lớp hay ở nhóm ít người cũng như khi học tập cá nhân. Đối với học sinh khuyết tật nhìn, việc bố trí sắp xếp lớp học phải tạo được điều kiện thuận lợi cho học sinh mù đi lại dễ dàng, không bị quá nhiều cản trở và đặc biệt học sinh khiếm thị cần được sắp xếp ngồi để giáo viên có nhiều điều kiện hỗ trợ học sinh tốt hơn. Lượng ánh sáng trong lớp vừa đủ cho học sinh nhìn kém, giúp các em quan sát các đồ dùng minh họa dễ dàng. Nhà trường cần chú ý đến nhu cầu đặc biệt về thị giác của học sinh có học sinh cần lượng ánh sáng nhiều hơn nhưng có học sinh lại dễ bị chói mắt, có học sinh lại sợ ánh sáng. Sắp xếp vị trí hợp lý, đủ rộng và thuận tiện cho học sinh khuyết tật nhìn sử dụng các phương tiện trợ thị và khuyến khích học sinh khuyết tật nhìn sử dụng các phương tiện.

2.1.3. Đảm bảo đáp ứng sự đa dạng trong phát triển năng lực học sinh khuyết tật nhìn

Thực hiện chương trình dạy học cần phù hợp với năng lực của học sinh khuyết tật nhìn, điểm mạnh, sở trường trong học tập của học sinh và thực hiện chương trình dạy học phải phù hợp với phong cách của học sinh khuyết tật nhìn. Cần kích thích khả năng, phát huy nội lực của mỗi học sinh, nâng cao vai trò chủ động, tích cực cá nhân của mỗi em. Chú ý đến chức năng thị giác và khả năng sử dụng các giác quan còn lại.

Tận dụng các giác quan khác có ý nghĩa quan trọng trong việc khám phá và thực hiện các hoạt động chức năng của học sinh khuyết tật nhìn. Đối với học sinh mù, xúc giác là công cụ để học sinh học chữ nổi Braille. Thính giác giúp học sinh khuyết tật nhìn định hướng không gian, âm thanh cũng giúp phản ánh thuộc tính của các vật.

Để có sự tham gia của nhiều học sinh, môi trường, hình thức học tập và nội dung học tập, các hoạt động được tổ chức cần dựa theo nguyện vọng, sở thích của học sinh; được diễn ra trong lớp và ngoài lớp học với sự tham gia tích cực giữa học sinh sáng mắt và học sinh khuyết tật nhìn. Thông qua hoạt động cùng nhau, học sinh sáng mắt và học sinh khuyết tật nhìn chia sẻ kinh nghiệm, giúp đỡ nhau giải quyết nhiệm vụ. Từ đó, các yêu cầu, nhiệm vụ học tập không những được học sinh chủ động tìm kiếm phương án giải quyết mà sự gắn bó, hiểu biết giữa học sinh khuyết tật nhìn, học sinh sáng mắt được tăng cường.

Cần thiết kế nhiệm vụ học tập, tổ chức môi trường học tập và phương tiện thiết bị dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung của bài học đáp ứng sự phù hợp với mọi học sinh và đảm bảo học sinh khuyết tật nhìn cùng tham gia tất cả các hoạt động chung; khi tổ chức cho học sinh khuyết tật nhìn học cùng các bạn sáng mắt, cần đảm bảo các em có cơ hội học tập thông qua lắng nghe, bắt chước theo hướng dẫn và hỗ trợ từ các bạn; công bằng với tất cả từng cá nhân học sinh, thể hiện sự tôn trọng với từng học sinh dù học sinh đó khác biệt; có cảm nhận tốt về không khí lớp học. Để học sinh biết mong muốn và kì vọng của giáo viên về không khí lớp học của mình. Lựa chọn bài tập và nhiệm vụ phù hợp với học sinh khuyết tật nhìn trong lớp.

2.1.4. Phù hợp với điều kiện thực tiễn và đáp ứng nguyện vọng của học sinh và gia đình học sinh khuyết tật nhìn

Để triển khai chương trình, kế hoạch môn học, bài học phù hợp với tất cả học sinh và phù hợp với thực tiễn của địa phương, cần nắm được thông tin về học sinh trong lớp, đánh giá, thu thập thông tin về tình hình học tập của lớp tại địa phương; lựa chọn, tích hợp các nội dung chương trình có ý nghĩa thực tiễn với địa phương nơi học sinh sống để gắn kết nội dung từ chương trình phổ thông với đời sống thực tiễn của học sinh và gia đình học sinh.

Cần nắm vững đặc điểm học tập của học sinh, sở thích của học sinh ở độ tuổi thanh thiếu niên; những khó khăn, điểm mạnh của học sinh khuyết tật nhìn. Giáo viên cần chú ý đến các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến học tập của lớp, nguyện vọng của học sinh và gia đình học sinh về tương lai và cuộc sống hàng ngày của học sinh để lập kế hoạch các hoạt động đa dạng, phong phú. Ở cùng một mục tiêu học tập sẽ giúp học sinh được có quyền lựa chọn hoạt động, ra quyết định về hoạt động học tập, điều này giúp các em có động

cơ tích cực, tự giác và chủ động đối với việc học tập. Kết quả cuối cùng của quá trình học tập là học sinh khuyết tật nhìn thể hiện thái độ học tập và tình cảm, năng lực cá nhân ở các khâu của quá trình học tập cũng như thể hiện ở nội dung của nhiệm vụ học toán. Việc thiết kế, lập kế hoạch các hoạt động phải đảm bảo giúp học sinh thấy tự tin, tạo được động cơ và thái độ tốt đối với việc học tập, từ đó khích lệ học sinh tích cực học tập và vận dụng tốt trong các tình huống ở thực tiễn địa phương.

Lập kế hoạch chương trình học có các hoạt động có gắn gũi trong cuộc sống nhằm giúp học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học có thể khai thác vốn kinh nghiệm để thông qua đó, các em học, ôn luyện các kiến thức, kỹ năng một cách tự giác hướng đến việc nâng cao khả năng độc lập trong cuộc sống cộng đồng của học sinh khuyết tật nhìn.

2.2. THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 CẤP TRUNG HỌC HỌC CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN

2.2.1. Mục tiêu giáo dục cấp trung học cơ sở

Học sinh khuyết tật nhìn có mục tiêu giáo dục chung ở cấp trung học cơ sở như học sinh không khuyết tật nhìn: *Chương trình giáo dục trung học cơ sở giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển cấp tiểu học, tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.*

2.2.2. Môn học

Tùy vào khả năng và nhu cầu, học sinh khuyết tật nhìn có thể tham gia được vào các môn học bắt buộc của chương trình trung học cơ sở: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục công dân; Lịch sử và Địa lý; Khoa học tự nhiên; Công nghệ; Tin học; Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật); hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; nội dung giáo dục của địa phương.

Tuy nhiên, có thể có những xem xét như sau về sự tham gia của học sinh theo từng môn trong quá trình học hòa nhập:

– *Các môn học học sinh khuyết tật nhìn có thể tham gia được tốt:* Các môn học thuộc khoa học xã hội: Ngữ văn, Ngoại ngữ 1, Giáo dục công dân. Tuy

nhiên, cần lưu ý về mức độ khó và sử dụng ngôn ngữ ở học sinh khuyết tật nhìn vì như trên đã phân tích đến yếu tố ngôn ngữ ở học sinh khuyết tật nhìn.

– *Các môn học học sinh khuyết tật nhìn có thể tham gia khi giảm tải* các nội dung liên quan khoa học tự nhiên và môn học liên quan đến việc sử dụng thị giác trong yêu cầu của môn học hoặc điều chỉnh bằng các phương pháp, phương tiện đặc thù: Toán, Lịch sử và Địa lí, Khoa học tự nhiên, Công nghệ, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp;

Ví dụ: Đối với môn khoa học tự nhiên (Sinh, Hóa, Vật lý): Học sinh cần được giảm tải, lược bỏ các nội dung yêu cầu về quan sát sự sinh trưởng phát triển (Sinh học) quan sát và thực hiện các thí nghiệm trong môn Hóa học (chuyển màu khi kết hợp các chất...), Vật lý (ánh sáng...);

– *Các môn học học sinh có thể thay thế hoặc tham gia 1 phần:* Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Tin học. Cụ thể:

+ *Môn Tin học:* Học sinh thường được học riêng với giáo viên dạy tin học dành cho học sinh khuyết tật nhìn tại Hội người mù hoặc Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập hoặc Trường chuyên biệt nơi học sinh học tập. Học sinh cần được học tập theo 1 cách khác với học sinh không khuyết tật nhìn: Khi học, học sinh khuyết tật nhìn cần được sử dụng các phần mềm hỗ trợ đọc màn hình và các phần mềm hỗ trợ khác, có những học sinh cần sử dụng bàn phím đặc thù.

+ *Môn Giáo dục thể chất:* Học sinh khuyết tật nhìn có thể tham gia vào các hoạt động vận động và yêu cầu ở các nội dung cơ bản như: Tập thể dục, chạy tại chỗ, chạy ngắn có hỗ trợ. Những nội dung như: Nhảy (cao, xa, dây), chơi bóng...cần được lược bỏ và thay vào đó là phần kỹ năng định hướng di chuyển học sinh cần được học theo hướng dẫn tại chương 3 của tài liệu này.

+ *Nghệ thuật:*

- Âm nhạc: Là môn học giúp học sinh khuyết tật nhìn phát huy được thể mạnh về cảm nhận âm nhạc. Tuy nhiên, các nội dung liên quan đến đọc bản nhạc cần được thay thế bằng các yêu cầu khó về cảm nhận âm nhạc hoặc hát.

- Mỹ thuật: Học sinh khuyết tật nhìn có thể tham gia vào các nội dung mỹ thuật thiên về "lý luận và lịch sử mỹ thuật" hoặc các hoạt động liên quan đến điêu khắc, tạo hình 3D bằng gôm. Còn lại với các nội dung liên quan đến

tạo hình hội họa, đồ họa là các nội dung học sinh khuyết tật nhìn gặp khó khăn và cần được lược bỏ. Tuy nhiên, không phải học sinh khuyết tật nhìn nào cũng có thể tham gia vào các nội dung về điêu khắc hay gốm, có nhiều trường hợp học sinh khuyết tật nhìn không tham gia học tập được môn học này.

2.2.3. Kế hoạch thời lượng

Trên thực tế hiện nay, tùy thuộc và điều kiện địa phương, khả năng học tập và tham gia của học sinh khuyết tật nhìn mà học sinh có thể đa dạng về thời lượng tham gia vào các môn học:

- Với các địa phương có trường chuyên biệt, có Trung tâm hỗ trợ Giáo dục hòa nhập hoặc có Hội người mù, học sinh khuyết tật nhìn ngoài chương trình học tập hòa nhập (từ $\frac{1}{2}$ buổi/ngày), học sinh sẽ về các cơ sở trên để học các môn đặc thù: Định hướng di chuyển, kỹ năng sống, tin học và được bổ trợ thêm các kỹ năng học tập các môn theo học chương trình phổ thông;

- Với các địa phương chưa có các cơ sở nêu tại ý trên, học sinh khuyết tật nhìn tham gia tối đa vào các hoạt động hòa nhập và tiến tới những hỗ trợ học từ xa từ các cơ sở;

- Bên cạnh đó, với việc phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, học sinh khuyết tật nhìn có xu hướng được tiếp cận môn tin học sớm, nền tảng kỹ năng sử dụng máy tính thành thạo sẽ giúp ích rất nhiều trong quá trình học tập hòa nhập một cách chủ động: Học sinh khuyết tật nhìn sử dụng laptop tại lớp học hòa nhập từ trung học cơ sở và trả bài, tương tác với giáo viên hòa nhập, ngay cả khi giáo viên hòa nhập không biết sử dụng chữ nổi thì công việc dạy – học cũng trở nên dễ dàng hơn.

Do đó, kế hoạch thời lượng đối với học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau và cán bộ quản lý nhà trường trung học cơ sở có thể linh hoạt trong việc điều chỉnh sao cho học sinh đảm bảo được mục tiêu kế hoạch giáo dục cá nhân.

2.2.4. Yêu cầu cần đạt

- *Yêu cầu về phẩm chất và năng lực chung:* Học sinh khuyết tật nhìn có thể đạt về yêu cầu cơ bản thuộc Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- *Yêu cầu về năng lực đặc thù:* Dựa trên môn học được điều chỉnh tại mục 2.2 và thời lượng tham gia học tập của học sinh khuyết tật nhìn từ mục 2.4 mà có yêu cầu cần đạt cụ thể cho học sinh khuyết tật nhìn. Tuy nhiên, dựa vào đặc điểm phát triển của học sinh khuyết tật nhìn, giáo viên cần lưu ý những

điểm sau về yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù trong quá trình dạy học hòa nhập theo từng môn học cho học sinh khuyết tật nhìn:

+ Năng lực sử dụng ngôn ngữ (cụ thể hóa ở môn Ngữ văn): Vốn từ vựng của học sinh đa dạng, phong phú tuy nhiên với những học sinh khuyết tật nhìn bẩm sinh, do những hạn chế về biểu tượng nên có thể sử dụng từ ngữ nhưng không hiểu dẫn đến trường hợp ”ngôn ngữ rỗng” do đó, trong các yêu cầu đối với môn ngữ văn, giáo viên cần chú ý trong việc giảm tải các yêu cầu liên quan đến từ ngữ và tập làm văn miêu tả, các yêu cầu cần sử dụng từ ngữ mang hình ảnh, khái niệm trừu tượng.

+ Năng lực toán học (cụ thể hóa ở môn Toán): Với những rào cản về khuyết tật thị giác, học sinh khuyết tật nhìn gặp hạn chế trong những tình huống gợi mở, những tình huống hướng đến việc các em có thể đặt vấn đề và việc hứng thú giải quyết vấn đề, đặc biệt là các vấn đề có liên quan đến hình ảnh. Bên cạnh đó, học sinh khuyết tật nhìn gặp hạn chế trong việc ghi nhớ các tri thức thông qua biểu tượng bằng sơ đồ hoặc bằng hình ảnh không gian do đó cần:

- Xem xét những yêu cầu toán liên quan đến toán hình đặc biệt là hình học không gian;

- Mô tả thêm các nội dung liên quan đến các công thức toán, hình ảnh.

+ Năng lực Khoa học (cụ thể hóa ở các môn học khoa học tự nhiên, lịch sử và địa lí): Vì hướng dẫn khoa học phụ thuộc nhiều vào hướng dẫn trực quan nên học sinh khuyết tật nhìn có thể gặp khó khăn trong xây dựng các khái niệm khoa học tự nhiên mang tính trừu tượng, tiếp cận với loại bảng, biểu đồ, hình ảnh minh họa, thực hiện các thí nghiệm khoa học, do đó cần:

- Xem xét các yêu cầu cần đạt liên các khái niệm trừu tượng, các yêu cầu vẽ vẽ biểu đồ, hình ảnh minh họa;

- Xem xét các yêu cầu cần đạt liên quan đến việc thực hiện các thí nghiệm khoa học cần sử dụng mắt và có thể gây nguy hiểm trong phòng thí nghiệm (Hóa học, Sinh học);

- Thay thế các yêu cầu vẽ biểu đồ phẳng bằng vẽ biểu đồ nổi (nếu học sinh được hỗ trợ và cung cấp công cụ vẽ chuyên dành cho học sinh khuyết tật nhìn) hoặc các giáo viên hỗ trợ bằng mô tả bằng lời hoặc văn bản để học sinh nghe, đọc hiểu và thực hiện các yêu cầu tương ứng;

+ Năng lực công nghệ (cụ thể hóa ở môn Công nghệ): Từ những khó khăn đặc thù của học sinh khuyết tật nhìn, các giảm tải yêu cầu cần đạt về nội dung khoa học liên quan đến nuôi trồng thủy sản, kỹ thuật điện, cơ khí, vẽ kỹ thuật. Tuy nhiên, các yêu cầu với an toàn trong sinh hoạt và sử dụng điện cần được chú ý trong quá trình dạy học sinh khuyết tật nhìn nhằm đảm bảo an toàn và sống độc lập của học sinh khuyết tật nhìn.

+ Năng lực tin học (cụ thể hóa ở môn Tin học): Để đạt được các yêu cầu cần đạt của môn tin học, học sinh khuyết tật nhìn cần được sử dụng các thiết bị và phần mềm hỗ trợ đặc thù trong quá trình học tập.

+ Năng lực thẩm mỹ (cụ thể hóa ở môn Âm nhạc, Mỹ thuật): Học sinh khuyết tật nhìn có thể đạt ở mức độ tốt với các yêu cầu cần đạt trong môn Âm nhạc tuy nhiên, học sinh khuyết tật nhìn nên được giảm tải các yêu cầu đối với tạo hình, hội họa trong môn học Mỹ thuật.

+ Năng lực thể chất (cụ thể hóa ở môn Giáo dục thể chất): Học sinh khuyết tật nhìn có thể đạt được các yêu cầu cần đạt ở phần lớn các nội dung yêu cầu của môn thể chất. Tuy nhiên, với các hoạt động vận động yêu cầu kiểm soát không gian (nhảy cao, nhảy xa...) cần được giảm tải.

2.2.5. Xét tuyển, kiểm tra đánh giá, công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp

2.2.5.1. Căn cứ về xét tuyển và nhập học:

Theo Thông tư liên tịch số 42/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC quy định về giáo dục đối với người khuyết tật quy định cụ thể tại điều 2:

1. Ưu tiên nhập học

Người khuyết tật được nhập học ở độ tuổi cao hơn so với quy định chung là 3 tuổi.

2. Ưu tiên tuyển sinh

a) Đối với trung học cơ sở, trung học phổ thông

Người khuyết tật được hưởng chế độ tuyển thẳng vào trung học phổ thông như đối với học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và học sinh là người dân tộc rất ít người theo quy định tại Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Bên cạnh đó, cũng tại Thông tư này, Điều 3 quy định cụ thể về việc miễn, giảm môn học: Người khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập học theo chương trình giáo dục chung. Trường hợp người khuyết tật không có khả năng đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục chung, người đứng

đầu cơ sở giáo dục quyết định điều chỉnh, miễn, giảm, thay thế một số nội dung môn học hoặc một số môn học, hoạt động giáo dục cho phù hợp và được thể hiện trong Kế hoạch giáo dục cá nhân.

Như vậy, theo quy định trên, học sinh khuyết tật nhìn có thể được ưu tiên nhập học ở độ tuổi cao hơn là 3 tuổi và được tuyển thẳng vào trung học phổ thông, đồng thời tùy vào từng trường hợp mà học sinh khuyết tật nhìn có thể được điều chỉnh, miễn hoặc giảm, thay thế môn học/nội dung môn học/hoạt động giáo dục phù hợp.

Cụ thể, với học sinh khuyết tật nhìn do những hạn chế về khuyết tật thị giác, người đứng đầu cơ sở giáo dục có thể điều chỉnh giảm tải, miễn các nội dung, hoạt động liên quan đến các hoạt động giác quan: Thí nghiệm hóa học trong phòng thí nghiệm, quan sát sinh học hoặc các vận động thể chất đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa các giác quan, các hoạt động trải nghiệm yêu cầu cần sử dụng mắt (xen hướng dẫn chi tiết tại chương 3);

2.2.5.2. Căn cứ thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở

Như các học sinh trung học cơ sở, học sinh khuyết tật nói chung và học sinh khuyết tật nhìn nói riêng, việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện dựa trên Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT sửa đổi một số điều của Thông tư 58 đánh giá học sinh trung học để có hướng dẫn cách dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập trong các trường trung học cơ sở.

Điểm sửa đổi trong Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT về Điều 14 Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT về Quy chế đánh giá, xếp loại Học sinh trung học cơ sở và Học sinh trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành:

1. Việc đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

2. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả giáo dục môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng

yêu cầu chung được đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân; không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn.

** Ý nghĩa của đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật nhìn*

– Đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn học hoà nhập giúp giáo viên trả lời câu hỏi: Hiện học sinh đã học được những kiến thức, kỹ năng gì? Chưa học được gì? Cần học theo cách nào thì phù hợp nhất và cách hướng dẫn nào không hiệu quả? Học sinh yêu thích học nội dung, chủ đề nào? Có những lưu ý gì đặc biệt trong hướng dẫn cho học sinh?

– Như vậy, việc đánh giá kết quả giáo dục:

+ Giúp giáo viên biết được mình cần dạy gì, sẽ dạy gì cho học sinh; việc tiến hành của giáo viên có hiệu quả hay không để điều chỉnh kịp thời nội dung, phương pháp dạy học;

+ Thúc đẩy hoạt động học tập của học sinh khuyết tật nhìn trong môi trường hoà nhập;

+ Cung cấp thông tin có giá trị cho cha mẹ học sinh khuyết tật nhìn để xác định những hỗ trợ của gia đình và phối hợp chặt chẽ với nhà trường;

+ Ngoài ra, đánh giá còn giúp cho quá trình kiểm tra, giám sát, quản lý chất lượng giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật nhìn chặt chẽ và hiệu quả.

2.2.5.3. Yêu cầu trong đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn

– *Có giá trị:* Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn không chung chung mà kết quả cụ thể, chi tiết và sử dụng được vào mục đích cải tiến, tăng cường chất lượng giáo dục học sinh khuyết tật nhìn.

– *Tin cậy:* Thông tin đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn học hoà nhập phản ánh được các thông tin học sinh thu nhận được là chắc chắn. Phải khẳng định được những kiến thức và kỹ năng học sinh đã lĩnh hội được ở mức độ nào. Giáo viên không thể chỉ dựa vào một số dấu hiệu để đưa ra phép quy nạp cho kết quả lĩnh hội của học sinh.

– *Thiết thực:* Đánh giá là một phần của việc dạy học có hiệu quả, nhưng vấn đề đánh giá phải được kết hợp để có đầy đủ thông tin cho quá trình giáo dục, dạy học nhưng không mất nhiều thời gian và ảnh hưởng tới các phần khác của hoạt động dạy học, giáo dục.

– *Quan điểm đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn*

– *Đánh giá theo quan điểm tổng thể (tiếp cận tổng thể)*: Dựa theo kết quả nhiều mặt, không chỉ dựa trên một khía cạnh, phương diện tách biệt nào mà bao gồm các mặt: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng định hướng di chuyển, kết quả học tập: Chiếm lĩnh tri thức và rèn luyện các kỹ năng xã hội;

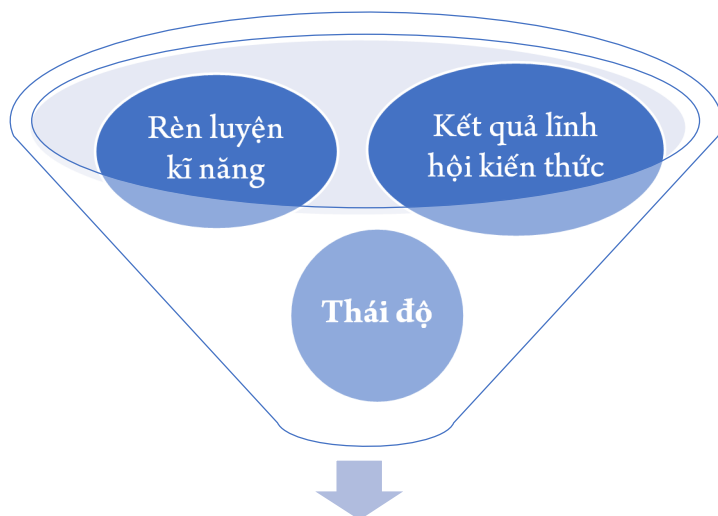
– *Đánh giá theo quan niệm tích cực, phát triển (tiếp cận lịch sử – xã hội)*: Đánh giá công bằng nhưng không cào bằng, trong quá trình đánh giá học sinh cần phải tìm ra những thành tích, ưu điểm, những điều mà học sinh có thể đạt được với nỗ lực vượt qua khó khăn nhất định. Khi đánh giá học sinh khuyết tật nhìn, cần xóa bỏ mặc cảm và xem học sinh như mọi học sinh khác. Phải đánh giá theo khả năng, nhu cầu và sự tiến bộ của học sinh khuyết tật nhìn theo từng môn học, từng thời gian khác nhau;

– *Đánh giá theo mục tiêu và Kế hoạch giáo dục cá nhân (tiếp cận cá nhân)*: Cách đánh giá dựa vào kế hoạch cá nhân bám sát vào những nội dung hoạt động thiết kế cho học sinh khuyết tật nhìn. Dựa vào mục tiêu và kết quả dự kiến của từng nội dung hoạt động trong bản *Kế hoạch giáo dục cá nhân* để làm cơ sở đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn.

Lưu ý khi đánh giá:

- 1) Mức độ sử dụng thị giác vào các hoạt động?
- 2) Khả năng định hướng, di chuyển của học sinh trong các hoạt động hàng ngày?
- 3) Mức độ nhạy cảm trong nhận biết của cảm giác xúc giác; sử dụng xúc giác trong đọc chữ Braille và nhận biết các sự vật xung quanh của học sinh mù...
- 4) Sử dụng các giác quan khác trong thu nhận thông tin...

2.2.5.4. Nội dung đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn



Sơ đồ 2.1. Kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn

* Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức

– Đánh giá kết quả các môn học: Kết quả đánh giá giúp giáo viên có thông tin về kết quả lĩnh hội kiến thức trong môn học, chủ điểm và nội dung cụ thể nào đó. Nó giúp giáo viên biết được những nội dung gì học sinh khuyết tật nhìn học tốt, chưa tốt, nguyên nhân dẫn đến kết quả đó để tìm cách phát huy, khắc phục.

– Kết quả môn học cũng cho biết thông tin thể hiện năng lực của học sinh khuyết tật nhìn. Thu thập kết quả từ các bài kiểm tra và bài tập của học sinh khuyết tật nhìn và ghi vào sơ đồ môn học, giáo viên có thể xác định được năng lực nhất định của học sinh về một lĩnh vực học tập nào đó, đồng thời cũng giúp giáo viên xác định được sự tiến bộ của học sinh trong một giai đoạn nhất định.

– Ngoài những môn học như học sinh bình thường học sinh khuyết tật nhìn còn có những môn học riêng cũng cần được đánh giá như: Phát triển các giác quan, rèn luyện kỹ năng định hướng và di chuyển trong không gian, rèn luyện kỹ năng tự phục vụ theo lứa tuổi.

* Đánh giá rèn luyện kỹ năng

– Đánh giá kỹ năng sử dụng các giác quan, đặc biệt là phần thị lực còn lại và xúc giác, thính giác;

– Kỹ năng giao tiếp, trong đó cần đánh giá vốn từ nhiều hay ít so với học sinh sáng mắt cùng độ tuổi, vốn từ của học sinh có nghĩa hay vô nghĩa (tự học hỏi người khác không có biểu tượng, từ rỗng). Đánh giá khả năng vận dụng ngôn ngữ trong giao tiếp với mọi người xung quanh;

– Rèn luyện kỹ năng định hướng và di chuyển trong không gian (tự di chuyển trong khu vực trường học, trong khu vực gia đình, từ trường đến nhà và ngược lại...);

– Rèn luyện kỹ năng tự phục vụ bản thân và giúp đỡ gia đình.

** Đánh giá thái độ*

– Thái độ ứng xử: Đánh giá qua tiếp xúc với người, sự vật, hiện tượng xung quanh (yêu thương, kính trọng, giúp đỡ, chăm sóc, giữ gìn, bảo vệ...).

– Khả năng hội nhập cộng đồng: Khi đánh giá về khả năng này là xem xét thái độ, hành vi của học sinh khuyết tật nhìn trong quan hệ bạn bè: Chơi với bạn ra sao? Tiếp nhận sự giúp đỡ của bạn không? Có giúp bạn không? Ngoài ra cần xem xét thái độ của học sinh đối với người trong gia đình, trong môi trường cộng đồng làng xóm/phường xã, trong lớp học và thái độ tham gia các hoạt động của tập thể.

2.2.5.5. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn

a. Kiểm tra vấn đáp:

– Phương pháp kiểm tra vấn đáp là phương pháp mà giáo viên đưa ra các câu hỏi để học sinh suy nghĩ trong một thời gian nhất định và trả lời. Phương pháp này có ưu điểm là giáo viên có thể tiếp xúc trực tiếp với học sinh và đánh giá được thái độ của người học. Bằng các câu hỏi đa dạng giáo viên có thể đánh giá được sự hiểu biết của học sinh về các lĩnh vực tri thức khác nhau, năng lực giải quyết vấn đề của học sinh. Với học sinh khuyết tật nhìn thì phương pháp vấn đáp còn tạo điều kiện để học sinh khắc phục được những khó khăn liên quan đến việc viết bằng chữ nổi, đảm bảo thời gian để học sinh suy nghĩ và trình bày quan điểm cá nhân.

b. Phương pháp kiểm tra viết dưới dạng tự luận:

– Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh bằng việc viết dưới dạng tự luận là phổ biến và có thể tiết kiệm được thời gian vì cùng lúc triển khai được trên nhiều học sinh. Tuy nhiên, với học sinh khuyết tật nhìn thì khuyến khích các em có thể sử dụng phương tiện hỗ trợ (máy tính, máy đánh chữ nổi) để đảm bảo được tốc độ làm bài và thời gian kiểm tra. Cũng cần có đề bài

riêng được đánh bằng chữ nổi hoặc bản mềm để bài để học sinh sử dụng phần mềm đọc màn hình đọc các yêu cầu. Việc đưa ra các câu hỏi, bài tập mang tính tự luận để học sinh viết câu trả lời cần phải đảm bảo sự khái quát và phù hợp với đa dạng năng lực của học sinh.

– Phương pháp kiểm tra viết dưới dạng tự luận có 2 hình thức chính là: thứ nhất là câu hỏi dưới dạng mở rộng (không có giới hạn độ dài), học sinh được tự do bàn luận đưa ra quan điểm, suy nghĩ của bản thân; thứ hai là câu hỏi có giới hạn độ dài câu trả lời. Việc sử dụng phương pháp kiểm tra viết dưới dạng tự luận có khả năng đo lường được kết quả năng lực tổng hợp, đánh giá, khái quát của học sinh khuyết tật nhìn cũng như học sinh sáng trong lớp. Học sinh khuyết tật nhìn có thể tham gia vào quá trình kiểm tra thuận lợi.

c. Phương pháp đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan

– Trắc nghiệm khách quan là phương pháp mà giáo viên có thể sử dụng để kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn ở nhiều lĩnh vực kiến thức khác nhau một cách nhanh nhất. Để việc kiểm tra bằng trắc nghiệm khách quan được hiệu quả thì giáo viên cần sử dụng đa dạng các loại câu hỏi trắc nghiệm khác nhau như:

+ Câu hỏi nhiều lựa chọn: Phần câu dẫn là câu hỏi hoặc câu bỏ lửng và câu trả lời có nhiều đáp án để học sinh phải chọn ra đáp án đúng và chính xác nhất;

+ Loại câu đúng sai: Thường bao gồm một câu phát biểu để phán đoán và đi đến quyết định là đúng hay sai;

+ Loại câu điền vào chỗ trống: Loại câu này đòi hỏi điền vào chỗ trống bằng một từ hoặc một cụm từ cho một nhận định chưa đầy đủ;

+ Loại câu ghép đôi: Là dạng gồm hai dãy thông tin và học sinh phải đọc suy nghĩ để ghép chúng lại thành cặp sao cho thích hợp nhất.

– Khi sử dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan cần cho học sinh khuyết tật nhìn thêm thời gian bởi học sinh mất nhiều thời gian để đọc yêu cầu của bài sau đó mới đưa ra lựa chọn. Phần câu hỏi trắc nghiệm có thể đưa cho học sinh dưới dạng bản mềm sử dụng máy tính có kết nối đọc màn hình để học sinh khuyết tật nhìn thuận lợi trong việc làm bài và kiểm tra lại kết quả.

– Giáo viên có thể sử dụng các cách sau khi học sinh làm bài thi trắc nghiệm:

+ Giám thị coi thi đọc từng câu và học sinh chọn và viết câu trả lời một cách ngắn gọn nhất. Ví dụ: 1a, 2d, 3c.

+ Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập, trường chuyên biệt, hoặc hội người mù tại địa phương chuẩn bị trước đề thi bằng chữ nổi Braille, học sinh khuyết tật nhìn làm bài bằng trả lời một cách ngắn gọn nhất. Ví dụ: 1a, 2d, 3c...

d. Phương pháp kiểm tra thực hành:

– Giáo viên tổ chức cho học sinh khuyết tật nhìn cũng như các học sinh sáng trong lớp tiến hành các hoạt động thực tiễn qua đó đánh giá được năng lực của học sinh. Đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn qua phương pháp thực hành đòi hỏi giáo viên cần phải chú ý đến cả sản phẩm cuối cùng của học sinh cũng như quá trình học sinh tạo ra sản phẩm đó.

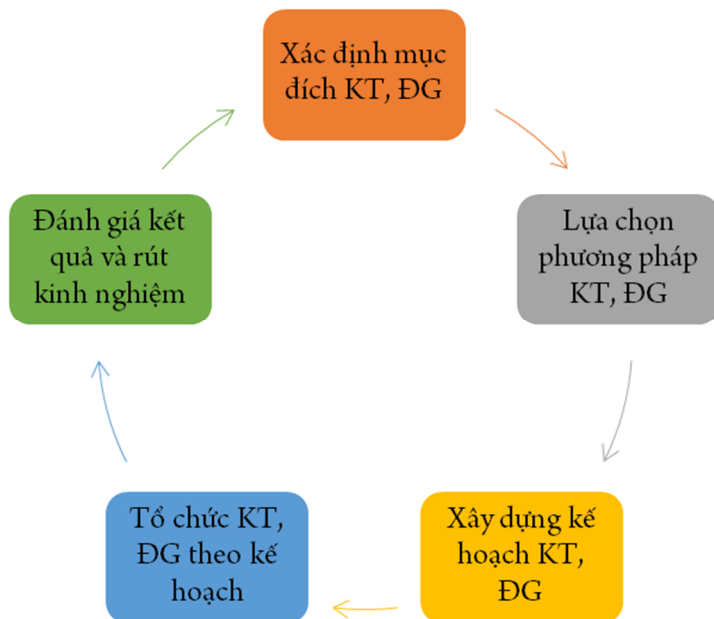
+ Đánh giá qua quá trình thực hành: là việc giáo viên đánh giá năng lực vận dụng lý thuyết của học sinh khuyết tật nhìn vào thực hành và xử lý các tình huống xảy ra trong thực tiễn khi học sinh làm. Như vậy đòi hỏi giáo viên phải có kỹ năng quan sát và đưa ra được các tiêu chí cụ thể phù hợp cũng như mục tiêu đạt được cho học sinh khuyết tật nhìn (có sự điều chỉnh theo kế hoạch giáo dục cá nhân của học sinh).

+ Đánh giá sản phẩm cuối cùng do học sinh khuyết tật nhìn tạo ra. Sản phẩm có thể làm cá nhân hoặc làm theo nhóm. Nếu sản phẩm làm theo nhóm thì giáo viên cần cố gắng khuyến khích học sinh khuyết tật nhìn tham gia thuyết trình, báo cáo về sản phẩm đó.

Kết luận: Có nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trong quá trình triển khai giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật nhìn thì giáo viên cần lựa chọn và sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá cho phù hợp nhất với mục tiêu đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn. Đặc biệt, khi lựa chọn phương pháp đánh giá nào thì giáo viên cũng cần lưu ý đến môi trường, các đồ dùng phương tiện cần thiết nhất để học sinh khuyết tật nhìn thuận lợi tham gia và quá trình đánh giá. Giáo viên cũng có thể vận dụng các hình thức điều chỉnh đánh giá khác nhau để đảm bảo sự công bằng cho học sinh khuyết tật nhìn như: điều chỉnh thời gian, điều chỉnh về nội dung kiểm tra...

2.2.5.6. Các bước tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở

Khi tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn thì giáo viên cần thực hiện theo các bước sau:



Sơ đồ 2.2. Quy trình tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở

2.3. MỘT SỐ VÍ DỤ MINH HỌA VỀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỘT SỐ MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC 2018 CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN

2.3.1. Môn Toán

Những nội dung được xem xét được đề cập tại mục “Học sinh khuyết tật nhìn”, những nội dung khác được thực hiện như học sinh sáng trong chương trình phổ thông

2.3.1.1. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt

a. Mục tiêu môn Toán trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 dành cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập cấp trung học cơ sở

Mục tiêu môn Toán	Học sinh khuyết tật nhìn
Môn Toán cấp trung học cơ sở nhằm giúp học sinh đạt các mục tiêu chủ yếu sau: a. Góp phần hình thành và phát triển năng lực toán học với yêu cầu cần đạt: nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề, thực hiện được việc lập luận hợp lí khi giải quyết vấn đề, chứng minh được mệnh đề toán học không quá phức tạp; <i>sử dụng được các mô hình toán học (công thức toán học, phương trình đại số, hình biểu diễn...) để mô tả tình huống xuất hiện trong một số bài toán thực tiễn không quá phức tạp</i>; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để biểu đạt các nội dung toán học cũng như thể hiện chứng cứ, cách thức và kết quả lập luận; trình bày được ý tưởng và cách sử dụng công cụ, phương tiện học toán để thực hiện một nhiệm vụ học tập hoặc để diễn tả những lập luận, chứng minh toán học. b. Có những kiến thức và kĩ năng toán học cơ bản về: – Số và Đại số: Hệ thống số (từ số tự nhiên đến số thực); tính toán và sử dụng công cụ tính toán; ngôn ngữ và kí hiệu đại số; biến đổi biểu thức đại số, phương trình, hệ phương trình, bất phương trình; sử dụng ngôn ngữ hàm số để mô tả (mô hình hoá) một số quá trình và hiện tượng trong thực tiễn. – Hình học và đo lường: Nội dung Hình học và Đo lường ở cấp học này bao gồm Hình học trực quan và Hình học	Nhìn chung, học sinh khuyết tật nhìn sẽ đạt được hầu hết các mục tiêu như một học sinh sáng mắt. Tuy nhiên, để đạt được các mục tiêu trên học sinh khuyết tật cần phải điều chỉnh một số phương pháp khác biệt và thông qua các đồ dùng dạy học chuyên dụng cho học sinh khuyết tật nhìn. Dưới đây là các mục tiêu điều chỉnh cần thiết: Học sinh có thể hiểu và sử dụng một số hình biểu diễn <i>để mô tả tình huống xuất hiện trong một số bài toán thực tiễn không quá phức tạp</i> thông qua các đồ dùng học tập chuyên dùng cho học sinh khuyết tật nhìn. Học sinh cũng có thể dùng lời nói hoặc ngôn ngữ viết để mô tả những hình biểu diễn này. Học sinh khuyết tật nhìn sử dụng được các kí hiệu chữ Braille tương ứng với các kí hiệu toán học của chữ sáng khi biểu diễn các công thức toán học.

Mục tiêu môn Toán	Học sinh khuyết tật nhìn
phẳng. Hình học trực quan tiếp tục cung cấp ngôn ngữ, kí hiệu, mô tả (ở mức độ trực quan) những đối tượng của thực tiễn (hình phẳng, hình khối); tạo lập một số mô hình hình học thông dụng; tính toán một số yếu tố hình học; phát triển trí tưởng tượng không gian; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với Hình học và Đo lường. Hình học phẳng cung cấp những kiến thức và kĩ năng (ở mức độ suy luận logic) về các quan hệ hình học và một số hình phẳng thông dụng (điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng, góc, hai đường thẳng song song, tam giác, tứ giác, đường tròn). – Thống kê và Xác suất: Thu thập, phân loại, biểu diễn, phân tích và xử lí dữ liệu thống kê; phân tích dữ liệu thống kê thông qua tần số, tần số tương đối; nhận biết một số quy luật thống kê đơn giản trong thực tiễn; sử dụng thống kê để hiểu các khái niệm cơ bản về xác suất thực nghiệm của một biến cố và xác suất của một biến cố; nhận biết ý nghĩa của xác suất trong thực tiễn. c. Góp phần giúp học sinh có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề gắn với môn Toán; có ý thức hướng nghiệp dựa trên năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân; định hướng phân luồng sau trung học cơ sở (tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động).	Học sinh khuyết tật nhìn hiểu và mô tả được các hình hình học một cách trực quan thông qua các đồ dùng học tập chuyên dùng cho học sinh khuyết tật nhìn. Học sinh cũng có thể nắm vững các khái niệm hình học, sử dụng ngôn ngữ viết, hoặc lời nói để mô tả các hình hình học. Bên cạnh đó học sinh cũng nắm vững các kí hiệu chữ Braille tương đương để thay thế cho các kí hiệu toán học giành cho chữ sáng khi biểu diễn các quan hệ hình học. Cung cấp những kiến thức và kĩ năng (ở mức độ suy luận logic) về các quan hệ hình học và một số hình phẳng thông dụng (điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng, góc, hai đường thẳng song song, tam giác, tứ giác, đường tròn). Học sinh khuyết tật nhìn sẽ dùng ngôn ngữ viết để thể hiện các kết quả của bài toán thống kê thay cho việc sử dụng các bảng biểu như học sinh sáng mắt.

b. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung, năng lực đặc thù

– Đối với yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung: Học sinh khuyết tật nhìn có yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung như học sinh phổ thông, được quy định tại mục IX của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

– Đối với yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù với môn toán cấp trung học cơ sở:

Thành phần năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật nhìn
Năng lực tư duy và lập luận toán học thể hiện qua việc: – Thực hiện được các thao tác tư duy như: So sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt hoá, khái quát hoá, tương tự; quy nạp, diễn dịch. – Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lý trước khi kết luận. – Giải thích hoặc điều chỉnh được cách thức giải quyết vấn đề về phương diện toán học.	– Thực hiện được các thao tác tư duy, đặc biệt biết quan sát, giải thích được sự tương đồng và khác biệt trong nhiều tình huống và thể hiện được kết quả của việc quan sát. – Thực hiện được lập luận hợp lý khi giải quyết vấn đề. – Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. Chứng minh được mệnh đề toán học không quá phức tạp.	– Thực hiện được các thao tác tư duy với các tình huống ít hoặc không đòi hỏi khả năng quan sát bằng mắt.
Năng lực mô hình hóa toán học thể hiện qua việc: – Xác định được mô hình toán học (gồm các công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị...) cho	– Sử dụng được các mô hình toán học (gồm công thức toán học, sơ đồ, bảng biểu, hình vẽ, phương trình, hình biểu diễn...) để mô tả tình huống xuất hiện trong 1 số bài toán thực tiễn không quá phức tạp.	– Sử dụng thay thế bằng lời nói hoặc chữ viết để mô tả tình huống xuất hiện trong một số bài toán thực tiễn

Thành phần năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật nhìn
tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn; – Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập; – Thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tế và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.	– Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập. – Thể hiện được lời giải toán học vào ngữ cảnh thực tiễn và làm quen với việc kiểm chứng tính đúng đắn của lời giải.	không quá phức tạp. – Giải quyết được những vấn đề toán học khi mô hình thiết lập được diễn giải hoặc giải thích bằng ngôn ngữ nói hoặc viết.
Năng lực giải quyết vấn đề toán học thể hiện qua việc: – Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng toán học. – Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề. – Sử dụng được các kiến thức, kĩ năng toán học tương thích (bao gồm các công cụ và thuật toán) để giải quyết vấn đề đặt ra. – Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.	– Phát hiện được vấn đề cần giải quyết. – Xác định được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề. – Sử dụng được các kiến thức, kĩ năng toán học tương thích để giải quyết vấn đề. – Giải thích được giải pháp đã thực hiện.	– Học sinh có thể toán học hóa các tình huống cần giải quyết cụ thể. Sau đó tìm các mối liên hệ qua lại giữa các yếu tố để giải bài toán từ đó giải quyết được tình huống cụ thể.

Thành phần năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật nhìn
Năng lực giao tiếp toán học thể hiện qua việc: – Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép được các thông tin toán học cần thiết được trình bày dưới dạng văn bản toán học hay do người khác nói hoặc viết ra. – Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác). – Sử dụng được hiệu quả ngôn ngữ toán học (chữ số, chữ cái, kí hiệu, biểu đồ, đồ thị, các liên kết logic...) kết hợp với ngôn ngữ thông thường hoặc động tác hình thể khi trình bày, giải thích và đánh giá các ý tưởng toán học trong sự tương tác (thảo luận, tranh luận) với người khác – Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận,	– Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép (tóm tắt) được các thông tin toán học cơ bản, trọng tâm trong văn bản (ở dạng văn bản nói hoặc viết). Từ đó phân tích, lựa chọn, trích xuất được các thông tin toán học cần thiết từ văn bản (ở dạng văn bản nói hoặc viết). – Thực hiện được việc trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (ở mức tương đối đầy đủ, chính xác); – Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để biểu đạt các nội dung toán học cũng như thể hiện chứng cứ, cách thức và kết quả lập luận. – Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, thảo	– Học sinh khuyết tật nhìn có thể biểu diễn, thể hiện các bài toán bằng các kí hiệu Braille tương đương với các kí hiệu toán học của học sinh sáng mắt.

Thành phần năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật nhìn
tranh luận các nội dung, ý tưởng liên quan đến toán học.	luận, tranh luận, giải thích các nội dung toán học trong một số tình huống không quá phức tạp	
Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán thể hiện qua việc: – Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các đồ dùng, phương tiện trực quan thông thường, phương tiện khoa học công nghệ (đặc biệt là phương tiện sử dụng công nghệ thông tin), phục vụ cho việc học Toán. – Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán, đặc biệt là phương tiện khoa học công nghệ để tìm tòi, khám phá và giải quyết vấn đề toán học (phù hợp với đặc điểm nhận thức lứa tuổi). – Nhận biết được các ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lí.	– Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện học toán (mô hình hình học phẳng và không gian, thước đo góc, thước cuộn, tranh ảnh, biểu đồ...). – Trình bày được cách sử dụng công cụ, phương tiện học toán để thực hiện nhiệm vụ học tập hoặc để diễn tả những lập luận, chứng minh toán học – Sử dụng được máy tính cầm tay, một số phần mềm tin học và phương tiện công nghệ hỗ trợ học tập. – Chỉ ra được các ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lí.	– Học sinh khuyết tật nhìn rèn luyện khả năng sử dụng những mô hình toán học, những đồ dùng học tập chuyên dụng cho các em để từ đó dễ dàng tiếp thu các kiến thức toán.

2.3.1.2. Những thuận lợi và khó khăn của học sinh khuyết tật nhìn khi tham gia học tập môn Toán cấp trung học cơ sở

a. Thuận lợi:

– Khi học toán, học sinh khuyết tật nhìn có thể phát triển được các năng lực như:

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

b. Khó khăn:

+ Học sinh khuyết tật nhìn gặp khó khăn (hoặc hoàn toàn không thể) tiếp nhận hình ảnh trực quan sinh động – giai đoạn khởi đầu của quá trình nhận thức;

+ Học sinh khuyết tật nhìn gặp hạn chế trong những tình huống gợi mở, những tình huống hướng đến việc các em có thể đặt vấn đề và việc hứng thú giải quyết vấn đề, đặc biệt là các vấn đề có liên quan đến hình ảnh;

+ Học sinh khuyết tật nhìn gặp hạn chế trong việc ghi nhớ các tri thức thông qua biểu tượng bằng sơ đồ hoặc bằng hình ảnh;

+ Đồ dùng học tập và tài liệu học của các em vẫn khan hiếm cũng gây ảnh hưởng đến khả năng học toán của các em;

2.3.1.3. Thực hiện chương trình môn Toán cho học sinh khuyết tật nhìn

a. Phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học đặc thù

– Giáo viên hòa nhập sử dụng các phương pháp giảng dạy thông thường như một lớp học không có học sinh khuyết tật nhìn. Tuy nhiên cần lưu ý một số vấn đề sau:

+ Giáo viên cần đọc lớn những gì ghi chép trên bảng, có thể giáo viên cần nhấn mạnh nhiều lần những vấn đề mấu chốt để học sinh khuyết tật nhìn tiện theo dõi, vì việc tiếp thu kiến thức của các em phần lớn thông qua kênh thính giác;

+ Ở những kiến thức mới, giáo viên giảng chậm và chi tiết từng lời giải để các em dễ dàng nắm bắt quá trình tư duy giải quyết vấn đề và hiểu được cách trình bày một bài toán;

+ Giáo viên cũng cần giành một khoảng thời gian riêng ngắn để mô tả, hướng dẫn cho các em học sinh về các hình biểu diễn nếu có xuất hiện trong bài toán;

+ Giáo viên cũng nên gợi ý một số phương pháp tính nhanh để các em học sinh này có thể tăng tốc độ tính toán vì đa số các em không sử dụng máy tính bỏ túi hoặc nếu có thì cũng rất thô sơ ít chức năng.

b. Gợi ý xem xét một số nội dung trong môn Toán lớp 6 với học sinh học sinh khuyết tật nhìn

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
Số tự nhiên + Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên + Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên + Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. + Ước chung và bội chung	- Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp. - Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. - Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân. - Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã. - Nhận biết được (quan hệ) thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên; so sánh được hai số tự nhiên cho trước. - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. - Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và	Học sinh khuyết tật nhìn sẽ đạt được các yêu cầu cần đạt của chương trình thông qua một số điều chỉnh sau: - Cung cấp cho học sinh các kí hiệu chữ Braille tương ứng với các kí hiệu toán học bằng chữ sáng. - Hướng dẫn học sinh cách biểu diễn tập hợp số tự nhiên trên tia số. - Hướng dẫn học sinh một số phương pháp tính toán nhanh giúp học sinh theo kịp tốc độ học tập của lớp.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
	phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. – Vận dụng được các tính chất của phép tính để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; nhận biết được phân số tối giản; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
	ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất. – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn	
Số nguyên + Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên. + Các phép tính với số nguyên. + Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	– Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên. – Biểu diễn được số nguyên trên trục số. – Nhận biết được số đối của một số nguyên. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên. So sánh được hai số nguyên cho trước. – Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn. – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Nhận biết được quan hệ chia	Học sinh khuyết tật nhìn sẽ đạt được các yêu cầu cần đạt của chương trình thông qua một số điều chỉnh sau: – Cung cấp cho học sinh các kí hiệu chữ Braille tương ứng với các kí hiệu toán học bằng chữ sáng. – Hướng dẫn học sinh cách biểu diễn tập hợp số nguyên trên trục số. – Hướng dẫn học sinh một số phương pháp tính toán nhanh giúp học sinh theo kịp tốc độ học tập của lớp.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
	hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên	
Phân số + <i>Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số</i> + <i>Các phép tính với phân số</i>	– Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số. – So sánh được hai phân số cho trước. – Nhận biết được số đối của một phân số. – Nhận biết được hỗn số dương. – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.	Học sinh khuyết tật nhìn sẽ đạt được các yêu cầu cần đạt của chương trình thông qua một số điều chỉnh sau: – Cung cấp cho học sinh các kí hiệu chữ Braille tương ứng với các kí hiệu toán học bằng chữ sáng. – Hướng dẫn học sinh một số phương pháp tính toán nhanh giúp học sinh theo kịp tốc độ học tập của lớp.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số	
Số thập phân + <i>Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm</i>	– Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. – So sánh được hai số thập phân cho trước. – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học...).	Học sinh khuyết tật nhìn sẽ đạt được các yêu cầu cần đạt của chương trình thông qua một số điều chỉnh sau: – Cung cấp cho học sinh các kí hiệu chữ Braille tương ứng với các kí hiệu toán học bằng chữ sáng. – Hướng dẫn học sinh một số phương pháp tính toán nhanh giúp học sinh theo kịp tốc độ học tập của lớp.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
Các hình hình học cơ bản + Điểm, đường thẳng, tia Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng + Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc	- Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: Điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. - Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. - Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. - Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. - Nhận biết được khái niệm tia. - Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. - Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm). - Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt). - Nhận biết được khái niệm số đo góc.	Học sinh khuyết tật nhìn sẽ đạt được các yêu cầu cần đạt của chương trình thông qua một số điều chỉnh sau: - Cung cấp cho học sinh các kí hiệu chữ Braille tương ứng với các kí hiệu toán học bằng chữ sáng. - Hướng dẫn học sinh cách sử dụng các đồ dùng học tập của học sinh khuyết tật nhìn để vẽ các hình vẽ trong từng bài học của chương trình. Để học sinh dễ tìm được mối quan hệ giữa khái niệm và hình vẽ thực.

c. Tổ chức dạy môn Toán cho học sinh khuyết tật nhìn

– Tổ chức giảng dạy trên lớp:

+ Giáo viên cần đọc lớn những gì ghi chép trên bảng, có thể giáo viên cần nhấn mạnh nhiều lần những vấn đề mấu chốt để học sinh khuyết tật nhìn tiện theo dõi. Vì việc tiếp thu kiến thức của các em chỉ qua kênh nghe.

+ Ở những kiến thức mới, giáo viên giảng chậm và chi tiết từng lời giải để các em dễ dàng nắm bắt quá trình tư duy giải quyết vấn đề và hiểu được cách trình bày một bài toán.

+ Giáo viên cũng cần giành một khoảng thời gian ngắn để mô tả, hướng dẫn cho các em học sinh về các hình biểu diễn nếu có.

+ Giáo viên cũng nên gợi ý một số phương pháp tính nhanh để các em học sinh này có thể tăng tốc độ tính toán vì đa số các em không sử dụng máy tính bỏ túi hoặc nếu có thì cũng rất thô sơ ít chức năng.

+ Giáo viên cũng cần giành một khoảng thời gian để hướng dẫn các em sử dụng các đồ dùng học tập chuyên dùng của học sinh khuyết tật nhìn.

– Hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn ngoài giờ lên lớp:

+ Giáo viên liên hệ thường xuyên với giáo viên hỗ trợ hòa nhập hoặc gia đình để trao đổi về vấn đề học tập từ đó có phương pháp tốt hơn giúp các em học tốt môn toán;

+ Giáo viên cần chia sẻ những tài liệu học tập trên lớp cho giáo viên hỗ trợ hòa nhập hoặc gia đình để họ dễ dàng hơn trong hỗ trợ các em ngoài giờ lên lớp hoặc tại gia đình;

d. Đánh giá theo hướng tiếp cận hình thành năng lực của môn Toán với học sinh học sinh khuyết tật nhìn

– Một số biện pháp kiểm tra đánh giá có hiệu quả đối với các em học sinh khuyết tật nhìn:

+ Đối với các bài kiểm tra 15 phút hoặc 1 tiết giáo viên có thể yêu cầu học sinh đọc trực tiếp ngay tại lớp học kết quả làm được từ đó giáo viên đánh giá được năng lực tiếp thu của học sinh;

+ Đối với các bài kiểm tra học kì nhà trường có thể tổ chức cho các em thi vấn đáp theo đúng quy cách của việc thi vấn đáp để đánh giá năng lực các em;

+ Nhà trường cũng có thể đề nghị giáo viên hỗ trợ hòa nhập, giáo viên trường chuyên biệt, nhân viên của Hội người mù (nếu có tại địa phương) dịch từ chữ Braille sang chữ in thường để đánh giá năng lực học sinh. Một số học sinh có khả năng sử dụng máy vi tính để trình bày bài thi nhà trường cũng có thể tạo điều kiện cho các em làm bài trực tiếp trên máy vi tính;

+ Trong quá trình kiểm tra đánh giá bài làm của học sinh khuyết tật nhìn cần thêm thời gian làm bài cho các em và giảm số lượng bài cũng như giảm mức độ khó của bài.

2.3.2. Môn Khoa học tự nhiên

2.3.2.1. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt

a. Mục tiêu môn Khoa học tự nhiên trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 dành cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập cấp trung học cơ sở

Mục tiêu chương trình	Mục tiêu dành cho học sinh khuyết tật nhìn
– Môn Khoa học tự nhiên hình thành, phát triển ở học sinh năng lực khoa học tự nhiên, bao gồm các thành phần: + Nhận thức khoa học tự nhiên, + Tìm hiểu tự nhiên, + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. – Đồng thời cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu thiên nhiên, thế giới quan khoa học, sự tự tin, trung thực, khách quan, thái độ ứng xử với thế giới tự nhiên phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động có văn hoá, cần cù, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời đại toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới.	– Đối với học sinh khuyết tật nhìn, môn khoa học tự nhiên hình thành và phát triển ở học sinh năng lực khoa học tự nhiên ở 3 thành phần giống với mục tiêu chương trình. Tuy vậy, mục tiêu môn học này còn giúp học sinh có những kết nối giữa nhận thức về khoa học tự nhiên với các trải nghiệm về tự nhiên và vận dụng những kiến thức, trải nghiệm đó trong hoạt động sống độc lập hàng ngày (định hướng di chuyển, tự phục vụ, hoạt động lao động...).

b. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung, năng lực đặc thù

– *Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung*

Môn khoa học tự nhiên góp phần hình thành và phát triển ở học sinh khuyết tật nhìn các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại chương trình tổng thể.

– *Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù với môn khoa học tự nhiên cấp trung học cơ sở*

Thành phần năng lực	Học sinh cấp trung học cơ sở	Biểu hiện ở học sinh khuyết tật nhìn
Nhận thức khoa học tự nhiên	– Trình bày, giải thích được những kiến thức cốt lõi về thành phần cấu trúc, sự đa dạng, tính hệ thống, quy luật vận động, tương tác và biến đổi của thế giới tự nhiên. Các biểu hiện cụ thể: + Nhận biết và nêu được tên các sự vật, hiện tượng, khái niệm, quy luật, quá trình của tự nhiên; + Trình bày được các sự vật, hiện tượng; vai trò của các sự vật, hiện tượng và các quá trình tự nhiên bằng các hình thức biểu đạt như ngôn ngữ nói, viết, công thức, sơ đồ, biểu đồ; + So sánh, phân loại, lựa chọn được các sự vật, hiện tượng, quá trình tự nhiên theo các tiêu chí khác nhau; + Phân tích được các đặc điểm của một sự vật, hiện tượng, quá trình của tự nhiên theo logic nhất định; + Tìm được từ khoá, sử dụng được thuật ngữ khoa học, kết nối được thông tin theo logic có ý nghĩa, lập được dàn ý khi đọc và trình bày các văn bản khoa học; + Giải thích được mối quan hệ giữa các sự vật và hiện tượng (quan hệ nguyên nhân – kết quả, cấu tạo – chức năng ...) của lĩnh vực khoa học tự nhiên;	– Trình bày được các sự vật, hiện tượng; vai trò của các sự vật, hiện tượng và các quá trình tự nhiên bằng các hình thức biểu đạt như ngôn ngữ nói, viết bằng chữ nổi, chữ to ...

Thành phần năng lực	Học sinh cấp trung học cơ sở	Biểu hiện ở học sinh khuyết tật nhìn
	+ Nhận ra điểm sai và chỉnh sửa được; đưa ra được những nhận định phê phán có liên quan đến chủ đề thảo luận.	
Tìm hiểu tự nhiên	Thực hiện được một số kĩ năng cơ bản để tìm hiểu, giải thích sự vật hiện tượng trong tự nhiên và đời sống. Chứng minh được các vấn đề trong thực tiễn bằng các dẫn chứng khoa học. Các biểu hiện cụ thể: – Đề xuất vấn đề, đặt câu hỏi cho vấn đề: + Nhận ra và đặt được câu hỏi liên quan đến vấn đề; + Phân tích bối cảnh để đề xuất được vấn đề nhờ kết nối kiến thức và kinh nghiệm đã có và dùng ngôn ngữ của mình để biểu đạt vấn đề đã đề xuất. – Đưa ra phán đoán và xây dựng giả thuyết: + Phân tích vấn đề để nêu được phán đoán; + Xây dựng và phát biểu được giả thuyết cần tìm hiểu. – Lập kế hoạch thực hiện: + Xây dựng được khung logic nội dung tìm hiểu; + Lựa chọn được phương pháp thích hợp (quan sát, thực nghiệm, điều tra, phỏng vấn, hồi cứu tư liệu...);	– Viết, trình bày báo cáo và thảo luận:

Thành phần năng lực	Học sinh cấp trung học cơ sở	Biểu hiện ở học sinh khuyết tật nhìn
	+ Lập được kế hoạch triển khai tìm hiểu. – Thực hiện kế hoạch: + Thu thập, lưu giữ được dữ liệu từ kết quả tổng quan, thực nghiệm, điều tra; + Đánh giá được kết quả dựa trên phân tích, xử lí các dữ liệu bằng các tham số thống kê đơn giản; + So sánh kết quả với giả thuyết, giải thích, rút ra được kết luận và điều chỉnh khi cần thiết; – Viết, trình bày báo cáo và thảo luận: + Sử dụng được ngôn ngữ, hình vẽ, sơ đồ, biểu bảng để biểu đạt quá trình và kết quả tìm hiểu; + Viết được báo cáo sau quá trình tìm hiểu; + Hợp tác được với người khác bằng thái độ lắng nghe tích cực và tôn trọng quan điểm, ý kiến đánh giá do người khác đưa ra để tiếp thu tích cực và giải trình, phản biện, bảo vệ kết quả tìm hiểu một cách thuyết phục. – Ra quyết định và đề xuất ý kiến.	+ Sử dụng được ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết (chữ nổi, văn bản viết trên máy tính...) để biểu đạt quá trình và kết quả tìm hiểu; + Viết được báo cáo sau quá trình tìm hiểu; + Hợp tác được với người khác bằng thái độ lắng nghe tích cực và tôn trọng quan điểm, ý kiến đánh giá do người khác đưa ra để tiếp thu tích cực và giải trình, phản biện, bảo vệ kết quả tìm hiểu một cách thuyết phục; - Ra quyết định và đề xuất ý kiến.
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	– Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về khoa học tự nhiên để giải thích những hiện tượng thường gặp trong tự nhiên và trong đời sống; những vấn đề về bảo vệ môi trường và phát	– Vận dụng những kiến thức, kĩ năng về khoa học tự nhiên để giải thích những hiện tượng thường gặp

Thành phần năng lực	Học sinh cấp trung học cơ sở	Biểu hiện ở học sinh khuyết tật nhìn
	triển bền vững; ứng xử thích hợp và giải quyết những vấn đề đơn giản liên quan đến bản thân, gia đình, cộng đồng. Các biểu hiện cụ thể: + Nhận ra, giải thích được vấn đề thực tiễn dựa trên kiến thức khoa học tự nhiên; + Dựa trên hiểu biết và các cứ liệu điều tra, nêu được các giải pháp và thực hiện được một số giải pháp để bảo vệ tự nhiên; thích ứng với biến đổi khí hậu; có hành vi, thái độ phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.	trong tự nhiên và trong đời sống. Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học trong thực hiện những kĩ năng sống độc lập tại gia đình như: tự phục vụ bản thân, định hướng di chuyển, kĩ năng lao động...

2.3.2.2. Những thuận lợi và khó khăn của học sinh khuyết tật nhìn khi tham gia học tập môn khoa học tự nhiên

Học sinh khuyết tật nhìn hoàn toàn có khả năng học tập môn khoa học tự nhiên giống như những học sinh khác cùng độ tuổi. Học sinh sẽ có những thuận lợi và khó khăn (do đặc điểm dạng khuyết tật đặc thù) như sau:

a. Thuận lợi

– Hầu hết học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở đều có khả năng định hướng và di chuyển tương đối tốt. Học sinh có thể di chuyển và sử dụng các thiết bị trong lớp thành thạo nếu được hướng dẫn trước đó.

– Học sinh có khả năng sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (chữ nổi, chữ to hoặc thể hiện ngôn ngữ viết qua máy tính) để thể hiện nhận thức về khoa học tự nhiên; làm việc nhóm với những học sinh khác; tìm hiểu thông tin trên sách, các thiết bị có thể truy nhập internet; trình bày kết quả thảo luận...

– Học sinh có thể thực hiện các thí nghiệm và đảm nhận vai trò của các thành viên trong một nhóm làm việc giống như những học sinh khác trong lớp hòa nhập. Tuy nhiên, có thể học sinh sẽ cần hướng dẫn bởi giáo viên hoặc một học sinh sáng khác để có thể giúp đỡ trong những tình huống cần thiết.

b. Khó khăn

– Vì hướng dẫn khoa học phụ thuộc nhiều vào hướng dẫn trực quan nên học sinh khuyết tật nhìn có thể gặp khó khăn trong xây dựng các khái niệm khoa học tự nhiên mang tính trừu tượng.

– Học sinh khuyết tật nhìn đôi khi cần nhiều thời gian hơn trong việc tri giác các hiện tượng hoặc thí nghiệm...

– Các loại bảng, biểu đồ, hình ảnh minh họa cần được chuyển thể thành lời nói.

– Các loại tài liệu bằng chữ in to hoặc chữ nổi về khoa học tự nhiên chưa có hoặc rất hạn chế để có thể là nguồn thông tin tham khảo cho học sinh khuyết tật nhìn.

– Các phương pháp giảng dạy khoa học tự nhiên truyền thống dường như không mang lại kết quả đối với học sinh khuyết tật nhìn. Học sinh sẽ cần nhiều hơn các đồ dùng, trang thiết bị như tài liệu video (có giải thích rõ bằng lời), tài liệu chữ nổi; thí nghiệm khoa học...

2.3.2.3. Thực hiện chương trình môn Khoa học tự nhiên cho học sinh khuyết tật nhìn

a. Phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học đặc thù

Những định hướng về phương pháp giáo dục nói chung

– Dạy học môn Khoa học tự nhiên chủ yếu sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, trong đó giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích các em tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển. Phát triển kỹ năng tiến trình rất quan trọng trong hình thành và phát triển năng lực tìm tòi, khám phá tự nhiên, hình thành và phát triển thế giới quan khoa học cho Học sinh, trong đó, quan sát, đặt câu hỏi với nêu giả thuyết, lập kế hoạch và thực hiện, xử lý và phân tích dữ liệu, đánh giá, trình bày báo cáo là những kỹ năng cần được rèn luyện thường xuyên và có trọng số thích đáng trong đánh giá kết quả học tập. Các phương pháp giáo dục chủ yếu được lựa chọn theo các định hướng sau:

+ Dạy học bằng tổ chức chuỗi hoạt động tìm tòi, khám phá tự nhiên;

+ Rèn luyện được cho học sinh phương pháp nhận thức, kỹ năng học tập, thao tác tư duy;

+ Thực hành thí nghiệm, hoạt động trải nghiệm trong môi trường tự nhiên, thực tiễn đời sống cá nhân và xã hội;

+ Tăng cường phối hợp hoạt động học tập cá nhân với học hợp tác nhóm nhỏ;

+ Kiểm tra, đánh giá, đặc biệt đánh giá quá trình được vận dụng với tư cách phương pháp tổ chức hoạt động học tập.

Những biện pháp dạy học đặc thù dành cho học sinh khuyết tật nhìn

– Luôn nói với học sinh về những gì sẽ là tốt nhất nhằm giúp đỡ học sinh có thể tham gia tất cả các hoạt động cùng với những học sinh khác trong lớp.

– Dạy học trực quan có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với học sinh khuyết tật nhìn: các mô hình, tài liệu xúc giác, vật thật, những trải nghiệm thực tế của học sinh ...

– Sử dụng lời nói ngắn gọn, dễ hiểu nhằm cung cấp thông tin, giải thích hiện tượng để truyền đạt các khái niệm khoa học tự nhiên. Lời nói cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc diễn đạt các bảng, biểu đồ, mô hình, tranh ảnh minh họa...

– Khuyến khích học sinh sử dụng tối đa các giác quan còn lại (bao gồm phần thị lực còn lại) trong các hoạt động học tập khoa học tự nhiên.

– Điều chỉnh các hoạt động học tập đáp ứng nhu cầu và khả năng của học sinh nhằm đảm bảo học sinh luôn có cảm giác thành công trong các hoạt động học tập cũng như trải nghiệm.

– Ưu tiên các thí nghiệm hay các hoạt động học tập có âm thanh/ mùi vị/ cảm giác bề mặt...

b. Gợi ý xem xét nội dung chương trình môn Khoa học tự nhiên lớp 6 với học sinh khuyết tật nhìn

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
Giới thiệu về Khoa học tự nhiên	- Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên; Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên	- Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. - Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.	
Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	- Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...). - Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. - Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. - Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. - Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.	- Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...). - Sử dụng các đơn vị đo ước lượng: Găng tay, bước chân, sai tay. - Thực hành đo những đồ vật gắn liền với cuộc sống hàng ngày, phòng học, phòng ở. - Xem giờ trên các thiết bị đặc thù: Đồng hồ có tiếng nói, đồng hồ nổi, đồng hồ trên các thiết bị điện tử. - Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
Các thể (trạng thái) của chất - Sự đa dạng của chất. - Ba thể (trạng thái) cơ bản của chất. - Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất.	- Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...). - Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. - Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. - Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lý, tính chất hoá học). - Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. - Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất. - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): Nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.	Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua tri giác xúc giác.
Oxygen (oxi) và không khí	- Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...) - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). - Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.	Tham gia thực hành thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
	- Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: Các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.	
Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng - Một số vật liệu - Một số nhiên liệu - Một số nguyên liệu - Một số lương thực – thực phẩm	Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: + Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh, ...); + Một số nhiên liệu (than, gas, xăng dầu, ...); sơ lược về an ninh năng lượng; + Một số nguyên liệu (quặng, đá vôi, ...); + Một số lương thực – thực phẩm. - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng. - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. - Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch	- Nêu được khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết. - Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi, dung dịch là gì; phân biệt được dung môi và dung dịch. - Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất. - Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương. - Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước. - Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước.	Lược bỏ
Tách chất ra khỏi hỗn hợp	- Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó. - Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.	
Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	- Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào. - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
- Khái niệm tế bào. - Hình dạng và kích thước tế bào. - Cấu tạo và chức năng tế bào. - Sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống.	- Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào); nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh. - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh. - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào $\rightarrow$ 2 tế bào $\rightarrow$ 4 tế bào... $\rightarrow$ n tế bào). - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.	- Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua được mô tả hình ảnh. - Lược bỏ - Lược bỏ
Từ tế bào đến cơ thể - Từ tế bào đến mô. - Từ mô đến cơ quan. - Từ cơ quan đến hệ cơ quan.	- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Từ đó, nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được các ví dụ minh họa. - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào:	Lược bỏ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
- Từ hệ cơ quan đến cơ thể.	Vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: Thực vật, động vật,...). - Thực hành: + Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...); + Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh; + Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người.	
Đa dạng thế giới sống Phân loại thế giới sống	- Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống. - Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật. - Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới. - Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống. - Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học.	
Virus và vi khuẩn: - Khái niệm. - Cấu tạo sơ lược.	- Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein) và vi khuẩn. - Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào).	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
- Sự đa dạng. - Một số bệnh gây ra bởi virus và vi khuẩn.	- Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn. - Nêu được một số bệnh do virus và vi khuẩn gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra. - Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus và vi khuẩn trong thực tiễn. - Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: Vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu).	
Đa dạng nguyên sinh vật: - Sự đa dạng của nguyên sinh vật. - Một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.	- Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: Trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...). - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. - Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi.	Lược bỏ
Đa dạng nấm:	- Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: Nấm đảm, nấm túi, ...).	- Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua tri giác mẫu vật

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
- Sự đa dạng của nấm - Vai trò của nấm - Một số bệnh do nấm gây ra	- Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc, ...). - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. - Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... - Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).	(nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: Nấm đảm, nấm túi, ...). - Lược bỏ
Đa dạng thực vật: - Sự đa dạng - Thực hành	- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa. - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.	- Lược bỏ - Lược bỏ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
	- Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...).	- Kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.
Bảo vệ đa dạng sinh học	Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.	
Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	- Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).	- Tham gia theo nhóm nhằm thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: Quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. - Tri giác và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. - Lược bỏ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
	- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	
Các phép đo - Đo chiều dài, khối lượng và thời gian - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng, chiều dài, thời gian. - Dùng thước, cân, đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. - Đo được chiều dài, khối lượng, thời gian bằng thước, cân, đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo; ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).	- Tham gia theo nhóm dùng thước, cân, đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
	- Nêu được tác dụng cản trở và tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát. - Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ. - Thực hiện được thí nghiệm chứng tỏ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong nước (hoặc không khí). - Nêu được các khái niệm: Khối lượng (số đo lượng chất của một vật), lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng), trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật). - Thực hiện thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.	
Năng lượng - Khái niệm về năng lượng. - Một số dạng năng lượng. - Sự chuyển	- Từ tranh ảnh (hình vẽ, hoặc học liệu điện tử) hiện tượng trong khoa học hoặc thực tế, lấy được ví dụ để chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. - Phân loại được năng lượng theo tiêu chí. - Nêu được: Vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy gọi là nhiên liệu. - Nêu được sự truyền năng lượng trong một số trường hợp đơn giản trong thực tiễn.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
hoá năng lượng. - Năng lượng hao phí. - Năng lượng tái tạo. - Tiết kiệm năng lượng.	- Lấy ví dụ chứng tỏ được: Năng lượng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh hoạ. - Nêu được: Năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. - Lấy được ví dụ về một số loại năng lượng tái tạo thông dụng. - Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động hằng ngày.	
Trái Đất và bầu trời - Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời. - Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng Hệ Mặt Trời. - Ngân Hà	- Giải thích được một cách định tính và sơ lược: Từ Trái Đất thấy Mặt Trời mọc và lặn hằng ngày - Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời. - Thiết kế mô hình thực tế (hoặc vẽ hình) để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong Tuần Trăng. - Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nha - Sử dụng tranh ảnh (hình vẽ hoặc học liệu điện tử) chỉ ra được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà	

c. Tổ chức dạy môn Khoa học tự nhiên cho học sinh khuyết tật nhìn trong lớp học hòa nhập cấp trung học cơ sở

– Các hoạt động học tập của học sinh chủ yếu là học tập chủ động, tích cực chiếm lĩnh tri thức dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường, thông qua một số phương pháp dạy học chủ yếu sau: Tìm tòi, khám phá; phát hiện và giải quyết vấn đề; dạy học theo dự án; bài tập tình huống; dạy học thực hành và thực hiện bài tập; tự học... Trong đó, nhấn mạnh hơn tới dạy học thông qua các bài thực hành thí nghiệm và khảo sát thực tế.

– Tuỳ theo mục tiêu cụ thể và mức độ phức tạp của hoạt động học tập, học sinh được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Ngoài sử dụng các phương pháp dạy học chung, dạy học môn Khoa học tự nhiên ở trung học cơ sở cần quan tâm và sử dụng có hiệu quả các hình thức tổ chức dạy học đặc thù như:

+ Dạy học dự án ứng dụng khoa học tự nhiên; dự án tìm hiểu các vấn đề khoa học tự nhiên trong thực tiễn.

+ Thực hiện các bài tập tình huống trong thực tiễn đời sống.

+ Tổ chức thực hành trong phòng thí nghiệm, ngoài thực địa.

+ Tổ chức quan sát mẫu vật thật trong phòng thí nghiệm/ngoài thiên nhiên.

+ Tham quan các cơ sở khoa học, cơ sở sản xuất.

d. Đánh giá theo hướng tiếp cận hình thành năng lực của môn Khoa học tự nhiên với học sinh học sinh khuyết tật nhìn

– Đánh giá học sinh khuyết tật nhìn trong môn Khoa học tự nhiên sử dụng các hình thức đánh giá sau:

+ Đánh giá thông qua bài viết: Bài tự luận, bài trắc nghiệm khách quan, bài tiểu luận, báo cáo...

+ Đánh giá thông qua vấn đáp: Câu hỏi vấn đáp, phỏng vấn, thuyết trình...

+ Đánh giá thông qua quan sát: Quan sát thái độ, hoạt động của học sinh qua bài thực hành thí nghiệm, thảo luận nhóm, học ngoài thực địa, tham quan các cơ sở khoa học, cơ sở sản xuất, thực hiện dự án vận dụng kiến thức vào thực tiễn... bằng một số công cụ như sử dụng bảng quan sát, bảng kiểm, hồ sơ học tập...

2.3.3. Môn Lịch sử – Địa lí

2.3.3.1. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt

a. Mục tiêu môn **Lịch sử – Địa lí** trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 dành cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập cấp trung học cơ sở

Mục tiêu môn Lịch sử – Địa lí	Học sinh khuyết tật nhìn
Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung. Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở hình thành, phát triển ở học sinh năng lực lịch sử và năng lực địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử, địa lí thế giới, quốc gia và địa phương; các quá trình tự nhiên, kinh tế – xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; giúp học sinh biết cách sử dụng các công cụ của khoa học lịch sử, khoa học địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn hoá nhân loại, khơi dậy ở học sinh ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào thực tế. Năng lực chung Góp phần hình thành và phát triển năng lực lịch sử và năng lực địa lí, đối với học sinh khuyết tật	So với học sinh sáng mắt, học sinh khuyết tật nhìn sẽ đạt được hầu hết các mục tiêu như một học sinh sáng mắt. Tuy nhiên, để đạt được các mục tiêu trên học sinh khuyết tật cần phải điều chỉnh một số phương pháp khác biệt và thông qua các đồ dùng dạy học chuyên dụng cho học sinh khuyết tật nhìn. Học sinh khuyết tật nhìn có thể nhận biết và hiểu đầy đủ các văn bản chữ viết, trực tiếp quan sát bằng xúc giác các hiện vật lịch sử – hoặc được người sáng mắt mô tả lại các hiện vật. Các tranh ảnh, biểu đồ cần được thể hiện bằng các chất liệu nổi.

Mục tiêu môn Lịch sử – Địa lí	Học sinh khuyết tật nhìn
nhìn, đây là ưu thế trong việc hình thành, phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội cho học sinh. Các năng lực chuyên môn về lịch sử a. Năng lực nhận diện và hiểu tư liệu lịch sử: Năng lực này giúp học sinh có thể bước đầu nhận biết tư liệu lịch sử, hiểu được các văn bản chữ viết, hiện vật lịch sử, tranh ảnh, biểu đồ, bản đồ... Năng lực nhận diện và hiểu văn bản lịch sử có ý nghĩa nền tảng trong việc xây dựng và phát triển các năng lực chuyên môn lịch sử đối với học sinh. b. Năng lực tái hiện và trình bày lịch sử: Năng lực này thể hiện ở việc học sinh có thể bước đầu trình bày lại được các sự kiện lịch sử cơ bản; xác định được các sự kiện lịch sử trong không gian và thời gian cụ thể; trình bày được sự phát triển của các sự kiện, hiện tượng lịch sử theo thời gian. c. Năng lực giải thích lịch sử: Năng lực này thể hiện ở việc học sinh giải thích được nguyên nhân, sự vận động của các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử; bước đầu giải thích được mối liên hệ giữa các sự kiện lịch sử d. Năng lực đánh giá lịch sử: Năng lực này thể hiện ở việc học sinh bước đầu đưa ra những ý kiến nhận xét của mình về các sự kiện, nhân vật lịch sử; bước đầu hiểu được mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử. e. Năng lực vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn: Năng lực này thể hiện ở việc học sinh bước	Học sinh cũng có thể dùng lời nói hoặc ngôn ngữ viết để thể hiện những yêu cầu này. Học sinh khuyết tật nhìn rất khó sử dụng các bảng biểu khi tiếp cận với các thống kê số liệu của môn Lịch sử và Địa lí nên cần có hướng dẫn chi tiết về matrix trong hệ thống kiến thức được cung cấp trong chương trình và sách giáo khoa.

Mục tiêu môn Lịch sử – Địa lí	Học sinh khuyết tật nhìn
đều có thể liên hệ những nội dung lịch sử đã học với thực tế cuộc sống. Các năng lực chuyên môn địa lí a. Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Năng lực này giúp học sinh phát triển tư duy không gian, hình thành ở học sinh cách tiếp cận các sự vật và hiện tượng địa lí diễn ra trong cuộc sống theo mối quan hệ không gian – thời gian, trả lời các câu hỏi cơ bản: Cái gì? Ở đâu? Như thế nào?... b. Năng lực giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội): Năng lực này thể hiện ở việc học sinh nắm được kiến thức, kĩ năng phân tích các mối liên hệ (tương hỗ, nhân quả) giữa các hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên, giữa các hiện tượng, quá trình địa lí kinh tế – xã hội cũng như giữa hệ thống tự nhiên và hệ thống kinh tế – xã hội. c. Năng lực sử dụng các công cụ của địa lí học và khảo sát thực địa: Năng lực này được hình thành trên cơ sở học sinh có các kĩ năng làm việc với atlas địa lí, bản đồ, lược đồ, biểu đồ, sơ đồ, lát cắt, mô hình, bảng số liệu, tranh ảnh, những trải nghiệm thực địa mà học sinh được tham gia.	Học sinh khuyết tật nhìn có nhiều hạn chế về khái niệm không gian, tư duy không gian do ảnh hưởng của tật nhưng có thể hiểu được các chiều kích không gian thông qua các văn bản chữ viết. Các công cụ của địa lí học cần được thể hiện bằng mô hình có thể quan sát bằng xúc giác.

b. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung, năng lực đặc thù

– Đối với yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung: Học sinh khuyết tật nhìn có yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung như học sinh phổ thông, được quy định tại mục IX của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

– Đối với yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù với môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở:

Thành phần năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật nhìn
Năng lực Lịch sử 1. Năng lực tìm hiểu lịch sử	- Bước đầu nhận diện và phân biệt được: Các loại hình tư liệu lịch sử, các dạng thức khác nhau của các nguồn tài liệu cơ bản của khoa học lịch sử, giá trị của tư liệu lịch sử trong việc tái hiện và nghiên cứu lịch sử. - Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản dưới sự hướng dẫn của giáo viên trong các bài học lịch sử.	- Học sinh khuyết tật nhìn thực hiện được các thao tác tư duy với các tình huống không đòi hỏi khả năng quan sát bằng mắt. - Với các tư liệu lịch sử được số hóa, học sinh khuyết tật nhìn có thể khai thác được với sự hướng dẫn của giáo viên và các kỹ thuật viên công nghệ thông tin
2. Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử	- Mô tả và bước đầu trình bày được những nét chính của các sự kiện lịch sử cơ bản với các yếu tố chính về thời gian, địa điểm, diễn biến, kết quả; diễn biến các trận đánh và cuộc chiến trên lược đồ, bản đồ lịch sử. - Trình bày bối cảnh lịch sử và đưa ra nhận xét về những nhân tố tác động đến sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, quá trình lịch sử; giải thích được kết	- Sử dụng lời nói hoặc chữ viết để mô tả và trình bày các sự kiện lịch sử cơ bản. - Lược đồ, sơ đồ thể hiện trên mô hình nổi, bản đồ nổi hoặc sa bàn

Thành phần năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật nhìn
	quả của sự kiện, diễn biến chính của lịch sử. - Phân tích được những tác động của bối cảnh không gian, thời gian đến các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử. Bước đầu giải thích được mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử, mối quan hệ tác động qua lại của các sự kiện, hiện tượng với hoàn cảnh lịch sử. - Trình bày được chủ kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử... như lập luận khẳng định hoặc phủ định các nhận định, nhận xét về một sự kiện, hiện tượng, vấn đề hay nhân vật lịch sử.	để quan sát bằng xúc giác.
3. Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng lịch sử đã học	- Sử dụng kiến thức lịch sử để giải thích, mô tả một số sự kiện, hiện tượng lịch sử trong cuộc sống. - Vận dụng được kiến thức lịch sử để phân tích và đánh giá tác động của một sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử đối với cuộc sống hiện tại. - Vận dụng được kiến thức lịch sử để giải quyết những vấn đề thực tiễn, đồng thời giải thích các vấn đề thời sự đang diễn ra ở trong nước và thế giới.	- Học sinh có thể liên kết các sự kiện, vận dụng kiến thức về lịch sử để phân tích và đánh giá tác động.
Năng lực Địa lí	Giải thích các hiện tượng và quá trình Địa lí(tự nhiên, kinh tế – xã hội) <i>– Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên</i>	

Thành phần năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật nhìn
1. Nhận thức khoa học Địa lí	- Mô tả được một số hiện tượng và quá trình địa lí trên Trái Đất; mô tả được sự phân hoá của thiên nhiên các châu lục; mô tả được các đặc điểm chủ yếu của thiên nhiên Việt Nam; giải thích được một số nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá thiên nhiên Việt Nam. - Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình tự nhiên. - Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả trong mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên trong một số tình huống. – Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong kinh tế – xã hội - Mô tả được sự phân hoá không gian của các hiện tượng dân cư, quần cư, kinh tế, văn hoá; giải thích được một số nhân tố tác động tới sự phân hoá đó qua một ví dụ cụ thể. - Tìm được các minh chứng về mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong sự phát triển, phân bố dân cư và các ngành kinh tế. - Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình kinh tế – xã hội.	- Học sinh khuyết tật nhìn có thể giải thích được các hiện tượng và quá trình địa lí. - Cần có sơ đồ bằng hình nổi để quan sát xúc giác

Thành phần năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật nhìn
	- Nhận biết và vận dụng được một số tình huống phân tích quan hệ nhân quả trong đời sống kinh tế – xã hội. - Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất - Phân tích được tác động của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục. - Đánh giá được tác động của các điều kiện tự nhiên, cơ sở tài nguyên đến sự phân bố dân cư, sự phát triển các ngành kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế thông qua ví dụ cụ thể về địa lí Việt Nam. - Phân tích tác động của xã hội loài người lên môi trường tự nhiên - Phân tích được cách thức mà con người ở các châu lục, ở các vùng miền của nước ta đã khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.	
2. Năng lực tìm hiểu địa lí	Sử dụng các công cụ của địa lí học - Khai thác tài liệu văn bản: tìm được nội dung địa lí trong một đoạn văn; biết đặt tiêu đề, chú thích cho một bức ảnh, tranh vẽ từ góc nhìn địa lí; biết tìm kiếm tài liệu địa lí phục vụ cho một bài tập dự án về địa lí địa phương hay một chủ đề về địa lí Việt Nam.	- Học sinh khuyết tật nhìn có thể sử dụng một số phần mềm để khai thác tài liệu văn bản về địa lí.

Thành phần năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật nhìn
	- Sử dụng bản đồ: nêu được các yếu tố bản đồ; biết đọc bản đồ tỉ lệ nhỏ về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế để rút ra các thông tin, tri thức cần thiết; biết sử dụng tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm; biết đọc lát cắt địa hình. - Tính toán, thống kê: kể được tên được một số đại lượng đo các hiện tượng, quá trình tự nhiên; vận dụng được một số chỉ tiêu về gia tăng dân số, phân bố dân cư và một số chỉ tiêu đo sự phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế. - Phân tích biểu đồ, sơ đồ: biết đọc biểu đồ khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa); biết đọc các dạng biểu đồ thông dụng trong phân tích động thái, cơ cấu, quy mô và đặc điểm phân bố của hiện tượng và đối tượng địa lí; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình đơn giản. Tổ chức học tập ở thực địa - Biết chuẩn bị điều kiện cần thiết trước khi thực hiện khảo sát thực địa; biết sử dụng một số công cụ đơn giản và thông dụng để thực hiện quan sát, quan trắc ngoài thực địa; biết ghi chép nhật kí thực địa; biết viết thu hoạch sau một ngày thực địa. Khai thác Internet phục vụ môn học - Biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế – xã hội từ những trang web được Giáo	- Học sinh khuyết tật nhìn cần có các học liệu như địa cầu nổi, bản đồ nổi cho học sinh - Học sinh khuyết tật nhìn cần có biểu bảng cần được xử lý theo hàng ngang Học sinh khuyết tật nhìn có thể tham gia khảo sát thực địa với sự chuẩn bị kỹ về phương tiện và cách định hướng – di chuyển trong quá trình thực địa

Thành phần năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật nhìn
	viên giới thiệu; biết xác định các từ khoá trong tìm kiếm thông tin theo chủ đề; biết đánh giá thông tin tiếp cận được; có kỹ năng tải xuống các tài liệu media và lưu giữ tài liệu làm hồ sơ cho một bài tập được giao.	
3. Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học	Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế - Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí. Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn - Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng về một chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn; có khả năng trình bày kết quả một bài tập dự án của cá nhân hay của nhóm.	Học sinh khuyết tật nhìn có thể cập nhật thông tin, liên hệ thực tế thông qua các phương tiện công nghệ thông tin. Việc khám phá thực tiễn có khó khăn do không quan sát bằng thị giác nên cần có người hướng dẫn sáng mắt.

2.3.3.2. Những thuận lợi và khó khăn của học sinh khuyết tật nhìn khi tham gia học tập môn Lịch sử và Địa lí

a. Thuận lợi:

– Khi học Lịch sử và Địa lí, học sinh khuyết tật nhìn chủ động tìm các nguồn thông tin từ radio, sách nói và các loại thông tin khác trên internet.

b. Khó khăn:

– Học sinh khuyết tật nhìn gặp khó khăn (hoặc hoàn toàn không thể) tiếp nhận hình ảnh trực quan sinh động – giai đoạn khởi đầu của quá trình nhận thức.

– Học sinh khuyết tật nhìn gặp hạn chế trong việc nhớ các tri thức thông qua biểu tượng bằng sơ đồ hoặc bằng hình ảnh.

– Đồ dùng học tập và tài liệu học của các em vẫn khan hiếm cũng gây ảnh hưởng đến khả năng học Lịch sử và Địa lí của các em.

2.3.3.3. Hướng dẫn thực hiện chương trình môn Lịch sử và Địa lí cho học sinh khuyết tật nhìn

a. Phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học đặc thù

– Giáo viên hòa nhập sử dụng các phương pháp giảng dạy thông thường như một lớp học không có học sinh khuyết tật nhìn. Tuy nhiên cần lưu ý một số vấn đề sau:

+ Học sinh khuyết tật nhìn thiếu hiểu biết cụ thể rõ ràng biểu tượng địa lí. Các em không có thể nhìn bằng mắt trực tiếp nhiều các đối tượng và hiện tượng địa lí, ví dụ như, mặt trời mọc, mặt trời lặn, đường ngang chân trời, dãy núi lở mờ, mặt trời di động chiếu sáng, đám mây và những cảnh quan thiên nhiên khác nhau. Vì vậy, các em thường xuất hiện khó khăn khi hình thành khái niệm địa lí.

+ Giáo viên cần đọc lớn những gì ghi chép trên bảng, có thể giáo viên cần nhấn mạnh nhiều lần những vấn đề mấu chốt để học sinh khuyết tật nhìn tiện theo dõi. Vì việc tiếp thu kiến thức của các em chỉ qua kênh nghe.

+ Ở những kiến thức mới, giáo viên giảng chậm và chi tiết từng lời giải để các em dễ dàng nắm bắt quá trình tư duy giải quyết vấn đề và hiểu được cách trình bày một bài học về Lịch sử và Địa lí.

+ Giáo viên cũng cần giành một khoảng thời gian ngắn để mô tả, hướng dẫn cho các em học sinh về các hình vẽ, sơ đồ, biểu bảng.

+ Giáo viên cũng nên gợi ý cho các em sử dụng máy vi tính trong khi học để có thể sử dụng một số phần mềm chuyên dụng, nhằm rút ngắn thời gian tìm và đọc sách chữ nổi Braille

b. Gợi ý xem xét nội dung chương trình môn Lịch sử – Địa lí học hòa nhập cấp trung học cơ sở

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
ĐỊA LÍ		
Tại sao cần học địa lí? - Những khái niệm cơ bản và kỹ năng chủ yếu. - Những điều lý thú khi học môn Địa lí. - Địa lí và cuộc sống.	- Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm cơ bản, các kỹ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt. - Hiểu được ý nghĩa và sự lý thú của việc học môn Địa lí. - Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.	- Học sinh khuyết tật nhìn sẽ đạt được các yêu cầu cần đạt của chương trình thông qua một số điều chỉnh sau: + Cung cấp cho học sinh các bản đồ nổi, địa cầu nổi. + Các tập Atlas địa lí tự nhiên đại cương, Atlas địa lí các châu lục và Atlas địa lí Việt Nam nổi. + Các mẫu vật về tự nhiên.
Bản đồ: Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất. - Hệ thống kinh vĩ tuyến. Tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.	- Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: Kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu; ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. - Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới. - Biết đọc các ký hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.	Điều chỉnh: - Khó khăn đặc biệt xuất hiện ở học sinh khuyết tật nhìn là khi nghiên cứu bản vẽ bằng mắt, bản đồ của học sinh sáng mắt, khi

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
- Các yếu tố cơ bản của bản đồ. - Các loại bản đồ thông dụng - Lược đồ trí nhớ.	- Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. - Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. - Biết tìm đường đi trên bản đồ. - Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh.	thực hiện các nhiệm vụ đo đạc trên bản đồ một địa phương, một vùng, và tiến hành các hoạt động thí nghiệm thực tế ở khu vực địa lí. - Cần có bản đồ nổi để học sinh quan sát bằng xúc giác
Trái Đất – Hành tinh của hệ Mặt Trời. - Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. - Hình dạng, kích thước Trái Đất. - Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí.	- Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. - Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất. - Mô tả được chuyển động của Trái Đất (quanh trục và quanh Mặt Trời). - Xác định được phương hướng ngoài thực tế dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên hoặc dùng địa bàn. - Nhận biết được giờ địa phương/giờ khu vực, so sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. - Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau và mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.	Học sinh khuyết tật nhìn sẽ đạt được các yêu cầu cần đạt của chương trình thông qua một số điều chỉnh sau: - Có địa cầu nổi - Có bản đồ nổi

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
	- Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.	
Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất. - Cấu tạo của Trái Đất. - Các mảng kiến tạo. - Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này. - Quá trình nội sinh và ngoại sinh. - Hiện tượng tạo núi. - Các dạng địa hình chính. - Khoáng sản	- Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp. - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đối tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau. - Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân của hiện tượng này. - Biết tìm kiếm thông tin về các thảm họa thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra. - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh. - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi. - Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất. - Biết đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. - Kể được tên một số loại khoáng sản.	Học sinh khiếm thị có bản đồ lát cắt có bề mặt nổi hoặc nghe người khác mô tả để trình bày theo cách hiểu của mình.
Khí hậu và biến đổi khí hậu. - Các tầng khí quyển. Thành phần không khí	- Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu; hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic. - Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.	Học sinh khuyết tật nhìn được cung cấp nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế chuyên biệt cho người khiếm thị.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
- Các khối khí. Khí áp và gió. - Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu. - Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó.	- Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. - Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa. - Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế. - Phân biệt được thời tiết và khí hậu. - Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu. - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới. - Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu. - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.	
Nước trên Trái Đất. - Các thành phần chủ yếu của thủy quyển. - Vòng tuần hoàn nước.	- Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển. - Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước. - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn; mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.	Học sinh khiếm thị sử dụng tài liệu chữ nổi hoặc tìm kiếm thông tin qua các phương tiện để có được kiến thức như học sinh sáng mắt.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
- Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ - Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển.	- Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ. - Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới. - Trình bày được các hiện tượng sóng, thủy triều, dòng biển. - Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới. - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.	
Đất và sinh vật trên Trái Đất. - Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất. - Các nhân tố hình thành đất. - Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất. - Sự sống trên hành tinh - Sự phân bố các đới thiên nhiên. - Rừng nhiệt đới.	- Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất. - Trình bày được một số nhân tố hình thành đất. - Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới. - Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương. - Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới. - Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới. - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN - Dân số thế giới. - Sự phân bố dân cư thế giới. - Con người và thiên nhiên. - Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững.	- Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới. - Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. - Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới. - Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. - Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất. - Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương. - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.	- Điều chỉnh: + Học sinh khuyết tật nhìn khó có khả năng cảm nhận và lĩnh hội trực tiếp rất nhiều hiện tượng và quá trình xảy ra trong thiên nhiên. + Cần tính trước rằng khi dạy môn địa lí và tự nhiên học sinh cần phải tập trung chú ý phát hiện khả năng quan sát, hình thành khả năng tổng hợp không gian thị giác trong quá trình nắm vững hệ thống kiến thức.
LỊCH SỬ		
Tại sao cần học lịch sử? - Lịch sử là gì?	- Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. - Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
- Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử? - Thời gian trong lịch sử.	- Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử. - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết...). - Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: Thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch...	
Thời nguyên thủy. - Nguồn gốc loài người. - Xã hội nguyên thủy. - Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp. - Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy.	- Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất. - Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á. - Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam. - Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thủy. - Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thủy (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội...). - Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
	- Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam. - Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp. - Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp. - Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã. - Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy. - Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp. - Mô tả và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông. - Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun).	
Xã hội cổ đại. - Ai Cập và Lưỡng Hà. - Ấn Độ. - Trung Quốc. - Hy Lạp và La Mã.	- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà. - Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà.	- Học sinh khuyết tật nhìn trình bày bằng lời hoặc văn bản chữ nổi Braille.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
	- Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà. - Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng. - Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ. - Nhận biết được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ. - Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại. - Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng. - Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy. - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc. - Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã. - Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã. - Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên đến thế kỉ X. - Khái lược về khu vực Đông Nam Á. - Các vương quốc cổ ở Đông Nam Á. - Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.	- Trình bày sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á. - Trình bày được quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII. - Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á. - Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.	- Học sinh khuyết tật nhìn cần có có bản đồ xúc giác để học và trình bày được theo yêu cầu của chương trình: + Bản đồ dùng xúc giác cho học sinh khiếm thị cần được đơn giản hóa, sử dụng các chấm, đường kẻ nổi để sờ được. + Bản đồ cần sử dụng ít thông tin để tránh gây nhầm lẫn. + Bản đồ cho thấy mối liên hệ tương tác giữa các vật, có kích thước từ 1 đến 2 gang tay giúp người khiếm thị có thể quan sát được.
Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước Công	- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc. - Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
nguyên đến đầu thế kỉ X. - Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc. + Nhà nước Văn Lang; + Nhà nước Âu Lạc. - Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc từ thế kỉ II trước Công nguyên đến năm 938. - Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc: + Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc. - Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X. - Vương quốc Champa. - Vương quốc Phù Nam.	- Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc. - Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về: Kinh tế, xã hội, văn hoá ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. - Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương. - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938. - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Champa. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa. - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa. - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam. - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam.	

c. Tổ chức dạy môn Lịch sử và Địa lí cho học sinh khuyết tật nhìn

– Giáo viên cần lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật nhìn, để phát triển khả năng quan sát có ý nghĩa quan trọng đặc biệt là tiến hành tham quan dạo cảnh trong môi trường tự nhiên, khi tiến hành tham quan ngoài trời cần tập trung chú ý cho học sinh tới bản chất, tính chất đối tượng nào đó, mà chính các đối tượng này có thể tiếp thu không chỉ bằng mắt nhìn mà bằng các cơ quan cảm thụ khác (thính giác, xúc giác...).

– Tổ chức giảng dạy trên lớp:

+ Khi giảng dạy môn địa lí cần sử dụng sa bàn địa lí hình thái học về dãy núi với đỉnh núi cao, đèo, hồ, nghiên cứu sông, thác nước, thềm đất, những tác động của vùng núi lửa đã tắt. Do hình ảnh các đối tượng vật lý không nhiều, nên sử dụng các mô hình, cho phép học sinh bằng tri giác thị giác và xúc giác có thể nắm được đầy đủ khái niệm, về những gì xảy ra trong tự nhiên các quá trình sinh động phức tạp, mà các quá trình này học sinh rất khó khăn và quan sát trực tiếp.

+ Để hình thành khái niệm đúng đắn về không gian địa lí, cần dạy học sinh phương pháp định hướng về phía các đối tượng theo chiều ngang giới hạn vị trí của chúng trên sơ đồ. Về vấn đề này, trẻ em phải được giao thực hiện hàng loạt bài học nhận thức và bài tập luyện tập thực tế.

+ Giáo viên cần tính toán trước những khó khăn học sinh khuyết tật nhìn gặp phải trong định hướng trên sơ đồ, bản đồ, các em phải được luyện tập tốt thói quen liên quan tới xác định vị trí các điểm mốc định hướng từng bộ phận khác viết trên bản đồ.

+ Giáo viên cần dạy kĩ năng sử dụng định hướng thị giác khi xem xét bản đồ, cho phép học sinh nhanh chóng tìm ngay được một đối tượng địa lí và xác lập được mối quan hệ giữa nó với đối tượng khác. Định hướng thị giác như vậy có thể là: Lục địa, đại dương, biển, những con sông lớn. Giá trị cơ bản ở đây, hãy chú ý tới mối quan hệ sắp đặt vị trí các đối tượng, cho phép tìm kiếm các điểm mốc địa lí, hình dung được đầy đủ hình ảnh bản đồ, trong đó có thể dễ dàng biết tách biệt các điểm mốc địa lí thành riêng biệt, trong mối quan hệ không gian của chúng với các điểm mốc khác.

+ Giáo viên cần giúp học sinh hình thành biểu tượng địa lí và phải gắn liền với sự phát triển khả năng đánh giá phương hướng, tức là phải biết vận dụng, sử dụng các mô hình mặt phẳng khác nhau theo các thể loại khác nhau.

+ Giáo viên cần dành thời gian dạy học sinh khuyết tật nhìn về việc minh họa các bài tập thực tế, bắt đầu từ đường viền quanh bản đồ, qua đường viền quanh phân tách được một số xuất phát điểm, theo đó các em tái hiện được khái niệm hoành chính về các đối tượng địa lí.

+ Giáo viên khi dạy địa lí phải phát triển ở học sinh khả năng quan sát: bằng cách tổ chức tham quan thắng cảnh trong tự nhiên để giúp học sinh quan sát những thay đổi mùa trong thời gian khác nhau của năm, bằng cách quan sát những diễn biến sinh động trong một ngày đêm (mặt trời trên cao dưới đường ngang chân trời, vị trí các bóng râm ở vào thời điểm khác nhau trong ngày...).

+ Giáo viên cần biết phối hợp các phương pháp dạy học thực hành thực tế khác nhau với phương pháp quan sát, với việc tích lũy kiến thức địa lí và tự nhiên học cho phép trẻ nhìn kém trong quá trình dạy học hình thành được biểu tượng và khái niệm địa lí đúng đắn; đồng thời còn có ý thức nắm vững những kiến thức phù hợp và kĩ năng thực hành.

+ Giáo viên cần đọc lớn những gì ghi chép trên bảng, có thể giáo viên cần nhấn mạnh nhiều lần những vấn đề mấu chốt để học sinh khuyết tật nhìn tiện theo dõi. Vì việc tiếp thu kiến thức của các em chỉ qua kênh nghe.

+ Ở những kiến thức mới, giáo viên giảng chậm và chi tiết từng lời giải để các em dễ dàng nắm bắt quá trình tư duy giải quyết vấn đề và hiểu được cách trình bày một bài Lịch sử và Địa lí.

+ Giáo viên cũng cần giành một khoảng thời gian ngắn để mô tả, hướng dẫn cho các em học sinh về các hình vẽ, sơ đồ, bản đồ, biểu bảng biểu diễn nếu có.

+ Giáo viên cũng cần giành một khoảng thời gian để hướng dẫn các em sử dụng các đồ dùng học tập chuyên dùng của học sinh khuyết tật nhìn.

– Hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn ngoài giờ lên lớp:

+ Giáo viên liên hệ thường xuyên với giáo viên hỗ trợ hòa nhập hoặc gia đình để trao đổi về vấn đề học tập từ đó có phương pháp tốt hơn giúp các em học tốt môn Lịch sử và Địa lí

+ Giáo viên cần chia sẻ những tài liệu học tập trên lớp cho giáo viên hỗ trợ hòa nhập hoặc gia đình để họ dễ dàng hỗ trợ các em hơn.

d. Đánh giá theo hướng tiếp cận hình thành năng lực của môn Lịch sử và Địa lí với học sinh khuyết tật nhìn

– Một số biện pháp kiểm tra đánh giá có hiệu quả đối với các em học sinh khuyết tật nhìn:

+ Đối với các bài kiểm tra 15 phút hoặc 1 tiết giáo viên có thể yêu cầu học sinh đọc trực tiếp ngay tại lớp học kết quả làm được từ đó giáo viên đánh giá được năng lực tiếp thu của học sinh.

+ Đối với các bài thi học kì nhà trường có thể tổ chức cho các em thi vấn đáp theo đúng quy cách của việc thi vấn đáp để đánh giá năng lực các em.

+ Nhà trường cũng có thể đề nghị giáo viên hỗ trợ hòa nhập dịch từ chữ Braille sang chữ sáng để đánh giá năng lực học sinh. Một số học sinh có khả năng sử dụng máy vi tính để trình bày bài thi, kiểm tra nhà trường cũng có thể tạo điều kiện cho các em làm bài trực tiếp trên máy vi tính. Tuy nhiên, cần thêm thời gian làm bài cho các em.

2.3.4. Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp

2.3.4.1. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt

a. Mục tiêu phẩm chất và năng lực của hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 dành cho học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập cấp trung học cơ sở

– Mục tiêu chương trình Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cấp trung học cơ sở không cần có những điều chỉnh riêng biệt đối với học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập.

b. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù

– Đối với yêu cầu cần đạt về phẩm chất: Đối với học sinh khuyết tật nhìn, yêu cầu cần đạt giống như đối với học sinh sáng mắt. Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu theo các mức độ phù hợp với mỗi cấp học đã được quy định trong Chương trình tổng thể.

– Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù với Hoạt động trải nghiệm, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật nhìn
Năng lực thích ứng cuộc sống		
<i>Kĩ năng điều chỉnh bản thân và đáp ứng với sự thay đổi</i>	– Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong những tình huống khác nhau. – Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. – Tự chuẩn bị kiến thức và kĩ năng cần thiết để đáp ứng với nhiệm vụ được giao. – Thực hiện được các nhiệm vụ với những yêu cầu khác nhau. – Thể hiện được cách giao tiếp, ứng xử phù hợp với tình huống. – Biết cách ứng phó với nguy cơ, rủi ro từ môi trường tự nhiên và xã hội.	Điều chỉnh yêu cầu “Biết cách ứng phó với nguy cơ, rủi ro từ môi trường tự nhiên và xã hội.” thành “Biết cách ứng phó với nguy cơ, rủi ro từ môi trường tự nhiên và xã hội phù hợp với điều kiện bản thân.”
Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động		
<i>Kĩ năng thực hiện kế hoạch và điều chỉnh hoạt động</i>	– Thực hiện được kế hoạch hoạt động của cá nhân và linh hoạt điều chỉnh khi cần để đạt được mục tiêu. – Thể hiện được sự hợp tác, giúp đỡ, hỗ trợ mọi người để cùng thực hiện nhiệm vụ. – Biết cách tự khích lệ và động viên người khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ. – Giải quyết được vấn đề nảy sinh trong hoạt động và trong quan hệ với người khác.	Bổ sung thêm yêu cầu “Biết tìm sự hỗ trợ khi cần thiết”.
Năng lực định hướng nghề nghiệp		
<i>Hiểu biết về nghề nghiệp</i>	– Giới thiệu được các nghề/nhóm nghề phổ biến ở địa phương và ở Việt Nam, chỉ ra được vai trò kinh tế, xã hội của các nghề đó.	Bổ sung thêm yêu cầu giới thiệu được nghề/nhóm nghề phổ biến đối với

Năng lực	Cấp trung học cơ sở	Học sinh khuyết tật nhìn
	– Phân tích được yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người làm nghề mà bản thân quan tâm. – Trình bày được xu thế phát triển của nghề ở Việt Nam. – Giới thiệu được các nhóm kiến thức cần học và các cơ sở đào tạo nghề liên quan đến định hướng nghề nghiệp. – Chỉ ra được các công cụ của các ngành nghề, những nguy cơ mất an toàn có thể xảy ra và cách đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp.	người khiếm thị ở địa phương và Việt Nam. Trình bày được xu thế phát triển của nghề dành cho người khiếm thị ở địa phương và ở Việt Nam.
Hiểu biết và rèn luyện phẩm chất, năng lực liên quan đến nghề nghiệp	– Hình thành được hứng thú nghề nghiệp và biết cách nuôi dưỡng hứng thú, đam mê nghề nghiệp. – Chỉ ra được một số điểm mạnh và chưa mạnh về phẩm chất và năng lực của bản thân có liên quan đến nghề yêu thích. – Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực cơ bản của người lao động. – Biết giữ an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.	Điều chỉnh yêu cầu “Biết giữ an toàn và sức khỏe nghề nghiệp” thành “Biết giữ an toàn và sức khỏe nghề nghiệp phù hợp với điều kiện bản thân”

2.3.4.2. Những thuận lợi và khó khăn của học sinh khuyết tật nhìn khi tham gia học tập Hoạt động trải nghiệm

– **Về thuận lợi:** Việc được tham gia các hoạt động khám phá, trải nghiệm thế giới tự nhiên, thực tế cuộc sống và công việc là một trong những phương thức tổ chức hoạt động phù hợp nhất với đặc điểm phát triển phát triển của học sinh khuyết tật nhìn. Học sinh sẽ hào hứng tham gia hoạt động và phát huy được hết khả năng của học sinh.

– **Về khó khăn:** Việc suy giảm thị giác khiến cho quá trình trải nghiệm thực tế của học sinh khuyết tật nhìn mất nhiều thời gian hơn và quá trình hình thành kiến thức, kĩ năng cũng lâu hơn. Bên cạnh việc được tham gia trải nghiệm thực tế các hoạt động do nhà trường, tổ chức, học sinh cần mô tả bằng lời một cách kĩ càng, chính xác kết hợp với các đồ vật thật, mô hình có trong thực tế. Bên cạnh đó, học sinh khuyết tật nhìn học hòa nhập gặp khó khăn trong việc xây dựng và phát triển các kĩ năng xã hội phù hợp để có thể tham gia các hoạt động nhóm, hoạt động tập thể. Việc định hướng và di chuyển gặp khó khăn, nhất là với những địa điểm mới (khi đi thăm quan thực tế) đòi hỏi giáo viên cần chuẩn bị nhiều thông tin chi tiết và có những hướng dẫn an toàn cho học sinh khuyết tật nhìn.

2.3.4.3. Thực hiện chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh khuyết tật nhìn

a. Phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học đặc thù

– Bên cạnh việc sử dụng các phương pháp giáo dục chung trong hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp như phương pháp nêu gương; phương pháp giáo dục bằng tập thể; phương pháp thuyết phục; phương pháp tranh luận; phương pháp luyện tập; phương pháp khích lệ, động viên; phương pháp tạo sản phẩm thì phương pháp mô tả bằng lời cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh hình thành kiến thức, kĩ năng. Học sinh cần được mô tả, giảng giải chính xác, cụ thể tương ứng với từng hoạt động thực tế.

– Một số kĩ thuật đặc thù có thể áp dụng như sử dụng kĩ thuật hỗ trợ tay dưới tay giúp học sinh tự tin và thu nhận được nhiều thông tin nhất khi khám phá thế giới xung quanh. Cần áp dụng triệt để các kĩ năng Định hướng và Di chuyển khi cho học sinh khuyết tật nhìn tham gia các hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa.

b. Gợi ý phát triển nội dung trong quá trình tổ chức hoạt động Trải nghiệm hướng nghiệp lớp 6 với học sinh khuyết tật nhìn

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
Hoạt động hướng vào bản thân		
Hoạt động khám phá bản thân	– Nhận ra được sự thay đổi tích cực của bản thân, giới thiệu được đức tính đặc trưng của bản thân. – Phát hiện được sở thích, khả năng và những giá trị khác của bản thân; tự tin với sở thích, khả năng của mình.	Yêu cầu cần đạt với hoạt động hướng vào bản thân dành cho học sinh khuyết tật nhìn giống như với học sinh sáng mắt.
Hoạt động rèn luyện bản thân	– Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp. – Biết chăm sóc bản thân và điều chỉnh bản thân phù hợp môi trường học tập mới, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. – Nhận biết được những dấu hiệu của thiên tai và biết cách tự bảo vệ trong một số tình huống thiên tai cụ thể. – Xác định được những khoản chi ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế.	Các yêu cầu cần đạt cần phải chỉnh sửa được liệt kê dưới đây, các yêu cầu khác giữ nguyên: – Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp, dễ tiếp cận với điều kiện cá nhân. – Biết chăm sóc bản thân và điều chỉnh bản thân phù hợp môi trường học tập mới, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp và phù hợp với điều kiện cá nhân. – Nhận biết được những dấu hiệu chính của thiên tai bằng các giác quan còn lại và biết cách tự bảo vệ trong một số tình huống thiên tai cụ thể phù hợp với điều kiện bản thân.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
Hoạt động hướng đến xã hội		
Hoạt động chăm sóc gia đình	– Thể hiện được sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình bằng lời nói và hành động cụ thể. – Thể hiện được sự chủ động, tự giác thực hiện một số công việc trong gia đình. – Biết tham gia giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình.	– Thể hiện được sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình bằng lời nói và hành động cụ thể theo khả năng và điều kiện của bản thân. – Thể hiện được sự chủ động, tự giác thực hiện một số công việc trong gia đình đảm bảo sự an toàn, phù hợp với khả năng và điều kiện cá nhân.
Hoạt động xây dựng nhà trường	– Thiết lập được các mối quan hệ với bạn, thầy cô và biết gìn giữ tình bạn, tình thầy trò. – Xác định và giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè. – Giới thiệu được những nét nổi bật của nhà trường và chủ động, tự giác tham gia xây dựng truyền thống nhà trường. – Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, của nhà trường	Các yêu cầu cần đạt cần phải chỉnh sửa được liệt kê dưới đây, các yêu cầu khác giữ nguyên: – Biết cách thiết lập được các mối quan hệ với bạn, thầy cô và biết gìn giữ tình bạn, tình thầy trò. – Xác định và giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè có trợ giúp nếu cần. – Giới thiệu được những nét nổi bật của nhà trường và chủ động, tự giác tham gia xây dựng truyền thống nhà trường theo khả năng và điều kiện của bản thân. – Tham gia phù hợp các hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, của nhà trường.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng, thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn. – Thể hiện được hành vi văn hoá nơi công cộng. – Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương; biết vận động người thân và bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện ở nơi cư trú. – Giới thiệu được một số truyền thống của địa phương.	Các yêu cầu cần đạt cần phải chỉnh sửa được liệt kê dưới đây, các yêu cầu khác giữ nguyên: – Biết cách thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng, không ngần ngại, tự ti về khó khăn của bản thân trong cộng đồng. Thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn hơn mình. – Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương với hỗ trợ cần thiết; biết vận động người thân và bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện ở nơi cư trú.
Hoạt động hướng đến tự nhiên		
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Thể hiện được cảm xúc, hứng thú với khám phá cảnh quan thiên nhiên. – Thực hiện được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.	Các yêu cầu cần đạt cần phải chỉnh sửa được liệt kê dưới đây, các yêu cầu khác giữ nguyên: – Thể hiện được cảm xúc, hứng thú với khám phá cảnh quan thiên nhiên bằng các hình thức phù hợp. – Thực hiện được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên phù hợp với khả năng và điều kiện bản thân.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Học sinh khuyết tật nhìn
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	– Chỉ ra được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khoẻ con người. – Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu. – Vận động người thân, bạn bè không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ những động vật quý hiếm.	Các yêu cầu cần đạt cần phải chỉnh sửa được liệt kê dưới đây, các yêu cầu khác giữ nguyên: – Nói được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khoẻ con người.
Hoạt động hướng nghiệp		
Hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp	– Tìm hiểu được một số nghề truyền thống ở Việt Nam. – Nêu được hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của các nghề truyền thống. – Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với công việc của nghề truyền thống. – Nhận biết được về an toàn sử dụng công cụ lao động trong các nghề truyền thống. – Nhận diện được giá trị của các nghề trong xã hội và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp khác nhau.	Các yêu cầu cần đạt cần phải chỉnh sửa được liệt kê dưới đây, các yêu cầu khác giữ nguyên: – Tìm hiểu được một số nghề truyền thống ở Việt Nam, ngành nghề truyền thống của người khuyết tật nhìn.

– Bên cạnh việc xem xét về nội dung cần đạt, một trong những thành tố quan trọng cần điều chỉnh của chương trình Hoạt động trải nghiệm và Hoạt

động trải nghiệm, hướng nghiệp với học sinh khuyết tật nhìn đó là Thiết bị giáo dục. Thiết bị dạy học để trình diễn, hướng dẫn và thiết bị cho hoạt động tập thể có thể sử dụng chung cho cả học sinh bình thường và học sinh khuyết tật nhìn. Tuy nhiên thiết bị để thực hành, cần điều chỉnh các bộ tranh ảnh cho phù hợp. Đối với học sinh nhìn kém, các bộ tranh ảnh cần được phóng to phù hợp với khả năng nhìn của học sinh. Tranh ảnh nên có độ tương phản, sắc nét, có thể bỏ bớt các chi tiết nền không ảnh hưởng đến nội dung chính của tranh ảnh. Đối với học sinh mù hoàn toàn, nếu có thể nên làm các đường viền nổi, có thêm các chất liệu xúc giác phù hợp hoặc có thêm những file ghi âm, video mô tả các tranh ảnh.

c. Tổ chức dạy hoạt động Trải nghiệm hướng nghiệp cho học sinh khuyết tật nhìn;

– Học sinh khuyết tật nhìn hoàn toàn có thể tham gia theo đúng quy trình tổ chức hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp như với học sinh sáng, tuy nhiên, cần có những lưu ý như sau:

+ Đảm bảo an toàn cả về môi trường vật chất và tạo tâm lý an toàn, thoải mái trong các hoạt động;

+ Sử dụng người dẫn đường hoặc các thiết bị hỗ trợ cần thiết cho học sinh;

+ Nếu có tài liệu liên quan có thể cho học sinh đọc trước để hiểu về kế hoạch và nội dung hoạt động cũng như những nội dung liên quan đến hình ảnh, đồ vật thực tế.

d. Đánh giá theo hướng tiếp cận hình thành năng lực của hoạt động Trải nghiệm hướng nghiệp với học sinh học sinh khuyết tật nhìn.

– Bên cạnh việc đảm bảo các yêu cầu của đánh giá kết quả giáo dục trong Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định, việc đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật nhìn cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

+ Đánh giá dựa trên mức độ tham gia theo khả năng của học sinh khuyết tật nhìn;

+ Đánh giá dựa trên sự tiến bộ của chính học sinh.

CHƯƠNG 3. THỰC HIỆN HỖ TRỢ HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN HỌC HÒA NHẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

3.1. HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN SỬ DỤNG CÁC THIẾT BỊ HỖ TRỢ, ĐỒ DÙNG TRONG HỌC HÒA NHẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

3.1.1. Các thiết bị hỗ trợ, đồ dùng dành cho học sinh khuyết tật nhìn

– Sử dụng công cụ hỗ trợ đóng vai trò thiết yếu trong việc hạn chế tối đa cản trở của khuyết tật thị giác đối với bản thân học sinh và giúp học sinh khuyết tật nhìn có khả năng độc lập hơn. Vì vậy, khi học sinh đã được chỉ định công cụ hỗ trợ nào thì giáo viên cần khuyến khích, động viên học sinh sử dụng thường xuyên và có ý thức giữ gìn, bảo quản chúng.

– Thiết bị trợ giúp quang học nhằm giúp học sinh nhìn kém tận dụng được tối ưu khả năng thị giác còn lại, vì vậy khi học sinh đã được chỉ định sử dụng một loại thiết bị trợ giúp nào thì Giáo viên cần khuyến khích học sinh luôn luôn sử dụng thiết bị trợ thị, bao gồm:

+ *Kính phóng đại*: kính phóng đại cầm tay và kính phóng đại có chân; dùng để đọc các tài liệu như thư, bản đồ, số điện thoại, nhãn hiệu....

+ *Kính viễn vọng*: có loại cầm tay và có loại hai mắt kính; dùng để xem đồ vật ở xa như nhìn băng, theo dõi sự kiện thể thao; chơi, số xe buýt, tivi... có thể điều chỉnh tiêu cự để nhìn xa hoặc nhìn gần, có kẹp để kẹp vào kính mắt.

+ *Kính mắt*: kính phóng đại lớn; dùng để đọc sách hoặc viết trong thời gian dài và những công việc đòi hỏi kỹ năng tinh xảo như khâu vá.

+ *Kính lọc hoặc kính râm để kiểm soát ánh sáng chói*: kính mắt lọc ánh sáng hoặc kính sạm màu có thể được dùng cho những học sinh nhạy cảm với ánh sáng ở trong nhà và bên ngoài.

+ *Ti vi chuyên dụng* dùng cho những người bị thu hẹp trường thị và dùng để đọc hoặc viết; thay đổi màu sắc của hình và nền.

+ *Công nghệ vi tính và máy in*: điều chỉnh tùy thị giác của từng người; có thể dùng bộ kiểm tra/monitor và máy in laser điều chỉnh kích cỡ của tài liệu, độ tương phản và lựa chọn màu sắc.

– Bên cạnh những thiết bị nêu trên, chúng ta còn sử dụng một số công cụ đơn giản, rẻ tiền nhưng lại giúp tăng độ tương phản của hình ảnh như một số công cụ sau:

+ *Giá đọc*: Dùng để khắc phục tư thế không thoải mái cho học sinh, với nó sách vở được đưa lại gần mắt hơn.

+ *Bút dạ*: Thường có màu đen, có kích cỡ khác nhau, dùng để vẽ đường nét đậm. Dùng các loại bút gạch dòng có nhiều màu sắc sẽ giúp học sinh đánh dấu được những phần quan trọng nếu hoạt động quét mắt của học sinh kém.

+ *Bút gạch dòng*: Thường nên chọn màu vàng chanh, mặc dù loại bút này cũng có nhiều màu. Khi đánh dấu bằng bút gạch dòng, nét chữ in sẽ trở nên sậm màu hơn, độ tương phản của chữ trên nền trang giấy/vở cũng cao hơn.

+ *Sách khổ lớn*: Cũng là một trong các giải pháp dùng thiết bị phi quang học. Học sinh có thể dùng sách in khổ lớn. Đối với những học sinh không đọc được với kích thước thông thường trong khoảng cách gần ngay cả khi đã dùng thiết bị trợ thị quang học thì cách này sẽ có tác dụng. Chất lượng và kiểu chữ có ý nghĩa quan trọng ngang với kích thước chữ in. Khoảng cách giữa các chữ và dòng cũng quan trọng.

+ *Giấy có dòng kẻ đậm*: Những học sinh khó nhìn dòng kẻ thông thường thì có thể chuyển sang loại giấy có dòng kẻ đậm, có nhiều kiểu dòng kẻ.

+ *Khung khổng lồ*: Dụng cụ này có thể có tác dụng đặc biệt đối với học sinh không thể tập trung vào một từ hoặc nhìn một dòng chữ in.

– Với sự ra đời của công nghệ thông tin, người khuyết tật nhìn có thể dùng được cả điện thoại và nhiều loại đồ dùng trong gia đình. Những đồ dùng này cần một số hình thức hoạt động riêng hỗ trợ cho người khuyết tật nhìn, chẳng hạn như:

+ *Nhiệt kế và máy tính biết nói*

+ *Đồng hồ biết nói*

+ *Máy ghi âm với các tốc độ khác nhau*

+ *Phần mềm đọc chữ in cỡ lớn*

*** Những đồ dùng trực quan chủ yếu trong dạy học cho học sinh khuyết tật nhìn:**

(i) *Vật thật*: Vật thật trong giảng dạy là những giáo cụ trực quan sẵn có trong tự nhiên và đời sống con người, được giữ nguyên hình dạng, còn tươi sống và nguyên chất.

+ Tính chất đặc trưng của loại này là tính xác thực và nguyên bản. Nó phản ánh chính xác khách quan những đặc điểm, tính chất tự nhiên và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng như:

- Hình dạng, màu sắc, kích thước, cấu tạo (tổng thể và bộ phận), tỉ lệ tương quan giữa các bộ phận và sự vật.
- Sự vận động, biến đổi và đứng yên.
- Các đặc điểm, tính chất khác (âm thanh, nhiệt độ, mùi vị, chất liệu, bề mặt...)

*** Các giáo cụ trực quan bằng vật thật có thể sử dụng trong dạy học cho học sinh mù:**

(ii) *Mô hình*: là các đồ dùng dạy học hình khối phản ánh tính chất, cấu tạo, chức năng hóa mối quan hệ mật thiết với vật thật, thường thay đổi về tỉ lệ.

+ Mô hình có thể là vật thật được phơi khô hoặc được chế tạo từ nguyên vật liệu khác với vật thật. Tuy nhiên, mô hình cần phải phản ánh được những đặc điểm cơ bản của vật thật. Mô hình dùng để thay thế cho vật thật trong trường hợp vật thật quá đắt và không có khả năng mang tới lớp để giảng dạy.

+ Các loại mô hình thường dùng trong dạy học:

- *Mô hình sát với vật thật*: thú nhồi bông, các loại hoa quả khô
- *Mô hình mẫu chất và mẫu vật*: đây được coi là những giáo cụ phản ánh chân thực bản chất sự vật. Trong nhiều bài giảng ở hầu hết các bộ môn, mẫu vật và mẫu chất giúp học sinh mù hiểu rõ khái niệm, tính chất và đặc điểm của sự vật mà Giáo viên không cần giải thích nhiều.

▪ Các mẫu vật thường là: sỏi, đá, cát, kim loại, vải...

▪ Các mẫu chất thường là: xăng, dầu, mỡ, nước hoa...

• *Mô hình không gian ba chiều*: là những mô hình nổi mô tả vật thật dưới hình thức tái tạo vật đó bằng cách phóng đại (nếu vật thật quá nhỏ) hoặc thu nhỏ (nếu vật thật quá lớn) hay có thể sao y như bản cũ.

▪ Mô hình không gian ba chiều có thể là toàn bộ hoặc một phần của vật chất tùy theo mục đích của bài dạy.

▪ Ví dụ: Mô hình 1 tòa nhà cao tầng, 1 dãy núi là mô hình thể hiện toàn bộ vật chất.

▪ Mô hình bổ dọc, cắt ngang là mô hình thể hiện một phần vật chất. Loại mô hình này chỉ thể hiện phần mặt ngoài của đối tượng (ví dụ: mô hình một nửa quả đồi, một nửa bổ dọc não người...). Loại này thường được thiết kế bằng nhựa theo phương pháp in bằng máy hấp nhiệt.

• *Mô hình tượng khắc phù điêu*: là một trong những mô hình không gian ba chiều, loại này thường được thiết kế dưới dạng tượng đài, được điêu khắc, đúc bằng gang, đồng, thạch cao, đất sét hoặc gỗ.

(iii) *Hình nổi*: Là hình vẽ thể hiện trên mặt phẳng, nó phản ánh đầy đủ mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và hoạt động xã hội. Tất cả hình vẽ, tranh ảnh phẳng đều có thể thiết kế thành hình nổi để minh họa cho học sinh mù.

+ Hình nổi được sử dụng rộng rãi đối với tất cả các môn học và là phương tiện dạy học có hiệu quả rất cao. Học sinh mù có thể nhận biết hình ảnh của sự vật, hiện tượng bằng xúc giác. Nhờ đó, Học sinh vừa được rèn luyện kỹ năng xúc giác, vừa phát triển tình cảm thẩm mỹ thông qua hình ảnh xúc giác.

+ Tuy nhiên hình nổi chỉ phản ánh tốt những hình ảnh không gian 2 chiều như hình ảnh bổ dọc, cắt ngang, thể hiện bằng đường viền (chu vi) trên mặt phẳng. Hình nổi vẫn có thể phản ánh được không gian 3 chiều nhưng xúc giác khó cảm nhận được bề sâu của nó. Mặt khác, tốc độ tri giác bằng xúc giác luôn chậm hơn tốc độ tri giác thị giác, học sinh mù cũng rất khó cảm nhận hình nổi nếu chưa có khái niệm, biểu tượng về sự vật.

+ Do vậy, khi sử dụng hình nổi làm giáo cụ trực quan, Giáo viên cần hướng dẫn học sinh chi tiết và tỉ mỉ về cách quan sát đồng thời cần luôn có những phản hồi để học sinh có khái niệm trọn vẹn hơn về sự vật.

3.1.2. Học sinh khuyết tật nhìn sử dụng thiết bị hỗ trợ, đồ dùng trong trường hòa nhập cấp trung học cơ sở

– Giáo viên luôn tìm cách khác nhau để tăng cường khả năng hiểu của học sinh trong học tập và luôn hướng các em học tập trong tâm thế tích cực, chủ

động. Các nghiên cứu ở Anh, Nhật, Mỹ, Trung Quốc đều cho thấy rằng việc sử dụng đồ dùng thao tác sẽ giúp học sinh học tập nhất là với môn toán một cách tích cực và hiệu quả hơn

– Học sinh khuyết tật nhìn phát triển các kỹ năng và khái niệm thông qua trải nghiệm. Học sinh khuyết tật nhìn cần trải nghiệm mối liên hệ giữa đồ vật thật để chuẩn bị cho việc hiểu mối liên hệ khái niệm. Khuyết tật nhìn không chỉ là tập trung vào một khó khăn về một mặt phát triển của học sinh mà nó ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình thu thập thông tin của các em.

– Những khó khăn của học sinh khuyết tật nhìn làm cho các em bị phụ thuộc vào việc quan sát và học tập và tưởng tượng để hiểu được tất cả các yếu tố có liên quan đến một khái niệm cần học. Việc sử dụng đồ dùng thao tác giúp các em khắc phục khó khăn này.

– Sử dụng đồ dùng dạy học sẽ giúp học sinh khuyết tật nhìn học được:

+ Mối liên hệ giữa những tình huống thực tế với các biểu tượng

+ Cùng nhau hợp tác làm việc để giải quyết các vấn đề

+ Cùng thảo luận về những gợi mở và khái niệm trong học tập

+ Nói lên những suy nghĩ về toán

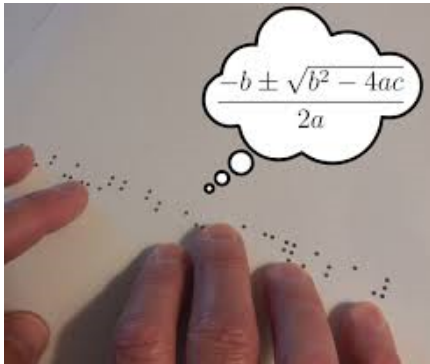
+ Thể hiện khả năng thực hiện thao tác và trình bày trước người khác

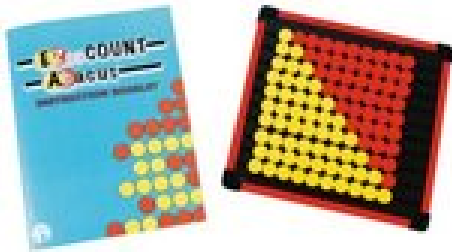
+ Hiểu được các khái niệm có thể được trừu tượng hóa bằng những cách khác nhau

+ Học sinh có thể làm được bài tập mà không cần nhiều hướng dẫn trực tiếp của giáo viên

– Khi tham gia học tập qua đồ dùng thao tác, mỗi Học sinh sẽ có đồ dùng riêng để được làm việc một cách độc lập. Có thể ít cần đến hướng dẫn của giáo viên hoặc bạn khác. Khi học sinh tích cực thao tác với đồ dùng, học sinh sẽ có hứng thú với việc học tập. Vì vậy, đồ dùng thao tác cần được thiết kế và lựa chọn phù hợp với khái niệm mà học sinh đang tìm hiểu và phù hợp với mức độ học tập hiện tại của Học sinh. Điều này sẽ giúp các em học tập tích cực.

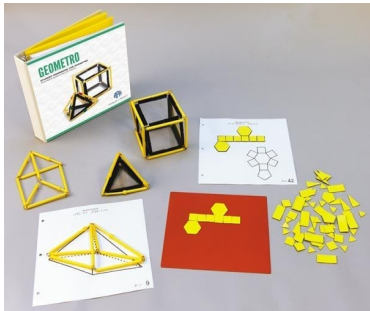
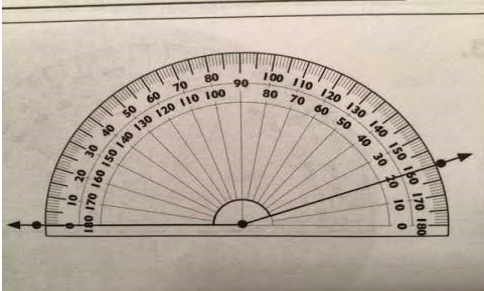
Bảng 3.1. Thiết bị đồ dùng dành cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở

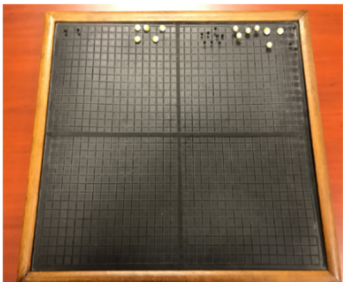
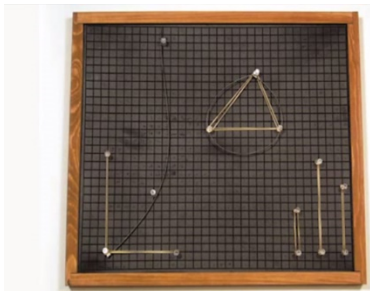
STT	Các phương tiện, đồ dùng	Hướng dẫn sử dụng
1	Sách chữ nổi 	
2	Phiếu bài tập chữ nổi – chữ to 	
3	Giấy in dòng kẻ đậm 	Giấy in dòng kẻ đậm là một công cụ có thể được sử dụng trong học tập cho học sinh nhìn kém. Giấy có thể được gấp sang một bên theo chiều dọc để tạo thành các cột để giúp học sinh thực hiện các hoạt động viết yêu cầu giữ số thẳng hàng.

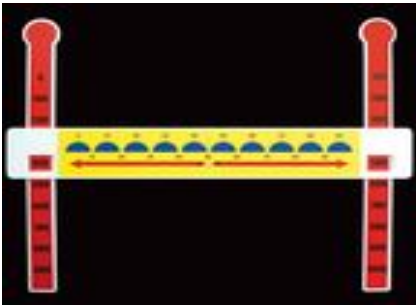
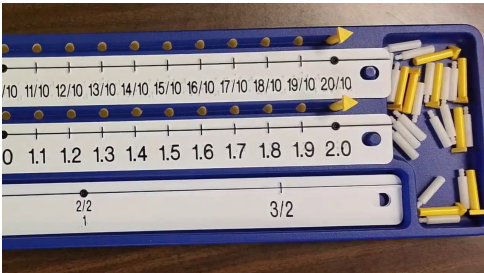
STT	Các phương tiện, đồ dùng	Hướng dẫn sử dụng
4	Bộ bàn tính EZeeCOUNT  Bàn tính là một công cụ tính toán nhưng không nên nhầm lẫn nó với máy tính. Nó được sử dụng như giấy và bút chì để Học sinh có thể nhìn được. Bàn tính Cranmer được thiết kế đặc biệt dành cho những người khuyết tật nhìn. Điểm độc đáo của bàn tính Cranmer là một miếng vải mềm hoặc cao su được đặt phía sau các hạt để chúng không bị dịch chuyển trong khi thực hiện các phép tính	Bộ bàn tính EZeeCOUNT bao gồm một mạng lưới 10x10 hạt phẳng. Những hạt này có 2 mặt và được phân biệt bằng màu sắc và / hoặc kết cấu. Các hạt màu đỏ là gọn sóng/thô và hạt vàng trơn. Các hạt trên một hàng được xâu qua một sợi dây từ trái sang phải. Phía dưới mạng hạt là một tấm bảng có thể dễ dàng viết và xóa. Bàn tính EZeeCOUNT có thể được sử dụng cho: cộng, trừ, nhân, sơ đồ, giá trị hàng số, thêm vào, kết hợp số, phân số, đồ thị, và các trò chơi.
5	Bộ khối lắp ghép 10 	
6	Compa	
7	Tranh minh họa hình nổi/phóng to	
8	Bộ các hình mẫu bằng nhựa hoặc gỗ	

STT	Các phương tiện, đồ dùng	Hướng dẫn sử dụng
9	Bàn tính Xô-rô-ban 	Bộ bàn tính mở rộng dành cho người mới bắt đầu - một thiết bị mới của APH nhằm giới thiệu đến học sinh khuyết tật nhìn những khái niệm đầu tiên của toán học và những thao tác với các con số, cũng như ký hiệu (thuật ngữ) của bàn tính. Theo mô tả sản phẩm của họ, nó "hỗ trợ các khái niệm và các kỹ năng như tương ứng 1-1, ý nghĩa của con số, phép cộng và phép trừ. Nó cũng giúp học sinh chuẩn bị cho việc sử dụng bàn tính Cranmer."
10	Máy tính nói 	Talking calculator - máy tính nói. Được sử dụng giúp học sinh khuyết tật nhìn đặc biệt là học sinh lớp 6 sử dụng để tính toán với những số lớn không thể tính nhẩm được.
11	Thẻ bài học/học toán	Thẻ Toán là một trò chơi toán học được sản xuất bởi APH. Nó bao gồm một hộp

STT	Các phương tiện, đồ dùng	Hướng dẫn sử dụng
		nhựa đựng các thẻ in, thẻ chữ nổi lớn. Mặt trước và mặt sau của mỗi thẻ chứa một câu hỏi toán học và bốn phương án trả lời. Để chơi, các sinh viên sẽ đóng một chiếc đinh ghim vào 1 trong bốn lỗ trên vỏ hộp nhựa tương ứng với phương án trả lời trên thẻ mà mình lựa chọn
12	Ứng dụng máy tính nói 	Ứng dụng Talking Caculator đọc tên nút, số, và các ô trả lời thành tiếng tiếng thông qua thiết bị hướng dẫn tùy biến cho phép người dùng ghi lại giọng nói của riêng mình. Công ty cũng cung cấp một ứng dụng Talking Scientific Calculator.
13	Sử dụng các phép tính bằng lego xúc giác 	Sử dụng phép tính cộng bằng lego xúc giác (của TackTiles) là một bộ đồ dùng lý tưởng cho những Học sinh không có khả năng đọc chữ nổi bằng xúc

STT	Các phương tiện, đồ dùng	Hướng dẫn sử dụng
		giác do mất cảm giác của ngón tay. Nó giúp cho những học sinh này có cơ hội tiếp cận toán học.
14	Bộ hình học không gian 	
15	Thước đo độ 	Bộ dụng cụ vẽ hình có chấm nổi 
16		Cubarith - Đồ dùng làm tính toán cộng trừ theo cột dọc

STT	Các phương tiện, đồ dùng	Hướng dẫn sử dụng
17	Bảng kẻ ô vuông 	Bộ đồ dùng Bảng đếm hàng trăm và bao gồm nhiều thủ thuật có thể sử dụng để dạy các khái niệm toán học cơ bản. Nó bao gồm hai bảng 10x10 được làm bằng nhựa cứng.
18	Bảng chuyển đổi – đồ thị - mô hình 	
19	Bảng học hình – Dây chun 	Cho phép người học tạo các hình khác nhau với dây chun
20	Bộ vẽ hình nổi 	

STT	Các phương tiện, đồ dùng	Hướng dẫn sử dụng
21	Nối hình theo điểm – đoạn thẳng 	
22	Bộ dây số đếm 1000 	Bộ Dây số đếm đến 10.000.000, được phát triển bởi Jim Franklin - một Giáo viên giáo dục đặc biệt. Học sinh có thị lực kém hay học sinh mù đều có thể tiếp cận bộ đồ dùng này.
23	Bộ dây số APH 	Bộ Dây số APH là một công cụ cơ bản để dạy khái niệm toán học bao gồm tất cả các phép toán ở cấp tiểu học, các phân số ở cấp trung gian, và xác định vị trí của các số vô tỉ ở cấp trung học.

3.2. HƯỚNG DẪN HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN ĐI CHUYỂN ĐỘC LẬP, AN TOÀN TRONG MÔI TRƯỜNG TRƯỜNG HỌC HÒA NHẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

Hạn chế do khiếm khuyết thị giác mang lại đã làm ảnh hưởng đáng kể đến các lĩnh vực phát triển cũng như học tập của học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở. Đặc biệt là khiến các em gặp những khó khăn trong việc di chuyển độc lập. Chính vì vậy, để học sinh khuyết tật nhìn có thể hoà nhập được tốt, tham gia mọi hoạt động cùng các bạn thì cần hướng dẫn các em các kĩ thuật Định hướng và Di chuyển để các em có thể di chuyển độc lập, an toàn trong môi trường hoà nhập, đặc biệt đối với học sinh đầu cấp trung học cơ sở.

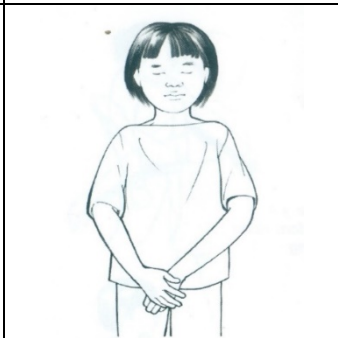


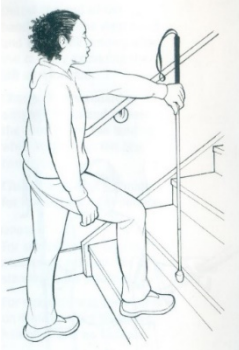
Sau đây là các kĩ thuật di chuyển hướng dẫn cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở

Bảng 3.2. Kỹ thuật di chuyển hướng dẫn cho học sinh khuyết tật nhìn cấp trung học cơ sở

STT	Tên kĩ thuật di chuyển	Các bước hướng dẫn học sinh khuyết tật nhìn	Lưu ý khi hướng dẫn
1	Kĩ thuật đi với người hướng dẫn không khuyết tật nhìn	- Bước 1: Người hướng dẫn sáng (người lớn, bạn bè) đến gần học sinh khuyết tật nhìn và gõ nhẹ vào mu bàn tay của các em và nói để thông báo - Bước 2: Học sinh khuyết tật nhìn sẽ nắm cổ tay hoặc khuỷu tay người hướng dẫn và lùi lại phía	Khi thay đổi hướng đi, lên xuống cầu thang hay có vật cản thì người hướng dẫn cần thông báo cho học sinh khuyết tật nhìn hoặc làm kí hiệu (đi chậm lại, cử động tay) để học sinh khuyết tật nhìn biết.

		sau người hướng dẫn khoảng 1 bước chân - Bước 3: Cứ thế học sinh khuyết tật sẽ đi sau người hướng dẫn đến nơi cần đến.	- Luyện tập hàng ngày cho học sinh khuyết tật nhìn ở lớp bằng cách xây dựng vòng tay bạn bè, tìm học sinh sáng hỗ trợ.
2	Kĩ thuật sử dụng gậy dò đường để định hướng, di chuyển 	- Bước 1: Hướng dẫn học sinh khuyết tật nhìn cách cầm gậy di chuyển: Năm đuôi gậy trong lòng bàn tay bằng các ngón út, ngón đeo nhẫn, ngón giữa; ngón trỏ duỗi thẳng phía trước theo trục gậy, ngón cái ôm tròn lấy đuôi gậy. - Bước 2: Cánh tay cầm gậy buông xuôi tự nhiên, áp nhẹ vào thân người, hướng về trước, căng tay co lên ngay thắt lưng và cách bụng khoảng 1 gang tay, đầu gậy đặt sát đất hướng về trước. - Bước 3: Cử động cổ tay cầm gậy để di chuyển gậy nhẹ nhàng từ trái qua phải và ngược lại, liên tục. Không cử động cánh tay và căng tay để di chuyển.	- Đầu gậy không được nhấc quá cao so với mặt đất (chỉ nên khoảng 5cm so với mặt đất) - Độ rộng di chuyển gậy từ trái qua phải bằng với bề ngang của thân người học sinh khuyết tật nhìn. - Khi sử dụng gậy ở địa hình phức tạp thì sử dụng kĩ thuật quả lắc: Tay giữ nguyên, cổ tay quay sao cho đầu gậy chạm đất ở khoảng cách của 2 vai. Khi đưa gậy sang bên phải thì chân trái bước lên và ngược lại. Chú ý hướng dẫn học sinh khuyết tật nhìn giữ hướng của gậy di chuyển đúng, không lệch hướng đi. Khi có vật chuẩn (vía hè, bờ tường...) hướng dẫn trẻ đặt đầu gậy lên cạnh và rê theo vật chuẩn để di chuyển.

3	Kĩ thuật các thế tay an toàn	- Thế tay an toàn dưới: Tay học sinh khuyết tật nhìn để phía dưới và cách bụng 1 gang tay (để mu bàn tay hướng ra ngoài). Tay giữ nguyên vị trí khi di chuyển để tránh vật cản tầm dưới thân người - Thế tay an toàn giữa: Tay học sinh khuyết tật nhìn để giữa ngực, mu bàn tay hướng ra ngoài. Giữ nguyên vị trí tay trong khi di chuyển - Thế tay an toàn trên: Tay học sinh khuyết tật nhìn để trước trán cách trán khoảng 5cm. Tay giữ nguyên vị trí trong khi di chuyển	- Khuyến khích học sinh khuyết tật nhìn sử dụng các thế tay an toàn thường xuyên để đảm bảo an toàn - Hướng dẫn học sinh khuyết tật nhìn sử dụng kết hợp 2 tay với 2 thế tay an toàn khác nhau để di chuyển ở môi trường lạ, có nhiều vật cản và khó xác định. - Giáo viên cần cho học sinh sáng hiểu được tầm quan trọng của kĩ thuật các thế tay an toàn và hỗ trợ cho học sinh khuyết tật nhìn có thể sử dụng trong môi trường hoà nhập. Học sinh sáng cần có thái độ tích cực khi học sinh khuyết tật nhìn sử dụng các thế tay, tránh chế nhạo, cười chê.
			

4	Kĩ thuật lên xuống cầu thang	- Bước 1: Hướng dẫn học sinh khuyết tật nhìn làm quen với các dạng cầu thang khác nhau, kiểu hình các bậc thang và tay vịn, ước lượng chiều cao của bậc thang - Bước 2: Hướng dẫn tay học sinh khuyết tật nhìn lần tìm tay vịn cầu thang và rà theo tay vịn - Bước 3: Phối hợp tay vịn – chân nhẹ nhàng để lên và xuống cầu thang	- Sử dụng học sinh sáng để hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn khám phá các kiểu cầu thang khác nhau của trường hoà nhập - Hàng ngày khuyến khích học sinh khuyết tật nhìn thực hành di chuyển lên, xuống cầu thang độc lập - Cần dạy kĩ thuật lên xuống cầu thang ở các môi trường cầu thang khác nhau.
			
5	Định hướng các vị trí, địa hình trong trường, lớp hoà nhập	- Hướng dẫn học sinh khuyết tật nhìn sử dụng các hướng không gian khác nhau: Trái phải, trên dưới, trong ngoài, đông tây nam bắc để xác định các vị trí khác nhau của trường hoà nhập: Lớp học, sân chơi, sân thể dục,	Mỗi địa điểm/ vị trí trong trường cần giúp học sinh khuyết tật nhìn chỉ ra những điểm mốc (những đồ vật, sự vật không thay đổi, đặt ở vị trí cố định, có sự khác biệt với vật khác), điểm đầu mối (những

		phòng học cá nhân, phòng thí nghiệm, phòng ăn, nhà vệ sinh, các phòng ban chức năng của trường... - Hướng dẫn học sinh khuyết tật nhìn xác định các vị trí không gian khác nhau trong lớp học: Chỗ ngồi, cửa ra vào, cửa sổ, bàn giáo viên, bảng, bục giảng....	mùi hương, dấu hiệu cảnh báo xúc giác, thính giác) để báo hiệu trước cho trẻ hướng của vị trí cần đến. - Luyện tập cho học sinh khuyết tật nhìn hàng ngày xác định rõ những điểm mốc, điểm đầu mối để tìm được các vị trí/địa điểm khác nhau trong trường hoà nhập.
--	--	--	--

3.3. KỸ NĂNG HỖ TRỢ NGOÀI GIỜ TRÊN LỚP DÀNH CHO HỌC SINH KHUYẾT NHÌN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

3.3.1. Hình thức hỗ trợ ngoài giờ lên lớp cho học sinh khuyết tật nhìn

Có 2 hình thức phổ biến trong hoạt động hỗ trợ học sinh ngoài giờ lên lớp:

3.3.1.1. Hỗ trợ cá nhân học sinh khuyết tật nhìn

Hoạt động hỗ trợ cá nhân học sinh khuyết tật nhìn ngoài giờ lên lớp được thực hiện như một tiết học cá nhân (1 thầy – 1 trò). Hình thức này được thực hiện với những học sinh cần có những hỗ trợ nhiều và hỗ trợ 1–1 mới đem lại kết quả mong muốn. Mỗi tiết hỗ trợ cá nhân được thực hiện trong khoảng từ 20 – 30 phút tùy theo từng hoạt động với những nội dung cụ thể.

Hình thức hỗ trợ cá nhân sẽ giúp cho bản kế hoạch giáo dục cá nhân của từng học sinh đạt được mục tiêu dễ dàng nhất và cũng phù hợp với các mục tiêu liên quan đến kỹ năng học tập.

Hỗ trợ cá nhân có thể được thực hiện bởi giáo viên đứng lớp hoặc giáo viên chuyên phụ trách riêng hoặc cũng có thể là từ phía bạn bè sáng trong lớp. Ở từng nội dung, giáo viên sẽ có sự sắp xếp đối tượng trợ giúp, hình thức cũng như địa điểm, thời gian phù hợp.

Một hình thức trợ giúp khá phổ biến đó là giáo viên xây dựng vòng tay bè bạn trợ giúp cho học sinh khuyết tật nhìn ở lớp.

3.3.1.2. Hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn ngay trong nhóm, lớp

Ở từng nội dung khác nhau, người hỗ trợ có thể sẽ hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn ngay trong nhóm/ lớp. Việc hỗ trợ trong nhóm/ lớp sẽ diễn ra chủ yếu trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp do trường hoặc lớp tổ chức. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp thường được tổ chức tại các trường trung học như: Hoạt động ngoại khóa, hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa, hoạt động vệ sinh môi trường, lao động công ích và các hoạt động khác. Như vậy, ngay trong các hoạt động này, giáo viên có thể hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn nhằm đạt được các mục tiêu chủ yếu như giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng định hướng di chuyển...

3.3.2. Hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn ngoài giờ lên lớp

3.3.2.1. Lực lượng tham gia

– Lực lượng chủ chốt:

+ Giáo viên chủ nhiệm lớp: Giáo viên chủ nhiệm lớp là người vạch ra kế hoạch hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, xác định các thành viên tham gia hỗ trợ cho phù hợp với nội dung, và đánh giá lại kết quả của hoạt động hỗ trợ...

+ Giáo viên phụ trách riêng phần hỗ trợ (nếu có): Giáo viên này sẽ có nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với giáo viên đứng lớp và thực hiện các công việc như trên.

– Lực lượng tham gia:

+ Vòng bạn bè:

Học sinh khuyết tật nhìn gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống và học tập nên các em cũng gặp nhiều khó khăn trong tình bạn. Xây dựng vòng bè bạn trên cơ sở từ hai phía không chỉ giúp học sinh khuyết tật nhìn có được đời sống tình cảm đầy đủ mà còn giúp đỡ các em rất nhiều trong học tập. Vì vậy giáo viên cần phải xây dựng vòng bạn bè để tình bạn thực sự có ý nghĩa với tất cả mọi học sinh.

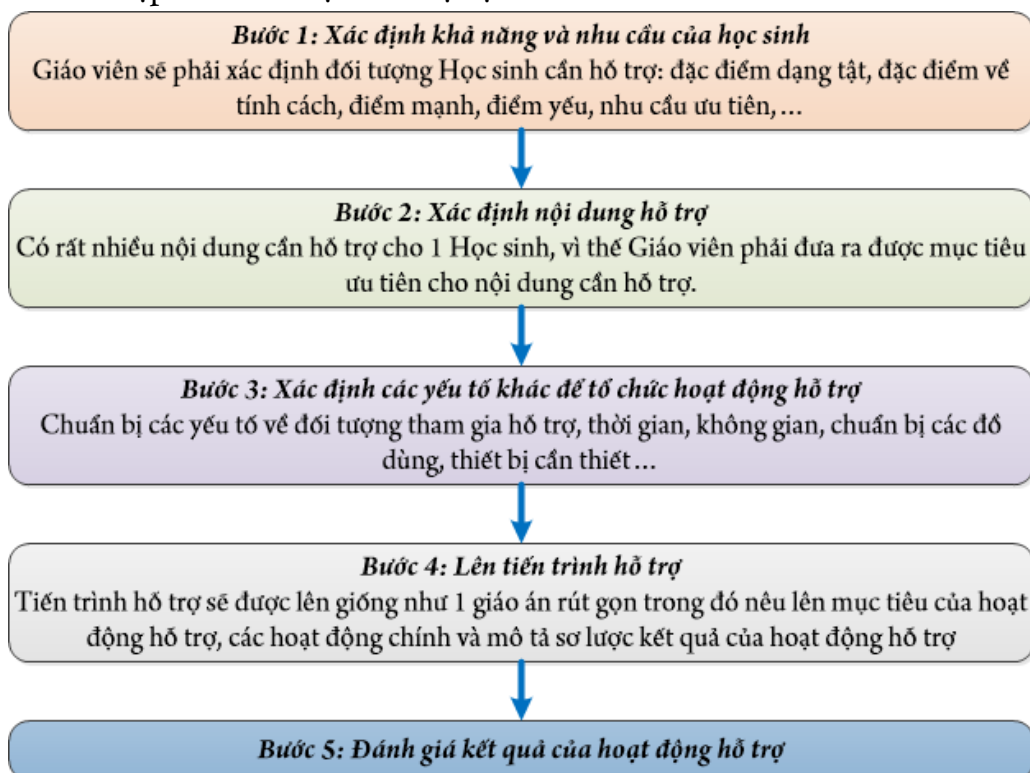
+ Các lực lượng cộng đồng:

Bao gồm phụ huynh học sinh bình thường trong trường, lớp, các cơ quan đoàn thể tại địa phương, các nhóm, đội sinh viên tình nguyện. Các lực lượng này có vai trò quan trọng tạo môi trường hòa nhập tốt nhất để học sinh khuyết tật nhìn sống có ích trong xã hội. Cụ thể như: xây dựng những quan niệm, thái độ đúng đắn về học sinh khuyết tật nhìn trong cộng đồng; tư vấn trợ giúp học

sinh khuyết tật nhìn và gia đình học sinh khuyết tật nhìn; tuyên truyền vận động các thành viên trong cộng đồng giúp đỡ các em; xây dựng các nguồn lực về tài chính giúp đỡ gia đình học sinh khuyết tật nhìn; tư vấn chính quyền địa phương về các chính sách hỗ trợ học sinh, gia đình học sinh...

3.3.2.2. Quy trình hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn ngoài giờ lên lớp

Trước khi tổ chức các hoạt động hỗ trợ học sinh ngoài giờ lên lớp, giáo viên cần lập lên 1 kế hoạch hỗ trợ cụ thể với các bước như sau:



Sơ đồ 3.1. Quy trình hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn ngoài giờ lên lớp

3.3.3. Một số lưu ý khi hỗ trợ học sinh khuyết tật nhìn ngoài giờ lên lớp

Trong quá trình thực hiện, giáo viên cần lưu ý thực hiện theo tiến trình như sau:

- Tạo tâm thế thoải mái, sẵn sàng học tập cho học sinh trước khi vào hoạt động.
- Nêu rõ yêu cầu đối với học sinh trước khi bắt đầu hoạt động
- Giáo viên cần lưu ý cách thức gợi ý, hướng dẫn phù hợp với học sinh.
- củng cố, mở rộng phù hợp với từng hoạt động.

3.4. KỸ NĂNG HỖ TRỢ HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN TÌM KIẾM VÀ SỬ DỤNG CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO TRONG QUÁ TRÌNH HỌC HÒA NHẬP

– Tìm kiếm và sử dụng tài liệu bản in (bản in thường, bản in chữ nổi)

Hiện nay, tài liệu dành cho học sinh khuyết tật nhìn chủ yếu chỉ có sách giáo khoa được chuyển đổi từ văn bản in sang văn bản chữ nổi. Ngoài ra, rất ít có những tài liệu chữ nổi khác phục vụ nhu cầu học tập của học sinh khuyết tật nhìn.

– Tìm kiếm và sử dụng tài liệu trên Internet

Tra cứu tài liệu trên internet đang rất phổ biến đối với học sinh khuyết tật nhìn hiện nay. Học sinh được học sử dụng máy tính, các phần mềm hỗ trợ người khuyết tật nhìn sử dụng máy tính như: Phần mềm đọc màn hình Jaws hoặc NVDA, phần mềm tổng hợp tiếng nói tiếng Việt: Sao Mai hay VOS. Từ việc học các phần mềm và sử dụng máy tính, học sinh có thể chủ động trong việc làm bài, ghi bài tại lớp học hòa nhập cũng như ở nhà. Bên cạnh đó, nhiều trường phổ thông hiện nay, học sinh khuyết tật nhìn có thể sử dụng làm bài kiểm tra cuối kì, cuối năm trên máy tính đối với rất nhiều môn học có ứng dụng phù hợp như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng anh...

Việc học sinh khuyết tật nhìn sử dụng máy tính trong trường hòa nhập, bên cạnh những lợi ích dành cho học sinh thì phần ưu điểm lớn nhất đối với giáo viên là dù giáo viên không biết chữ nổi trong dạy hòa nhập vẫn có thể giao bài, kiểm tra bài và giảng dạy cho học sinh khuyết tật nhìn. Công cụ này có thể thay thế cho các phương pháp trước đây như học sinh đọc – giáo viên kiểm tra, giáo viên hỗ trợ viết lại bài của học sinh và chuyển lại cho giáo viên phổ thông...

Một số điểm lưu ý khi hướng dẫn học sinh khuyết tật nhìn sử dụng internet:

+ Học sinh cần hiểu bản chất hình thức của các trang web: Các trang web có những hình thức và chứa hầu hết những thành phần như: Nhiều loại phông chữ và cỡ chữ; nhiều màu sắc; đồ họa; danh sách; quảng cáo.

+ Khả năng truy cập so với khả năng sử dụng: Một yếu tố quan trọng khác là sự khác biệt giữa khả năng tiếp cận và khả năng sử dụng. Có nhiều trang

web đáp ứng các yêu cầu truy nhập nhưng vẫn cực kỳ khó điều hướng với trình đọc màn hình. Tính khả dụng không chỉ áp dụng cho trình đọc màn hình, mà chính là yếu tố quyết định việc chúng ta sử dụng hay không sử dụng trang web. Đây là những yếu tố thường quyết định sự dễ sử dụng cho một trang web hoặc trang web và phải là một yếu tố quan trọng trong việc lựa chọn một trang web cho một bài học sinh viên. Giáo viên phải tìm các trang web đơn giản với cấu trúc tương thích với các phần mềm đọc màn hình để học sinh dễ tiếp cận với những thông tin ở đó.

+ Bắt đầu với phần mềm đọc màn hình: Trước tiên, giáo viên sẽ cần truy cập vào máy tính Windows và bạn sẽ cần tải xuống phần mềm đọc màn hình NVDA mã nguồn mở, không miễn phí. Giọng nói mặc định cũng là nguồn mở và có thể cần thay đổi giọng nói. Bắt đầu NVDA, nhấn chèn + N để mở các menu chương trình, sau đó mũi tên xuống tùy chọn và nhấn Enter. Một menu phụ sẽ mở ra và bạn sẽ mũi tên xuống để tổng hợp giọng nói và nhấn Enter. Một cửa sổ bật lên sẽ xuất hiện, mũi tên lên và xuống để chọn một trình tổng hợp mới (giọng nói) và khi hoàn tất, nhấn Enter. Nếu bạn muốn thay đổi giọng nói và tốc độ cụ thể, hãy chuyển đến tùy chọn sau đó cài đặt giọng nói và thực hiện bất kỳ thay đổi nào bạn cần.

+ Trang Web để bắt đầu bài học bằng cách sử dụng trình đọc màn hình: Khi bạn có NVDA hoạt động, hãy mở trang web bạn cần, trang bắt đầu đọc tự động. Nó trông giống như một trang web đơn giản, nhưng sử dụng mũi tên lên xuống để lắng nghe nội dung thông tin. Phải nghe toàn bộ trang web để biết thông tin tìm thấy ở cuối trang. Học sinh sẽ không đọc toàn bộ trang web mà thay vào đó là quét thông tin cần thiết. Học sinh cần học cách quét một trang web để tìm thông tin. Đó là lý do giáo viên cần thử trang web trước và sau đó sử dụng nó cho một bài học hoặc hướng dẫn học sinh.

+ Tìm kiếm và sử dụng tài liệu khác. Học sinh khuyết tật nhìn có thể đến 1 số thư viện tuyến Tỉnh/Thành phố hoặc Hội Người mù gần nơi mình sinh sống để có những hỗ trợ cần thiết khi muốn tìm kiếm tài liệu.

PHỤ LỤC

PHIẾU TÌM HIỂU KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU HỌC SINH KHUYẾT TẬT NHÌN

Họ và tên trẻ: _____ ☐ Nam ☐ Nữ Ngày sinh: _____

1. Thông tin y tế:

☐ Chưa khám mắt ☐ Đã khám mắt Cụ thể: _____
☐ Chưa chữa trị ☐ Đã chữa trị Cụ thể: _____
☐ Chưa phẫu thuật ☐ Đã phẫu thuật Cụ thể: _____

2. Về thị giác, thị lực, thị trường

2.1. Thị giác

Hình dạng của mắt: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường

Nếu không bình thường thì biểu hiện của mắt:

☐ Không có mắt	☐ Mù một mắt hoặc hai mắt	☐ Thiếu một hoặc hai mắt
☐ Quá nhiều tròng trắng	☐ Sụp mí	☐ Cầu mắt lồi
☐ Mắt to, mắt bé	☐ Hẹp khe mí	☐ Cầu mắt lõm
☐ Rung giật nhãn cầu	☐ Lác	☐ Đục thủy tinh thể
☐ Quặm	☐ Bị dị tật hoặc biến dạng ở vùng mắt	☐ Khác: _____

2.2. Thị lực

☐ Không cần kính ☐ Đã có kính trợ thị ☐ Chưa có kính trợ thị

Lý do: _____

Thị lực không kính: Mắt phải _____ Mắt trái _____ 2 mắt _____

Thị lực có kính: Mắt phải _____ Mắt trái _____ 2 mắt _____

2.3. Thị trường:

Thị trường bị thu hẹp: ☐ Không ☐ Có

Nếu có: ☐ Trái ☐ Phải ☐ Trên ☐ Dưới ☐ Trung tâm ☐ Ngoại biên

2.4. Phản xạ với ánh sáng và màu sắc:

Sợ ánh sáng chói	☐ Có	☐ Không	Nhận biết sáng tối	☐ Có	☐ Không
Thích ánh sáng	☐ Trong nhà	☐ Ngoài trời	Nhận biết màu sắc	☐ Có	☐ Không

3. Về khả năng định hướng – di chuyển (dành cho trẻ mù)

3.1. Khả năng định hướng:

Phải, trái	☐ BT	☐ Khó khăn	☐ RKK	Trước, sau	☐ BT	☐ Khó khăn	☐ RKK
Trên, dưới	☐ BT	☐ Khó khăn	☐ RKK	Trong, ngoài	☐ BT	☐ Khó khăn	☐ RKK

3.2. Khả năng tự di chuyển trong các môi trường khác nhau:

Trong nhà	☐ BT	☐ Khó khăn	☐ RKK	Trong lớp	☐ BT	☐ Khó khăn	☐ RKK
Trong khu xóm	☐ BT	☐ Khó khăn	☐ RKK	Trong trường	☐ BT	☐ Khó khăn	☐ RKK

4. Về xúc giác (dành cho trẻ mù)

Tay đồ mồ hôi	☐ Không	☐ Có	Nếu có, ghi cụ thể: _____
Khuyết ngón tay	☐ Không	☐ Có	Nếu có, là ngón nào? ____
Thừa ngón tay	☐ Không	☐ Có	Nếu có, là ngón nào? ____
Đầu ngón tay bị ráp	☐ Không	☐ Có	Nếu có, là ngón nào? ____
Cử động tay	☐ Có	☐ Không	Nếu không, ghi cụ thể: ____
Cảm giác lỗi, lôm	☐ Có	☐ Không	Nếu không, ghi cụ thể: ____
Cảm giác trơn nhẵn, sần sùi	☐ Có	☐ Không	Nếu không, ghi cụ thể: ____
Ngón trỏ phải sờ nhận biết tổ hợp chấm nổi	☐ Có	☐ Không	Nếu không, ghi cụ thể: ____
Ngón trỏ trái sờ nhận biết tổ hợp chấm nổi	☐ Có	☐ Không	Nếu không, ghi cụ thể: ____

Sờ nhận biết các hình cơ bản	☐ Có	☐ Không	Nếu không, ghi cụ thể: _____
Sờ nhận biết các vật quen thuộc	☐ Có	☐ Không	Nếu không, ghi cụ thể: _____

5. Chuyển động của mắt (dành cho trẻ nhìn kém)

	Bình thường	Khó khăn	Không làm được	Ghi chú
Nhìn chăm chú				
Đưa mắt				
Chuyển tầm nhìn				
Đổi chỗ nhìn cố định				

6. Kỹ năng học tập (Mô tả theo điểm mạnh và hạn chế theo môn học của chương trình trung học cơ sở): _____

KẾT LUẬN

1. Có khuyết tật nhìn hay không? ☐ Có ☐ Không

2. Mức độ khuyết tật nhìn

2.1. Có khuyết tật cơ quan thị giác nhưng không ảnh hưởng đến chức năng nhìn

2.2. Nhẹ

2.3. Nặng

2.4. Đặc biệt nặng

3. Nhu cầu hỗ trợ

3.1. Phẫu thuật mắt

3.3. Phục hồi chức năng

3.3. Phương tiện trợ giúp đặc thù:

☐ Kính ☐ Chữ nổi ☐ Sách phóng to

☐ Công nghệ thông tin ☐ Khác (ghi rõ): _____

3.4. Hỗ trợ trong học tập và sinh hoạt: _____

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Minh (2008), *Giáo dục trẻ khuyết thị Việt Nam*, Nhà xuất bản giáo dục;
2. Phạm Minh Mục (2006), *Giáo dục hòa nhập học sinh khuyết thị*, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
3. Nguyễn Đức Hữu (2014) Thực trạng và định hướng giáo dục Học sinh khuyết tật ở Việt Nam giai đoạn 2015–2020, Tạp chí giáo dục số đặc biệt tháng 8/2014, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam;
4. Luật Người khuyết tật (2010) – Luật số: 51/2010/QH12;
5. Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.